

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án “Mỗi xã, phường  
một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra, khảo sát;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (Khóa XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 04/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ X (Khóa XI) về nhiệm vụ năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt điều chỉnh Đề cương Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Bắc Kạn” (OCOP- BK) giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn (OCOP-BK) năm 2018.

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giám nghèo tại Tờ trình số 145/TTr-VPĐP ngày 10/4/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Mỗi xã, phường” một sản phẩm tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 -2020.

**Điều 2.** Các Sở, ngành, địa phương có liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đạt hiệu quả, đúng quy định.

Giao Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tinh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Đề án; chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 (t/hiện);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TGTU; Ban DVTU;
- CVP, PVP (Ô. Thất);
- Lưu: VT, KT.



**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đồng Thị Minh Hoa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

-----\*\*\*-----

## ĐỀ ÁN

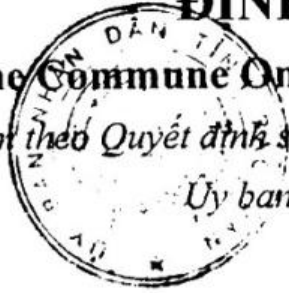
**“MỖI XÃ, PHƯỜNG MỘT SẢN PHẨM” TỈNH  
BẮC KẠN, GIAI ĐOẠN 2018-2020,**

**ĐỊNH HƯỚNG 2030**

**One Commune One Product Bac Kan (OCOP-BK)**

*(Kèm theo Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*



BẮC KẠN, THÁNG 5/2018

# MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG .....	5
DANH MỤC HÌNH.....	5
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	6
CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
PHẦN 1: .....	1
SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH “MỖI XÃ, PHƯỜNG MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN”.....	1
I. TÌNH HÌNH NÔNG THÔN BẮC KẠN SAU HƠN 07 NĂM TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2017).....	1
1. Tổng hợp những vấn đề cơ bản về khu vực nông thôn Bắc Kạn đến năm 2017 .....	1
2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo đến năm 2017 .....	3
3. Yêu cầu nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới....	4
II. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KHU VỰC NÔNG THÔN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI .....	4
1. Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP) của Nhật Bản.....	4
2. Chương trình “Mỗi làng/cộng đồng một sản phẩm” (OTOP) Thái Lan.....	5
III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP/OVOP TẠI VIỆT NAM .....	6
1. Kết quả triển khai OVOP tại các tỉnh.....	6
2. Kết quả và bài học kinh nghiệm thực tiễn từ Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm”, giai đoạn 2013 - 2016 của tỉnh Quảng Ninh.....	7
2.1. Kết quả thực hiện .....	7
2.2. Bài học kinh nghiệm .....	8
3. Phương hướng triển khai Chương trình OCOP ở Bắc Kạn.....	10
IV. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ NGUY CƠ/THÁCH THỨC (SWOT) TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP Ở BẮC KẠN.....	11
1. Các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong triển khai Chương trình OCOP .....	11
2. Các chiến lược triển khai Chương trình OCOP-BK dựa trên phân tích SWOT .....	13
2.1. Tận dụng cơ hội.....	13
2.2. Hạn chế nguy cơ, tránh thách thức.....	14
PHẦN 2: .....	16
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN.....	16
I. QUAN ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH .....	16
II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH .....	16
1. Mục tiêu tổng quát.....	16

2. Mục tiêu cụ thể .....	17
2.1. Giai đoạn 2018-2020.....	17
2.2. Giai đoạn 2021-2030.....	17
<b>III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN .....</b>	<b>17</b>
1. Phạm vi thực hiện.....	17
2. Đối tượng thực hiện.....	17
3. Nguyên tắc thực hiện.....	17
<b>IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN .....</b>	<b>18</b>
1. Triển khai chu trình OCOP .....	18
2. Xác định và phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP.....	21
2.1. Xác định sản phẩm, dịch vụ OCOP .....	21
2.2. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ OCOP .....	21
2.3. Xác định, nâng cấp sản phẩm/chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, huyện.....	22
3. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm OCOP .....	22
3.1. Bộ công cụ.....	22
3.2. Kiểm tra, giám sát .....	22
4. Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP .....	22
4.1. Tổ chức xúc tiến thương mại .....	22
4.2. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.....	23
5. Đào tạo nhân lực.....	23
5.1. Tập huấn xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh .....	23
5.2. Tập huấn phát triển sản phẩm .....	24
5.3. Tập huấn kỹ năng bán hàng (phân phối, xúc tiến thương mại.....).....	24
5.4. Tập huấn cho cán bộ tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP.....	24
5.5. Đào tạo CEO .....	24
6. Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ. Dự án thành phần .....	24
6.1. Nhóm Dự án nâng cấp/phát triển sản phẩm thực hiện theo chu trình OCOP thường niên.....	25
6.2. Nhóm Dự án xây dựng Trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP ...	25
6.3. Nhóm Dự án khai thác thế mạnh nông nghiệp - nông thôn của Bắc Kạn gắn với phát triển du lịch.....	26
<b>V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>27</b>
1. Tổng kinh phí thực hiện .....	.....
2. Nguồn vốn .....	.....
3. Phân khai kế hoạch vốn ngân sách theo từng năm.....	.....
<b>VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>28</b>
1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức .....	28

2. Xây dựng hệ thống vận hành OCOP .....	29
3. Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP.....	30
3.1. Hệ thống tư vấn OCOP .....	30
3.2. Hệ thống đối tác OCOP.....	31
4. Phát triển tổ chức kinh tế.....	32
4.1. Phát triển tổ chức cho các đối tượng đã tham gia OCOP .....	32
4.2. Hỗ trợ các tổ chức OCOP nâng cao chất lượng quản trị, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm .....	32
5. Chính sách thực hiện .....	32
6. Huy động các nguồn lực thực hiện.....	33
6.1. Nguồn lực từ cộng đồng.....	33
6.2. Nguồn kinh phí thực hiện.....	33
7. Khoa học công nghệ .....	33
8. Hợp tác trong nước và quốc tế về triển khai Chương trình OCOP .....	34
8.1. Hợp tác với các tỉnh thành trong cả nước .....	34
8.2. Hợp tác với Thái Lan .....	34
PHẦN 3: .....	35
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM .....	35
I. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....	35
II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ.....	35
1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức chính: Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo tỉnh Bắc Kạn .....	35
2. Chính quyền: UBND các cấp huyện, xã.....	35
3. Các ban, ngành: Các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm.....	35
4. Các tổ chức chính trị - xã hội - ngành nghề .....	37
5. Các doanh nghiệp .....	38
6. Các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng trong tỉnh .....	38
7. Cơ quan tư vấn triển khai Chương trình.....	38
PHẦN IV: .....	39
HIỆU QUẢ, Ý NGHĨA TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN.....	39
I. HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP - BK .....	39
1. Hiệu quả kinh tế.....	39
2. Hiệu quả về xã hội .....	39
3. Các kết quả cụ thể của Chương trình .....	39
II. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA OCOP .....	40

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Số lượng sản phẩm nông nghiệp lợi thế phân theo nhóm ngành hàng .....	1
Bảng 2: Số lượng các chủ thể sản xuất sản phẩm thuộc các ngành hàng có lợi thế vùng nông thôn .....	2
Bảng 3: Các hoạt động hỗ trợ từ Chương trình OCOP.....	19
Bảng 4: Dự kiến số lượng Trung tâm/điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại Bắc Kạn.....	25
Bảng 5: Các kết quả cụ thể của Chương trình OCOP-BK .....	39

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1: Chu trình triển khai OCOP hằng năm .....	18
--	----

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>VIẾT TẮT</b>	<b>VIẾT ĐẦY ĐỦ</b>
CEO	: Chief Executive Officer (Giám đốc)
CLB	: Câu lạc bộ
Chương trình NTM & GN	: Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo
DN	: Doanh nghiệp
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HTX	: Hợp tác xã
KD	: Kinh doanh
KHCN	: Khoa học công nghệ
KPI	: Key Performance Indicator (Chỉ số đo lường hiệu quả công việc)
MTQG	: Mục tiêu Quốc gia
NN	: Nông nghiệp
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
NTM	: Nông thôn mới
OCOP	: One Commune One Product (Mỗi xã, phường Một sản phẩm)
OTOP	: One Tambon One Product (Mỗi làng/cộng đồng một sản phẩm)
OVOP	: One Village One Product (Mỗi làng xã Một sản phẩm)
OCOP tỉnh	: Ban điều hành OCOP tỉnh Bắc Kạn
OCOP huyện	: Thường trực Chương trình OCOP cấp huyện
OCOP-BK	: Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Kạn
PPP	: Public Private Partnership (Hợp tác công – tư)
PTNT	: Phát triển nông thôn
PTTH	: Phát thanh truyền hình
R&D	: Nghiên cứu và Phát triển
SMEs	: Small and Medium Enterprises (Các doanh nghiệp vừa và nhỏ)
SWOT	: Strengths, Weaknesses, Opportunities and Threats (Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ/ thách thức)
SX	: Sản xuất
SX-KD	: Sản xuất kinh doanh
TCVN	: Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam
THT	: Tổ hợp tác



**VIẾT TẮT**

TNHH

TOT

UBND

YHCT

**VIẾT ĐẦY ĐỦ**

: (Công ty) Trách nhiệm hữu hạn

: Training of Trainers (Đào tạo tiểu giảng viên)

: Ủy ban nhân dân

: Y học cổ truyền

## CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn;
- Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn;
- Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 01/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;
- Kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại Hội nghị “Phát triển Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới, gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh Quảng Ninh phối hợp tổ chức ngày 2/3/2017 tại thành phố Hạ Long;
- Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPCP ngày 05/06/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đề cương Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 & bộ công cụ điều tra, khảo sát;
- Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn

thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020;

- Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Đề án phát triển Nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tạo sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường, tập trung trồng rừng với cây công nghiệp chế biến gỗ để nâng cao giá trị kinh tế rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt điều chỉnh Đề cương và dự toán tư vấn xây dựng và thực hiện Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn (OCOP - BK);

- Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn (OCOP-BK) năm 2018.

## PHẦN 1:

# SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH “MỠI XÃ, PHƯỜNG MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN”

## I. TÌNH HÌNH NÔNG THÔN BẮC KẠN SAU HƠN 07 NĂM TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2017)

### 1. Tổng hợp những vấn đề cơ bản về khu vực nông thôn Bắc Kạn đến năm 2017

Bắc Kạn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc bộ Việt Nam, có trên 80% dân số là đồng bào các dân tộc thiểu số (Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay) sống tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn. Vì vậy, khu vực này đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần duy trì sự cân bằng về hệ sinh thái và xã hội. Sự đa dạng của các yếu tố tự nhiên, văn hóa, làng nghề truyền thống là yếu tố cốt lõi, nền tảng để phát huy các thế mạnh nội tại tạo ra giá trị kinh tế, xã hội. Ngoài ra, khu vực nông thôn còn là nơi có nguồn lao động dồi dào sẵn sàng đáp ứng nguồn nhân lực ban đầu trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực nông thôn của tỉnh Bắc Kạn.

Các yếu tố tự nhiên cho thấy tỉnh Bắc Kạn có nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là khu vực nông thôn, nơi địa hình có độ dốc lớn, chia cắt mạnh, hệ thống sông suối mật độ dày giúp vùng nông thôn có lợi thế sản xuất hàng hóa theo hướng nông nghiệp sinh thái. Các điểm danh lam thắng cảnh hầu hết tập trung ở vùng nông thôn, có thể kể đến như Hồ Ba Bể là một trong 20 hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất thế giới, nằm trong vườn quốc gia Ba Bể, được công nhận là Vườn di sản ASEAN năm 2011; Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ (huyện Na Rì, Bạch Thông); hệ thống hang động lớn (động Puông, động Hua Mạ, động Nàng Tiên, động Thạch Long...), các yếu tố văn hóa, lịch sử khác như An toàn khu (ATK) - Chợ Đồn, nơi Bác Hồ đã hoạt động cách mạng trong kháng chiến chống Pháp. Các đền chùa như Đền Thẩm, chùa Thạch Long hay các bản làng dân tộc với nhiều nét văn hóa truyền thống đặc sắc. Những yếu tố trên tạo cho vùng nông thôn Bắc Kạn tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch kết hợp với văn hóa truyền thống và lịch sử dân tộc.

Trên địa bàn 08 huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn, theo thống kê có khoảng 124 sản phẩm lợi thế, thống kê 06 nhóm sản phẩm khu vực nông thôn theo Chương trình OCOP, gồm nhóm Thực phẩm có 48 sản phẩm; nhóm Đồ uống có 13 sản phẩm; nhóm Thảo dược có 07 sản phẩm; nhóm Vải và may mặc có 0 sản phẩm; nhóm Lưu niệm - nội thất - trang trí có 03 sản phẩm; nhóm Dịch vụ du lịch nông thôn có 53 sản phẩm.

**Bảng 1: Số lượng sản lợi thế phân theo nhóm ngành hàng vùng nông thôn**

TT	Nhóm ngành hàng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thực phẩm	48	38,7
2	Đồ uống	13	10,5
3	Thảo dược	7	5,6
4	Vải và may mặc	0	0,0

TT	Nhóm ngành hàng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
5	Lưu niệm - nội thất - trang trí	3	2,4
6	Dịch vụ du lịch nông thôn	53	42,7
	<b>Tổng</b>	<b>124</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát và Báo cáo của các huyện, thành phố)

Các sản phẩm trên được sản xuất bởi 114 tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, trong đó có 01 Công ty Cổ phần, 01 Công ty TNHH, 25 Hợp tác xã, 22 tổ hợp tác và 62 hộ sản xuất kinh doanh.

**Bảng 2: Số lượng các chủ thể sản xuất sản phẩm thuộc các ngành hàng có lợi thế vùng nông thôn**

TT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần	1	1	
2	Công ty TNHH	1	1	
3	Hợp tác xã	25	22	
4	Tổ hợp tác	22	19	
5	DNTN	3	3	
6	Hộ SX-KD	62	54	
	<b>Tổng</b>	<b>114</b>	<b>100</b>	

(Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát và Báo cáo của các huyện, thành phố)

Sản phẩm tại cộng đồng đa dạng, song phần lớn khó tiêu thụ hoặc chưa được thương mại hóa trong và ngoài tỉnh, số lượng sản phẩm đạt chứng nhận đủ tiêu chuẩn còn hạn chế (có 78 sản phẩm có đăng ký/công bố tiêu chuẩn chất lượng, chiếm 62,9% tổng số sản phẩm hiện có).

Các lý do trực tiếp dẫn đến điều này là:

- Bộ máy tổ chức (SMEs, HTX, THT...): Cơ cấu tổ chức thực hiện đúng theo các quy định hiện hành (luật doanh nghiệp, luật hợp tác xã...). Tuy nhiên, cách thức tổ chức và quản trị của các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn còn yếu, đặc biệt các hợp tác xã, tổ hợp tác phần lớn chưa tạo được liên kết sản xuất giữa các thành viên, giữa thành viên với HTX và giữa HTX với tổ chức kinh tế khác, do vậy chưa mở rộng được hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc hoạt động ở mức cầm chừng.

- Sản xuất: (1) Phần lớn phát triển theo dạng kinh tế hộ hoặc nhóm hộ, sản xuất theo phong trào hoặc tự phát, ít hiểu biết về thị trường, đặc biệt chưa chú trọng khai thác các lợi thế ở vùng nông thôn. (2) Khả năng sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ kỹ thuật còn hạn chế (công nghệ, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất còn thô sơ, đơn giản...), dẫn đến chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh, giá thành thấp...

(3) Việc phát triển, sản xuất các sản phẩm hiện nay vẫn còn mang tính thụ động theo thị trường, sản xuất quy mô nhỏ, tính bền vững không cao, giá trị gia tăng thấp do chưa biết tận dụng triệt để nguồn nguyên liệu và phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản phẩm: Hầu hết ở dạng vật phẩm có sẵn hoặc sản phẩm được làm với công nghệ thô sơ, đơn giản, hoàn thiện sản phẩm (mẫu mã, bao bì, nhãn mác,...) chưa đi đôi với chất lượng và quản lý chất lượng nên khả năng cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường còn yếu. Một số sản phẩm tiềm năng trên địa bàn tỉnh như: Cây ăn quả (Lê, dẻ - huyện Ngân Sơn, hồng không hạt - huyện Ba Bể, Cam - huyện Chợ Đồn quýt - huyện Bạch Thông,...); con (dê, trâu, bò, ngựa - huyện Pác Nặm); công nghệ truyền thống (rượu chuối, rượu men lá, mơ ngâm, thịt hun khói,...); danh thắng địa phương (Hồ Ba Bể, thác Dầu Đăng, Ao Tiên,...); khu di tích (đền An Mạ, đền Thắm, Nà Tu, Chiến Thắng đèo Giàng,...); văn hóa truyền thống (Lễ hội Lòong Tồng, hát then, hát lượn, kéo co, tung còn, dây gậy,...) chưa quy hoạch có hệ thống, bài bản và rõ ràng. Một số sản phẩm đã thương mại hoá cần được bảo vệ, giữ gìn thương hiệu, chống và ngăn chặn hàng giả, hàng nhái.

- Xúc tiến thương mại: Các hoạt động xúc tiến thương mại được triển khai trên phạm vi cấp vùng và tỉnh (hội chợ Công nghiệp - Thương mại vùng Đông Bắc - 2016, hội chợ Thương mại phát triển kinh tế Bắc Kạn - 2017, hội chợ Thương mại kích cầu hàng tiêu dùng Bắc Kạn - 2017), tham gia hội chợ ở các tỉnh, thành phố khác (Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Phú Thọ,...) đã thu hút sự tham gia của các tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất kinh doanh ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, các chủ thể này hầu hết chưa quen với nền kinh tế thị trường và hội nhập, chưa chủ động tiếp cận thị trường và tìm kiếm khách hàng. Tâm lý trông chờ, e dè, ngại đột phá của người dân là điểm yếu cản trở sự phát triển và gia tăng giá trị hàng hóa ở vùng nông thôn.

## **2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo đến năm 2017**

- Phát triển hạ tầng kinh tế:

Về hệ thống hạ tầng nông thôn, có 19 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông; 84 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi; 84 xã đạt tiêu chí số 4 diện nông thôn; 16 xã đạt tiêu chí số 5 trường học; 10 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá; 89 xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 73 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin truyền thông; 38 xã đạt tiêu chí số 9 nhà ở dân cư.

- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

Tổng giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn năm 2017 ước đạt 3.367 tỷ đồng, tăng 3,31% so với năm 2016. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp đạt 2.546.082 tỷ đồng, chiếm 75,6%, tăng 2,84%, (trồng trọt 1.841.205 tỷ đồng, chiếm 72,3%; chăn nuôi 695.398 tỷ đồng, chiếm 27,3%, dịch vụ nông nghiệp 9.479 tỷ đồng chiếm 0,4 %); lĩnh vực lâm nghiệp đạt 781.532 tỷ đồng, chiếm 23,2%, tăng 1,58%; lĩnh vực thủy sản đạt 39.388 tỷ đồng, chiếm 1,2%, tăng 1,11%.

- Giảm nghèo và an sinh xã hội:

Đến năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn của toàn tỉnh là 18.035/62.723 hộ, chiếm tỷ lệ 28,75%. Thực hiện các chính sách giảm nghèo năm 2017: (1) Tín dụng, có 6.934 hộ nghèo được vay vốn, doanh số 195.918 tỷ; có 1.926 hộ cận nghèo vay vốn, doanh số 76.979 tỷ đồng; có 230 hộ mới thoát nghèo vay vốn, doanh số 10.141 tỷ đồng.

Cho hộ nghèo vay làm nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg là 235 hộ với doanh số cho vay 5.875 tỷ đồng; cho vay trồng rừng sản xuất theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP là 218 hộ với số tiền là 7,085 tỷ đồng. (2) Hỗ trợ y tế cho hộ nghèo, thực hiện mua thẻ BHYT cho người nghèo và dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội, với số kinh phí mua thẻ hơn 150 tỷ đồng.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Trong năm 2017 đã tổ chức được 42 lớp đào tạo nghề lao động nông thôn (15 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp, 27 lớp đào tạo nghề nông nghiệp) với 1.252 học viên tham dự. Năm 2017 đã giải quyết việc làm cho 5.442/4.500 lao động, đạt 120,93 % kế hoạch (trong đó, qua xuất khẩu lao động 380 lao động, qua phát triển kinh tế - xã hội 3.162 lao động, đi làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh 1.050 lao động); tổ chức tư vấn việc làm cho 5.034 người/3.500 người, đạt 143,83% kế hoạch; giới thiệu việc làm cho 1.430/550 người, đạt 260% kế hoạch.

### **3. Yêu cầu nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới**

Với tinh thần, chủ trương cả một quốc gia khởi nghiệp theo phát động của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, cần có sự tham gia khởi nghiệp của cả đội ngũ nông dân đông đảo hiện nay, nhưng cần được tổ chức khoa học, bài bản. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để người dân tự đứng trong tổ chức kinh tế của chính họ (là các doanh nghiệp, các hợp tác xã) để nông dân thực sự làm chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế từ những lợi thế của các địa phương trong tỉnh.

Ngày 02/3/2017, tại Hội nghị “Phát triển Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp” được tổ chức tại tỉnh Quảng Ninh, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã có chỉ đạo triển khai chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trong phạm vi toàn quốc nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, đồng thời thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Từ những thực tiễn nêu trên cho thấy sự cần thiết phải có một hình thức tổ chức, một giải pháp giúp tỉnh Bắc Kạn tận dụng được tối đa những lợi thế riêng, biến những giá trị tiềm năng trở thành lợi thế, một động lực tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế khu vực nông thôn, miền núi. Đặc biệt trong bối cảnh thế giới bước vào cuộc cách mạng 4.0, đây là thách thức nhưng cũng là cơ hội để tỉnh Bắc Kạn chuyển mình, phá vỡ các rào cản về không gian, những giới hạn về địa lý, về trình độ để phát triển một cách hài hòa, bền vững, mang lại cuộc sống ấm no cho người dân.

## **II. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KHU VỰC NÔNG THÔN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

### **1. Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP) của Nhật Bản**

Cuối những năm 70 của thế kỷ 20, Nhật Bản về cơ bản đã thực hiện xong công cuộc Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với sự phát triển mạnh mẽ ở khu vực thành phố. Tuy nhiên, tình trạng trái ngược lại diễn ra phổ biến ở khu vực nông thôn khi chỉ còn lại người già và trẻ nhỏ, người nông dân bị mất phương hướng sản xuất phần vì nguồn lao động bị thiếu hụt, phần vì không nắm được xu hướng thị trường, nhu cầu tiêu dùng của “người thành phố”.

Khi trở thành người đứng đầu chính quyền tỉnh Oita, ngài Morihiko Hiramatsu đã tìm nhiều cách để khôi phục nền kinh tế của mảnh đất này, trong đó có Phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm”. Theo đó, mỗi địa phương (làng, xã, huyện), mỗi làng lựa chọn ra những sản phẩm độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của địa phương để phát triển như rau, quả, đồ gỗ,... các sản phẩm văn hoá, dịch vụ du lịch,... Để thực hiện nội dung này, hàng loạt vấn đề được đề cập và giải quyết một cách triệt để như xây dựng các nguyên tắc hoạt động của phong trào, tổ chức sản xuất sản phẩm, tổ chức mạng lưới quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, phân phối lợi ích,... Người dân địa phương tham gia một cách tự nguyện vào Phong trào này với tư cách là chủ nhân của các hoạt động. Chính quyền địa phương đóng vai trò trợ giúp chứ không phải là hướng dẫn hoặc ra mệnh lệnh cho họ.

Phong trào này đã gắn kết được các hoạt động sản xuất nông nghiệp với chế biến nông sản, tạo ra nhiều công ăn, việc làm, tăng giá trị gia tăng trong các sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của chúng, từ đó làm tăng thu nhập cho người dân nông thôn. Nhiều nghề truyền thống được khôi phục lại, nhiều nghề mới được phát triển. Các mặt hàng nông sản phổ biến của địa phương từ chỗ ít được biết đến đã trở nên phổ biến và có giá bán khá cao. Trải qua hơn 20 năm phát triển, Phong trào OVOP đã đạt được những thành công vang dội trong quá trình phát triển nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị cả về kinh tế, văn hoá và lối sống. Thành công lớn nhất của Phong trào là tạo ra niềm tin cho lớp trẻ - những người vốn đã có mặc cảm về sự yếu kém kinh tế của địa phương, về sự phát triển của kinh tế nông thôn.

Do có nhiều tương đồng giữa Phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm” của tỉnh Oita với chính sách phát triển nông thôn của các quốc gia, đã có rất nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới quan tâm, tìm hiểu và vận dụng Phong trào này, điển hình như: Cựu Thủ tướng Thái Lan Thaksin Siwatra, Thủ tướng Malaysia Mahathir Bin Mohamad, Tổng thống Philippine, Thủ tướng Campuchia Hun Sen, Thủ tướng Lào Boun Nhang Vorachith, Trung Quốc đã có nhiều hoạt động liên kết với Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” của Nhật, Phó chủ tịch Nhà nước Zeng Quinghong tiếp Ngài Hiramatsu tại Đại Lễ đường Nhân dân, Tổng thống Kim Dae Jung của Hàn Quốc, Chủ tịch Nhà nước Mông Cổ Bagabandi....

## **2. Chương trình "Mỗi làng/cộng đồng một sản phẩm" (OTOP) Thái Lan**

OTOP là Chương trình khuyến khích phát triển kinh tế địa phương do cựu thủ tướng Thái Lan Thaksin Shinawatra khởi xướng và tổ chức. Chương trình OTOPI được triển khai dựa trên kinh nghiệm Phong trào OVOP tại Nhật Bản nhưng có điều chỉnh để phù hợp với tình hình của Thái Lan. Chương trình khuyến khích cộng đồng địa phương phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm địa phương, lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu để cấp chứng nhận thương hiệu từ đó hỗ trợ xúc tiến thương mại trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm OTOPI của các địa phương và được phân thành 6 nhóm gồm: Đồ ăn lương thực thực phẩm; Đồ uống; May mặc; Đồ gia dụng - Trang trí; Lưu niệm và Thủ công mỹ nghệ; Thuốc từ cây cỏ - dược liệu - hương liệu không ăn được. Các cuộc thi, đánh giá, phân hạng sản phẩm được thực hiện liên tục trong các năm, nhằm tôn vinh các sản phẩm chất lượng, nâng cao uy tín, thương hiệu cho các sản phẩm. Các sản phẩm OTOPI có thứ hạng cao được hỗ trợ xúc tiến trong hệ thống xúc tiến thương mại của Chương trình như: Hội chợ OTOPI cấp tỉnh; Hội chợ OTOPI cấp vùng; Hội chợ quốc tế OTOPI; Trung tâm trưng bày các sản phẩm OTOPI; Trung tâm phân phối các sản phẩm OTOPI....



Hệ thống tổ chức Chương trình OTOP gồm: Ủy ban Điều hành OTOP Quốc gia chịu trách nhiệm theo dõi các tiêu chuẩn sản phẩm, hỗ trợ mỗi cộng đồng hiểu biết về sản phẩm và quảng bá chúng trên quy mô đầy đủ (bao gồm lưu trữ dữ liệu thống kê các sản phẩm). Cục Xúc tiến xuất khẩu tổ chức Hội chợ trong nước để thu hút sự chú ý của công chúng, tổ chức triển lãm ở nước ngoài.

Chương trình OTOP đã được triển khai liên tục từ năm 2000 đến nay. Mỗi năm Chương trình OTOP có một điểm nhấn nhằm đưa Chương trình phát triển về chất từ thấp đến cao, như kết nối các ngành cùng thực hiện ngay từ những năm đầu tiên, đến nghiên cứu tìm kiếm các sản phẩm OTOP tiềm năng,... và hướng đến hội nhập các nền kinh tế Asean (AEC) ngay từ năm 2012, khi AEC còn đang được đàm phán.

Đến hết 2013, đã có 37.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ gia đình kinh doanh,... tham gia OTOP, tạo ra 72.000 sản phẩm trên toàn quốc.

Đặc điểm nổi bật của OTOP là nó đã được chuyển từ một phong trào ở Nhật Bản thành một chương trình ở Thái Lan. Theo đó nhà nước là người tổ chức, với nguồn lực đầy đủ, cả về con người và ngân sách. Điểm đặc biệt là Chu trình OTOP thường niên, theo đó người dân là người khởi xướng quá trình phát triển, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm bằng cách đăng ký sản phẩm sẽ phát triển với nhà nước. Dựa trên đăng ký của người dân, toàn bộ hệ thống vào cuộc để hỗ trợ, bao gồm Văn phòng Chính phủ, các ngành Công nghiệp, Nông nghiệp - HTX, Văn hóa, Thương mại, Khoa học công nghệ, Môi trường, Thông tin - Truyền thông, Ngoại giao, Y tế, Nội vụ, Lao động. Các sản phẩm đã đăng ký phải được đánh giá và phân hạng.

### **III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP/OVOP TẠI VIỆT NAM**

#### **1. Kết quả triển khai OVOP tại các tỉnh**

Phong trào OVOP (mỗi làng một sản phẩm) đã được nhiều tỉnh thành tiếp cận từ năm 1997, đã có nhiều hội thảo trong nước và quốc tế về OVOP nhằm đẩy mạnh áp dụng OVOP tại các địa phương, góp phần tìm hướng đi phù hợp cho sự phát triển làng nghề tại các tỉnh thành trong cả nước.

Năm 2012, Câu lạc bộ OVOP Hà Nội được thành lập nhằm thúc đẩy phát triển sản phẩm thủ công - mỹ nghệ tại các làng nghề. CLB đã khảo sát thực trạng các làng nghề, cùng với Sở Công Thương đề xuất giải pháp hỗ trợ cho làng nghề như: Đào tạo (thiết kế, xây dựng thương hiệu,...), xúc tiến thương mại (tham gia hội chợ, kết nối phân phối)... một số nhà sản xuất làng nghề đã tạo ra nhiều dòng sản phẩm mới (gốm, mây tre đan, sơn mài,...).

Năm 2008, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hỗ trợ Việt Nam triển khai mô hình OVOP gắn với chương trình “Mỗi làng một nghề”, triển khai tại 8 tỉnh, thành phố trên cả nước (Điện Biên, Hòa Bình, Quảng Nam, Bắc Ninh, An Giang, Nam Định, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh). Chương trình đã tạo ra một số sản phẩm có triển vọng như Thổ cẩm tại bản Na Sang II (xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên), áp Srây Skốt (xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang), đúc đồng tại xã Đại Bái (huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh), thị trấn Lâm (huyện Ý Yên, Nam Định), điêu khắc đá, gỗ tại các làng ở xã Hiền Giang (Thường Tín, Hà Nội)... tạo ra những sản phẩm sơn mài, chạm khắc gỗ, đá, đúc đồng với mẫu mã cải tiến. Nhiều sản phẩm được chuyên gia nước ngoài đánh giá cao, phục vụ tốt cho nhiều thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời, trở thành nơi thu hút khách du lịch đến tham quan và mua đồ lưu niệm.

Tuy nhiên, kết quả từ chương trình OVOP tại các địa phương còn nhiều hạn chế, mới chủ yếu tập trung vào nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống tại các làng nghề, chưa thúc đẩy trở thành phong trào có sức ảnh hưởng lan tỏa đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là khu vực nông thôn.

## **2. Kết quả và bài học kinh nghiệm thực tiễn từ Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm”, giai đoạn 2013 - 2016 của tỉnh Quảng Ninh**

### **2.1. Kết quả thực hiện**

Năm 2012, Chương trình OCOP (Mỗi xã, phường một sản phẩm) tỉnh Quảng Ninh đã được khởi xướng và chính thức triển khai từ 2013. So với Đề án “Mỗi làng một nghề”, Chương trình OCOP Quảng Ninh có sự khác biệt quan trọng là: Lần đầu tiên được triển khai theo cách có hệ thống, với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, lấy trọng tâm là Chu trình OCOP thường niên; trung tâm là sản phẩm, không chỉ giới hạn ở thủ công mỹ nghệ mà được mở rộng thành 5 ngành hàng sản phẩm và dịch vụ. Sau 4 năm triển khai, Chương trình đã đạt được một số kết quả quan trọng:

#### **(1) Xây dựng được hệ thống tổ chức quản lý Chương trình OCOP Quảng Ninh**

- Cấp tỉnh: Ban Điều hành OCOP cấp Tỉnh (Trưởng Ban là đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND Tỉnh, thành viên Ban chỉ đạo là lãnh đạo các sở, ngành liên quan); cơ quan thường trực là Ban Xây dựng nông thôn mới; có Phòng Nghiệp vụ OCOP chuyên trách (04 cán bộ); có 4 tiểu ban: Phát triển sản phẩm, Xúc tiến thương mại, Đào tạo - Truyền thông, Hành chính - Tổng hợp (hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm).

- Cấp huyện: Ban Điều hành OCOP cấp huyện (Trưởng Ban là Phó Chủ tịch UBND huyện, các thành viên kiêm nhiệm là lãnh đạo các phòng, ban); cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc Phòng Kinh tế - hạ tầng ), có bộ phận OCOP (01- 02 cán bộ);

- Cấp xã: Lồng ghép trong Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới, do Chủ tịch UBND xã phụ trách.

#### **(2) Hình thành bộ công cụ quản lý chương trình**

- Chu trình chuẩn thực hiện chương trình OCOP theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng từ hộ sản xuất, đến SMEs, HTX). Trong đó quan trọng là bước thi đánh giá chất lượng và phân hạng sản phẩm.

- Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm theo thang điểm 100, bao gồm: Tổ chức sản xuất 35% điểm; khả năng tiếp thị (sức sống của sản phẩm) 20% điểm và tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm 45% điểm). Nội hàm là sản phẩm lợi thế của địa phương, do cộng đồng sản xuất và đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

#### **(3) Hình thành hệ thống tư vấn, hỗ trợ phát triển SMEs, HTX và sản phẩm OCOP**

- Xây dựng hệ thống đối tác OCOP để hỗ trợ: Các nhà tư vấn về phát triển, quản trị doanh nghiệp; Tư vấn phát triển sản phẩm (nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm, chất lượng tiêu chuẩn, thiết kế kiểu dáng công nghiệp bao bì...); Các nhà khoa học (các Viện nghiên cứu, các trường đại học...); Các ngân hàng thương mại; Các doanh nghiệp cung ứng nguyên liệu, vật tư, thương mại; Các cơ quan truyền thông, nhà báo.

- Hiện thực hóa mô hình liên kết 5 nhà (nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông - nhà tư vấn), đặc biệt là liên kết giữa các nhà khoa học - nhà doanh nghiệp và nhà nông với nhà tư vấn đã góp phần tạo nên sự thành công của chương trình.

#### **(4) Kết quả phát triển tổ chức kinh tế, sản phẩm OCOP**

- Phát triển tổ chức kinh tế: Có 180 tổ chức kinh tế, hộ sản xuất (Có đăng ký kinh doanh), trong đó thành lập mới: 12 DN, 29 HTX, 11 Tổ hợp tác (mục tiêu đề ra là có 20 - 30 tổ chức kinh tế tham gia, trong đó thành lập mới 10-15), tổng vốn thực tế đã huy động để sản xuất là 367.747 triệu đồng/tổng số vốn các Dự án là 480.943 triệu đồng, trong đó: Vốn DN, HTX, THT, Hộ SX: 240.857 triệu đồng (75,4%); vốn vay ngân hàng là 68.656 triệu đồng (chiếm 18,66%), NSNN đã hỗ trợ 58.243 triệu đồng (chiếm 15,84%).

- Phát triển sản phẩm: Có 198 sản phẩm, trong đó có 99 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên (mục tiêu đề ra là phát triển 40 - 60 sản phẩm), tổng doanh số bán hàng trong 03 năm đạt 672.296 triệu đồng (Đề án đề ra 200.000 triệu đồng),

Trên cơ sở phát triển sản phẩm, đã xây dựng quy hoạch 17 vùng sản xuất tập trung cấp tỉnh và trên 50 vùng sản xuất tập trung cấp huyện, xã, đưa tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương (làng, xã) được đầu tư, khai thác có hệ thống.

#### **(5) Hoạt động xúc tiến thương mại**

- Đã và đang xây dựng hệ thống trung tâm, điểm bán hàng OCOP tại các khu du lịch, khu đông dân cư trên địa bàn toàn tỉnh. Hiện đã có 6 trung tâm cấp tỉnh và huyện. Đang triển khai kêu gọi đầu tư các điểm bán hàng tại Hà Nội và tỉnh ngoài.

- Tổ chức hội chợ OCOP cấp tỉnh 02 kỳ/năm (được đánh giá thành công), tham gia 09 cuộc tổ chức triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước.

- Đang thực hiện xuất khẩu sản phẩm OCOP sang thị trường Trung Quốc.

- Đang xây dựng kế hoạch triển khai thương mại điện tử cho chương trình.

#### **(6) Công tác truyền thông, quảng bá**

- Tổ chức 3 hội thảo quan trọng cấp tỉnh và 32 hội nghị triển khai cấp huyện về chương trình OCOP cho các đối tượng là cán bộ quản lý, chủ DN, HTX, hộ sản xuất.

- Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo địa phương có chuyên mục riêng về Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" định kỳ theo tuần.

- Đài Phát thanh - Truyền hình có chuyên mục (dạng trailer) phát thường xuyên về từng sản phẩm OCOP (nguyên liệu, quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn, cách sử dụng...) phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình, YouTube, facebook, các biển quảng cáo điện tử lớn trên địa bàn tỉnh.

#### **2.2. Bài học kinh nghiệm**

Với cách thức tổ chức như vậy, Chương trình OCOP Quảng Ninh thực chất đã vận dụng bài học kinh nghiệm của OTOP Thái Lan, từ đó đã khắc phục được các thiếu sót của Chương trình làng nghề. Các bài học kinh nghiệm rút ra sau khi triển khai giai đoạn I của Chương trình OCOP Quảng Ninh bao gồm:

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng về chương trình OCOP, sản phẩm OCOP. Công tác tuyên truyền hướng đến các

doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh đề nâng cao nhận thức về chương trình OCOP về các nội dung, lợi ích khi tham gia chương trình OCOP.

- Nhận thức sớm, đúng đắn và vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, trước hết là người đứng đầu cấp ủy (bí thư tỉnh ủy, huyện ủy, xã), từ đó đưa vào các nghị quyết của các cấp ủy Đảng.

- Vai trò của Nhà nước rất quan trọng trong chỉ đạo, điều hành. Xây dựng được tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ triển khai thực hiện được trao nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thực hiện. Người đứng đầu phải trong Bộ máy Nhà nước có đủ thẩm quyền để điều hành và quyết định công việc.

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo phải được thực hiện thường xuyên theo chủ trương của tỉnh. Trong công tác chỉ đạo cần có tính đồng bộ, quyết liệt, liên tục, kiên trì, bền bỉ, có trọng tâm trọng điểm, không nóng vội. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần bám sát tình hình thực tiễn, xác định các vấn đề trọng tâm để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Xây dựng được hệ thống quản lý, công cụ triển khai khoa học. Kế hoạch thực hiện được ban hành sớm để có sự chuẩn bị đối với các cơ quan thực hiện. Kế hoạch cần chi tiết, cụ thể, phân công nhiệm vụ cụ thể cho tập thể, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện, gắn kết quả thực hiện với việc đánh giá, nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ các các tập thể, cá nhân được phân công.

- Đánh giá và lựa chọn đúng sản phẩm lợi thế. Cần có sự chỉ đạo, định hướng sát sao của các cơ quan chuyên môn trong việc định hướng, phát triển các sản phẩm OCOP. Trong quá trình thực hiện cần có trọng tâm (không nên dàn trải), mỗi năm lựa chọn từ 2-3 sản phẩm chủ lực để tập chung nguồn lực đầu tư triển khai thực hiện dứt điểm, có hiệu quả.

- Hình thành, xây dựng hệ thống sản xuất phù hợp (là các SMEs, HTX) thông qua đó thúc đẩy liên kết sản xuất do chính người dân làm chủ quản lý, chủ nhân công nghệ, sở hữu nhãn hiệu hàng hóa và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Tích cực thực hiện khâu xúc tiến thương mại và thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ chung cho cả chương trình. Quảng bá rộng rãi chương trình OCOP, tiêu chí của các sản phẩm OCOP đến rộng rãi người tiêu dùng trên địa bàn. Xây dựng thương hiệu OCOP với các sản phẩm đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh, số lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- Phát huy mô hình 5 nhà: Ngoài 4 nhà thường được nhắc tới là nhà nông, nhà nước, nhà doanh nghiệp và nhà khoa học, nhà thứ 5 là nhà tư vấn, cần có vai trò bám sát cộng đồng trong suốt quá trình và kết nối với các nhà khác.

Một số kinh nghiệm ở cấp huyện, xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình OCOP: (1) Công tác lãnh đạo chỉ đạo phải được thực hiện thường xuyên theo chủ trương của tỉnh. Trong công tác chỉ đạo cần có tính đồng bộ, quyết liệt, liên tục, kiên trì, bền bỉ, có trọng tâm trọng điểm, không nóng vội; (2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần bám sát tình hình thực tiễn, xác định các vấn đề trọng tâm để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện; (3) Chương trình OCOP không phải là ý trí áp đặt của cơ quan chính quyền, nó phải xuất phát từ nhu cầu của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có sản phẩm tham gia. Cơ quan nhà nước không thể đóng vai trò làm thay cho người sản xuất, phải là người sản xuất tự làm, tự quyết định sản phẩm của mình, cơ quan nhà nước chỉ đóng vai trò hướng dẫn, giúp đỡ (vì thực tế người dân cần nguồn vốn hỗ trợ nhưng lại rất ngại va chạm với các thủ tục pháp lý).

### **3. Phương hướng triển khai Chương trình OCOP ở Bắc Kạn**

Dựa trên kinh nghiệm triển khai OVOP Nhật Bản, OTOP Thái Lan và bài học thực tiễn từ OCOP tỉnh Quảng Ninh, Chương trình OCOP ở Bắc Kạn cần vận dụng và triển khai theo cách:

#### **(1) Tổ chức thực hiện Chương trình OCOP là một Chương trình phát triển kinh tế**

Chương trình OCOP cần thực hiện như là một phần của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, gắn với phong trào khởi nghiệp, trong đó:

(i) Nhà nước kiến tạo được sự phát triển kinh tế - xã hội tại cộng đồng thông qua OCOP với trung tâm/đối tượng phục vụ là các tổ chức kinh tế của cộng đồng (SMEs, HTX, THT,...).

(ii) Trọng tâm của Chương trình là sản phẩm, bao gồm nghiên cứu phát triển, hoàn thiện sản phẩm, xây dựng mẫu mã, tiêu chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và xúc tiến thương mại. Sản phẩm bao gồm cả sản phẩm hàng hóa và sản phẩm dịch vụ. Kết quả phát triển và thương mại hóa sản phẩm phải được đánh giá hằng năm, từ đó phân hạng để hỗ trợ xúc tiến thương mại và/hoặc cải tiến sản phẩm.

(iii) Chương trình gồm nhiều hợp phần, trong đó các hợp phần quan trọng là hình thành và tái cơ cấu các tổ chức kinh tế tại cộng đồng, dưới dạng HTX và doanh nghiệp; nghiên cứu và phát triển sản phẩm; xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực tại cộng đồng tham gia OCOP.

(iv) Thực hiện ba giai đoạn cơ bản: Giai đoạn 1: Hình thành hệ thống tổ chức OCOP từ tỉnh đến cơ sở. Giai đoạn 2: Phát triển và đi vào chiều sâu, nhằm củng cố và phát triển các thành quả đã đạt được ở giai đoạn 1, tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển thị trường trên phạm vi toàn tỉnh. Giai đoạn 3: Phát triển các sản phẩm đỉnh cao, bằng cách chọn lọc các sản phẩm có khả năng xuất khẩu để hỗ trợ thâm nhập thị trường toàn quốc và quốc tế.

(v) Theo chu trình, phối hợp cách tiếp cận từ dưới lên và trên xuống: Việc triển khai OCOP được thực hiện theo chu trình thường niên, thống nhất trên toàn tỉnh, khởi đầu bằng việc cộng đồng đề xuất ý tưởng làm căn cứ để Nhà nước hỗ trợ.

#### **(2) Tuân thủ các nguyên tắc của OCOP**

Chương trình OCOP cần được thiết kế và triển khai theo hướng tuân thủ 3 nguyên tắc của OCOP toàn cầu, bao gồm:

(i) Địa phương hướng đến toàn cầu: Để gia nhập vào thị trường thế giới, các sản phẩm cần được thiết kế mới hoặc cải tiến phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng ở thị trường đích, bao gồm cả xuất khẩu tại chỗ, thông qua các địa điểm du lịch và xuất khẩu qua biên giới.

(ii) Độc lập và sáng tạo: Khi tự lực, tự tin và sáng tạo, người dân sẽ có cách hành động phù hợp trong lựa chọn sản phẩm của địa phương mình và tổ chức sản xuất chúng một cách hiệu quả nhất. Nói cách khác, chính sự độc lập lại kích thích tính sáng tạo phát triển một cách tối đa trong cộng đồng dân cư khi tham gia Chương trình.

(iii) Phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực, đặc biệt là lớp trẻ, là chìa khoá quan trọng để phát triển nông thôn. Khi lớp trẻ địa phương có động lực, được trang bị

kiến thức và kỹ năng cần thiết, thì việc phát triển nông thôn của khu vực đó sẽ đem lại hiệu quả.

#### **IV. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ NGUY CƠ/THÁCH THỨC (SWOT) TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP Ở BẮC KẠN**

##### **1. Các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong triển khai Chương trình OCOP**

Các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ, thách thức trong việc triển khai Chương trình OCOP tại Bắc Kạn được trình bày ở Khung 1.

##### **Khung 1: Khung phân tích SWOT của Bắc Kạn trong việc triển khai Chương trình OCOP**

<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tự nhiên có địa hình phân tách đa dạng, hệ thống sông ngòi là đầu nguồn 5 con sông lớn của vùng Đông Bắc (sông Lô, sông Gâm, sông Kỳ Cùng, sông Bằng, sông Cầu), có một trong các hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam (hồ Ba Bể) là điều kiện dễ tạo nên nhiều thắng cảnh, văn hóa và sản phẩm đặc trưng của vùng.</li> <li>- Tài nguyên du lịch nổi bật: Vườn quốc gia Ba Bể với 21 tuyến du lịch (Động Puông, thác Đầu Đẳng, Ao Tiên, hồ Ba Bể, đền An Mã, đảo Bà Goá, hang Thảm Khít, động Nà Phò, động Hua Mạ...); làng du lịch văn hoá đa dạng, nhiều lễ hội còn gìn giữ nguyên vẹn các phong tục, tập quán xưa, tạo nét phong phú, mới lạ (Pác Ngòi, Bó Lù, Cốc Tộc, Hin Đăm, Khau Qua, Nặm Dải, Cắm Thượng, Cắm Hạ...); các khu di tích lịch sử (ATK Chợ Đồn, di tích lịch sử Nà Tu, đồn Chiến thắng Phủ Thông...).</li> <li>- Tài nguyên đất và rừng: Diện tích đất lâm nghiệp chiếm trên 90% diện tích tự nhiên, độ che phủ rừng 71,4% (kiểm kê rừng 2017) là điều kiện tốt phát triển kinh tế lâm nghiệp và cây dược liệu.</li> <li>- Có nhiều sản vật địa phương đặc trưng, đa dạng, nổi bật được nhiều người biết đến như: Miến dong, hồng không hạt, rượu men lá...</li> <li>- Có phong trào thanh niên khởi nghiệp của địa phương: Đây là một chương trình kết nối cộng đồng, tạo cơ hội, môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng tư duy, nhận thức cộng đồng (đặc biệt là cộng đồng Tày, Mông...) về khai thác, phát triển tiềm năng sản vật, du lịch còn hạn chế (du lịch sinh thái, văn hóa, tín ngưỡng,...).</li> <li>- Các sản phẩm truyền thống còn thô sơ, chưa hấp dẫn (hình thức, thiết kế bao bì, nhãn mác,...), phần lớn chưa có tiêu chuẩn chất lượng rõ ràng.</li> <li>- Hiểu biết về sản phẩm, năng lực nghiên cứu và phát triển còn yếu.</li> <li>- Kiến thức và kỹ năng về thị trường của cộng đồng và đội ngũ cán bộ còn hạn chế.</li> <li>- Năng lực xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm của địa phương, doanh nghiệp nội sinh còn yếu.</li> <li>- Hình thức tổ chức có sự tham gia của cộng đồng còn ít, hoạt động đơn lẻ, hầu hết chưa liên kết theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Tâm lý trông chờ nguồn hỗ trợ từ Nhà nước của cộng đồng. Ngại thay đổi, bằng lòng với quy mô, năng lực hiện tại.</li> <li>- Thói quen phát triển thụ động "từ trên xuống" (theo hướng phát triển nông thôn ngoại sinh).</li> <li>- Tập quán sản xuất lạc hậu, quy mô nhỏ lẻ, không tập trung phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên.</li> <li>- Điều kiện di lại khó khăn dẫn đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tăng cao, khó</li> </ul>

<p>thuận lợi cho tuổi trẻ tiếp cận học tập, phát triển năng lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhiều bản/làng du lịch văn hóa truyền thống, thương thức đặc sản và thăm quan danh lam thắng cảnh của cộng đồng các dân tộc (bản Pác Ngòi, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bè,...)</li> <li>- Lực lượng lao động địa phương dồi dào.</li> <li>- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đồng thời cùng sự phối hợp tích cực của các sở, ban, ngành, địa phương.</li> </ul>	<p> cạnh tranh với các mặt hàng tương tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu mạng lưới hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (đầu vào và đầu ra).</li> <li>- Nông nghiệp nông thôn vẫn là ngành kinh tế chính, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp &amp; du lịch dịch vụ còn nhỏ bé.</li> <li>- Chất lượng nguồn lao động còn thấp, chủ yếu là lao động thủ công, đơn giản.</li> <li>- Nguồn lực hỗ trợ cho phát triển kinh tế còn hạn chế.</li> <li>- Chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư, phát triển.</li> </ul>
<p><b>CƠ HỘI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu về các sản phẩm truyền thống, đặc sản của người dân tăng cao.</li> <li>- Tâm lý e ngại các sản phẩm giá rẻ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, độc hại,... của người dân.</li> <li>- Có sự hỗ trợ của các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước (tập huấn đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật).</li> <li>- Cơ hội việc làm, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.</li> <li>- Việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM quyết liệt, rõ ràng: Phân bổ ngân sách Nhà nước, thu hút các nguồn lực (ODA) vào phát triển vùng nông thôn miền núi.</li> <li>- Cách mạng công nghệ 4.0 và các tiến bộ khoa học công nghệ tạo nền kinh tế mở, không giới hạn về không gian: tạo nhiều cơ hội, điều kiện thúc đẩy hiện đại hóa, thương mại hóa các sản phẩm truyền thống.</li> </ul>	<p><b>NGUY CƠ VÀ THÁCH THỨC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cạnh tranh hàng hoá từ các tỉnh thành khác, hàng nhập ngoại (Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản,...) bán với số lượng lớn, mẫu mã, hình thức đẹp, giá rẻ.</li> <li>- Thị trường vùng đô thị trong tỉnh có quy mô nhỏ.</li> <li>- Khách hàng không tin vào chất lượng các sản phẩm đặc sản, đặc biệt là các vấn đề về nguy cơ không đạt VSATTP (với nhóm thực phẩm, đồ uống).</li> <li>- Khách hàng chưa nhận biết, phân biệt được sản phẩm thật, giả, sản phẩm nhập ngoại hay sản phẩm trong nước dẫn đến tâm lý hoang mang.</li> <li>- Làm hàng nhái, hàng giả do sự tuân thủ pháp luật của cộng đồng và hệ thống hành pháp còn kém.</li> <li>- Lợi ích nhóm, địa phương, gia đình trong quá trình triển khai và đầu tư.</li> <li>- Địa hình phân tách, đa dạng, phức tạp là trở ngại cho việc hình thành những vùng chuyên canh cây công - nông nghiệp diện tích lớn.</li> <li>- Tàn phá môi trường, bóc lột tài nguyên để phát triển và tiếp thị sản phẩm.</li> <li>- Tập quán canh tác, sản xuất truyền thống của cộng đồng khó thay đổi, khai thác sử dụng tài nguyên có sẵn không chú ý đến thế</li> </ul>

	<p>manh phát triển kinh tế lâm nghiệp và cây dược liệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sắc văn hoá dần bị mai một hoặc biến dạng.</li> <li>- Thiếu các nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm: Nhân lực, các dịch vụ thiết kế, in ấn, bao bì, nguyên, nhiên vật liệu,...</li> </ul>
--	--

## 2. Các chiến lược triển khai Chương trình OCOP-BK dựa trên phân tích SWOT

### 2.1. Tận dụng cơ hội

#### (1) Dùng điểm mạnh:

- Tổng hợp nguồn lực, phân bổ các nguồn tài chính hợp lý thực hiện Chương trình. Xây dựng Đề án tổng thể trên quy mô toàn tỉnh là giải pháp đồng bộ cho sự phát triển, trên cơ sở tổng hợp, cân đối, cơ cấu nguồn lực khả thi thực hiện (ngân sách trung ương, tỉnh, vốn huy động,...) áp dụng cho phát triển sản xuất và hoàn thiện sản phẩm và kết nối tiêu thụ.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích đột phá nhằm thu hút sự tham gia của các chuyên gia và nhà khoa học trong việc đào tạo cộng đồng về phát triển và thương mại hoá sản phẩm. Thông qua các chương trình, diễn đàn kết nối doanh nghiệp (như Hội nghị đối tác OCOP), tổ chức kinh tế cộng đồng gặp gỡ các nhà khoa học, đề xuất các chuyên đề khoa học, đặt hàng các nghiên cứu.

- Gắn kết các hoạt động du lịch với phát triển nông thôn như lễ hội, du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá nhằm tối ưu hóa các hoạt động quảng bá và bán sản phẩm. Cụ thể, nâng cấp, phát triển và hoàn thiện các sản phẩm du lịch thôn Pác Ngòi (Ba Bê) làm mẫu để xây dựng và phát triển thêm các mô hình du lịch cộng đồng tại các địa phương khác như Chợ Mới, Na Ri, Ngân Sơn, Chợ Đồn,... hay phát triển các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch miệt vườn như vườn Quýt tại huyện Bạch Thông, Na Ri, thành phố Bắc Kạn; vườn Mơ, Mận, Hồng không hạt tại huyện Ba Bê, Chợ Đồn; du lịch thắng cảnh tại huyện Ba Bê, Ngân Sơn, Na Ri, Chợ Đồn,...

- Gắn kết Chương trình thanh niên khởi nghiệp, phụ nữ khởi nghiệp vào Chương trình OCOP-BK. Đây là một trong những hoạt động quan trọng giúp Chương trình được triển khai mạnh và hiệu quả hơn vì những lý do sau:

- + Vận dụng được một cách đa dạng, linh hoạt các nguồn lực hỗ trợ thanh niên/phụ nữ khởi nghiệp từ khía cạnh tài chính, tư vấn, khoa học công nghệ đến đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực vào hỗ trợ các Dự án phát triển sản phẩm do thanh niên/phụ nữ đăng ký tham gia;

- + Thông qua Chương trình, các Dự án khởi nghiệp của thanh niên/phụ nữ và đặc biệt là các tổ chức kinh tế do thanh niên/phụ nữ xây dựng và vận hành được định hướng cụ thể về tổ chức kinh tế, về sản xuất kinh doanh, về quản trị doanh nghiệp và xây dựng hình ảnh, văn hóa doanh nghiệp;



+ Tham gia Chương trình, các Dự án khởi nghiệp phải xác định cụ thể về sản phẩm đưa ra thị trường, về sản xuất và phân phối, bán hàng. Đây là điểm mấu chốt giúp các Dự án khởi nghiệp thành công và bền vững.

+ Đưa được nguồn nhân lực trẻ, có trình độ vào Chương trình sẽ giúp đảm bảo một trong 3 nguyên tắc quan trọng nhất của Chương trình là phát triển nguồn nhân lực;

+ Đội ngũ thanh niên trẻ là nhân tố quan trọng để ứng dụng các công nghệ mới, đặc biệt là trong cuộc cách mạng 4.0 trong trồng trọt, chế biến, sản xuất cũng như tiếp thị, quảng bá và phân phối bán hàng (là điều kiện thuận lợi để nguyên tắc “hành động địa phương – hướng đến toàn cầu” được thực hiện tốt và mạnh mẽ).

- Trên nền tảng các sản phẩm sẵn có ở Bắc Kạn, tiếp tục nghiên cứu và phát triển đa dạng hóa, hiện đại hóa sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm địa phương, như: Chuỗi sản phẩm từ chuỗi, quýt, giảo cổ lam, hà thủ ô,...

- Xây dựng các Dự án phục vụ du lịch đặc trưng của tỉnh như: Trục du lịch sinh thái, trải nghiệm sản phẩm OCOP.

(2) Khắc phục điểm yếu:

- Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức kinh tế cộng đồng (chủ yếu là các HTX, THT) đã được thành lập trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành, nhằm nâng cao hiệu biết và kỹ năng quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu biết, kỹ năng về sản phẩm và năng lực sáng tạo của cộng đồng phù hợp với nền kinh tế thị trường thông qua các chương trình huấn luyện, theo nhu cầu và các tình huống cụ thể của cộng đồng với các nhóm nội dung chủ yếu như: Tập huấn nghiên cứu và phát triển sản phẩm, tập huấn phát triển kinh tế cộng đồng, tập huấn quản trị doanh nghiệp, tập huấn kỹ năng bán hàng, thương mại điện tử,...

- Xây dựng hệ thống hỗ trợ phát triển sản phẩm truyền thống của cộng đồng theo hướng từ dưới lên kết hợp với từ trên xuống, trong đó mấu chốt là từ dưới lên.

- Nâng cao hiệu biết về thị trường cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua các lớp tập huấn cán bộ OCOP.

- Hỗ trợ cộng đồng một cách có hệ thống trong việc nâng cấp/hoàn thiện sản phẩm (thiết kế nhãn mác, bao bì; đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý; xây dựng và công bố tiêu chuẩn,...), cải tiến công nghệ, quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

## **2.2. Hạn chế nguy cơ, tránh thách thức**

(1) Dùng điểm mạnh:

- Từng bước kiểm soát hệ thống quản lý thị trường của tỉnh nhằm nâng cao tính công bằng trong phát triển, kinh doanh hàng hoá.

- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu minh bạch, dễ đo lường trong việc hỗ trợ các cộng đồng phát triển sản phẩm như bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm; bộ tiêu chí lựa chọn sản phẩm chủ lực,...

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản phẩm nông nghiệp địa phương theo hướng tối ưu hóa, tận dụng mọi giá trị của nguyên liệu.

- Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm trên nền tảng các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, xây dựng và gắn câu chuyện sản phẩm từ các giá trị văn hóa này nhằm gia tăng giá trị cho sản phẩm.

- Hỗ trợ cộng đồng xúc tiến thương mại sản phẩm thông qua chương trình phát triển du lịch của tỉnh, hệ thống điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm tại các trung tâm du lịch của tỉnh (Ba Bể, điểm dừng chân, di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh,...) và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh,...).

(2) Khắc phục điểm yếu:

- Tuyên truyền thay đổi tư duy bó hẹp ở phạm vi làng, bản của cộng đồng; phát huy các lợi thế đặc trưng của tỉnh, tiến tới cộng đồng tự chủ động trong phát triển sản phẩm truyền thống.

- Tuyên truyền, tập huấn sâu rộng đối với người dân, cộng đồng thực hiện khai thác bền vững tài nguyên.

## **PHẦN 2:**

# **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ, PHƯỜNG MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN**

## **I. QUAN ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Bắc Kạn” là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, gắn phát triển nông thôn với đô thị; là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và giảm nghèo.

Trọng tâm của OCOP Bắc Kạn là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ du lịch có lợi thế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo hướng gia tăng giá trị, do các tổ chức kinh tế OCOP tại cộng đồng thực hiện. Các sản phẩm tạo ra từ Chương trình có sự khác biệt, mang đặc thù gắn với những nét truyền thống, văn hóa, điều kiện tự nhiên riêng có của Bắc Kạn để chiếm ưu thế khi đi ra thị trường phân phối trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện, hỗ trợ các khâu đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá, dịch vụ

Cộng đồng dân cư (bao gồm cả doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư sản xuất các sản phẩm trên địa bàn nông thôn) tự tổ chức triển khai thực hiện.

“Mỗi xã, phường một sản phẩm” nghĩa là: Phần đầu mỗi xã/phường/thị trấn có tối thiểu một sản phẩm OCOP (có thể 2 hay nhiều xã kết hợp tạo ra một loại sản phẩm). Không giới hạn số sản phẩm OCOP của một xã/phường/thị trấn.

Sản phẩm OCOP là: (1) Các sản phẩm, dịch vụ du lịch được phát triển dựa trên lợi thế so sánh của cộng đồng; có tác động/ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng. (2) Các sản phẩm/dịch vụ này cần được đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Tổ chức kinh tế OCOP: Là các SMEs, HTX, THT, hộ gia đình (có đăng ký) đăng ký kinh doanh tại địa phương. Ưu tiên các hình thức tổ chức có sự tham gia sở hữu nhiều hơn của cộng đồng (HTX, công ty cổ phần).

## **II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển HTX, SMEs) để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ du lịch có lợi thế, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại địa bàn khu vực nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý (hạn chế dân di cư ra thành phố, các

khu công nghiệp), tận dụng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và gìn giữ, phát triển xã hội khu vực nông thôn Bắc Kạn theo hướng bền vững.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Giai đoạn 2018-2020**

(1) Phát triển sản phẩm:

- Phát triển sản xuất kinh doanh ít nhất từ 30-40 sản phẩm truyền thống đặc sắc tại các cộng đồng trong tỉnh:

- Xác định, lựa chọn hoàn thiện/nâng cấp, phát triển chuỗi giá trị ít nhất từ 10-20 sản phẩm truyền thống có tiềm năng và khả năng phát triển theo hướng thương mại hóa có quy mô trung bình và lớn:

(2) Phát triển mới và củng cố các tổ chức kinh tế SX-KD sản phẩm OCOP:

- Hình thành từ 20-30 tổ chức kinh tế dựa vào cộng đồng và tái cơ cấu 10-15 tổ chức đã có để phát triển và thương mại hóa sản phẩm truyền thống (là các công ty cổ phần, công ty TNHH, HTX, THT,...).

### **2.2. Giai đoạn 2021-2030**

(1) Phát triển sản phẩm: Có 200 sản phẩm OCOP ở thời điểm năm 2030.

(2) Phát triển các tổ chức kinh tế: Phát triển mới ít nhất 60 tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP, tạo ra 100 tổ chức kinh tế OCOP vào năm 2030.

## **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN**

### **1. Phạm vi thực hiện**

- Phạm vi không gian: Triển khai trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Phạm vi thời gian: Thực hiện từ năm 2018 - 2020, có định hướng đến năm 2030.

### **2. Đối tượng thực hiện**

- Sản phẩm: Gồm sản phẩm hàng hoá và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, miền, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, văn hóa, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

- Chủ thể thực hiện: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh, trong đó chú trọng các HTX, SMEs.

### **3. Nguyên tắc thực hiện**

Tuân thủ 3 nguyên tắc của OVOP: Trong quá trình triển khai, Chương trình OCOP cần được định hướng và tổ chức thực hiện theo cách tuân thủ đầy đủ 3 nguyên tắc của OVOP là:

1) Hành động địa phương hướng đến toàn cầu;

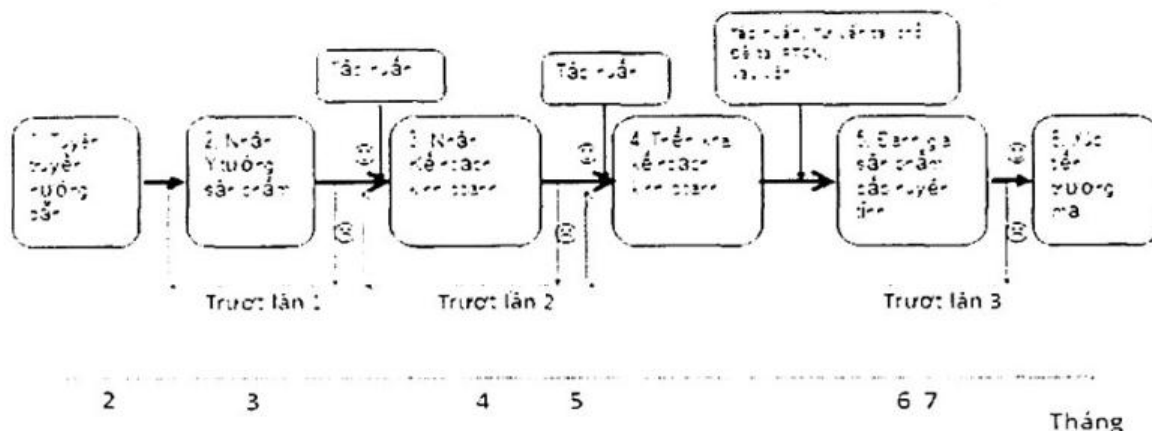
2) Tự lực, tự tin và sáng tạo;

3) Đào tạo nguồn nhân lực.

## IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN

### 1. Triển khai chu trình OCOP

Chu trình OCOP thường niên được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, HTX và SMEs). Trong đó, quan trọng là bước thi đánh giá và phân hạng sản phẩm.



**Hình 1: Chu trình triển khai OCOP hằng năm**

Các bước thực hiện theo chu trình bao gồm:

#### (1) Tuyên truyền về OCOP

Triển khai các hoạt động tuyên truyền về Chương trình OCOP đến hệ thống quản lý các cấp và cộng đồng. Nội dung bao gồm: Sự cần thiết; 3 nguyên tắc của OCOP; bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng; nội dung Chương trình OCOP; chính sách hỗ trợ của Nhà nước; đề xuất ý tưởng sản phẩm, từ đó khởi đầu chu trình OCOP của cộng đồng.

Các kênh tuyên truyền bao gồm: Các phương tiện truyền thông cấp tỉnh, huyện, xã (truyền thanh, truyền hình, báo chí,...); tại các hội nghị, hội thảo cấp tỉnh, huyện, xã, thôn (làng ghép); họp, hội nghị của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (làng ghép);...

Thời gian thực hiện: Liên tục trong năm, thực hiện hàng năm (trọng tâm vào tháng 2 trong năm).

Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể.

#### (2) Nhận ý tưởng sản phẩm

Sau khi được tuyên truyền, cộng đồng khởi đầu tham gia Chương trình OCOP bằng việc đăng ký ý tưởng sản phẩm (theo mẫu) nộp lên cơ quan thường trực OCOP cấp huyện. Từng ý tưởng sản phẩm sẽ được xem xét, lựa chọn các ý tưởng tốt nhất (làm cơ sở để triển khai). Các ý tưởng không được chọn có thể hoàn thiện, nộp lại sau 1 tuần hoặc tham gia cùng thời điểm vào năm sau.

Thời gian thực hiện: Liên tục trong năm, trọng tâm vào tháng 3 hằng năm.

Cơ quan thực hiện: Thường trực Ban chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện, thành phố (Thường trực Chương trình OCOP cấp huyện, thành phố).

#### (3) Nhận kế hoạch kinh doanh

Sau khi được tập huấn, chủ nhân các ý tưởng sẽ xây dựng kế hoạch kinh doanh và nộp cho cán bộ OCOP cấp xã, huyện. Kế hoạch kinh doanh không được lựa chọn có thể hoàn thiện, nộp lại hoặc tham gia cùng thời điểm vào năm sau.

Thời gian thực hiện: Liên tục trong năm, trọng tâm vào tháng 4 hằng năm.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Thường trực Ban chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện, thành phố (Thường trực Chương trình OCOP cấp huyện, thành phố).

#### (4) Triển khai kế hoạch kinh doanh

Triển khai các kế hoạch kinh doanh được chấp nhận. Trong quá trình triển khai, chủ thể thực hiện sẽ nhận được sự tư vấn tại chỗ, kết nối của cán bộ OCOP cấp huyện hoặc tư vấn của Chương trình OCOP, dưới dạng các chuyến thăm và làm việc định kỳ. Tùy mức độ đơn giản hay phức tạp và điều kiện sẵn có, một sản phẩm có thể nhận một đến tất cả những hỗ trợ từ Chương trình OCOP, bao gồm: Hình thành mới hoặc tái cơ cấu các tổ chức kinh tế đã có; huy động vốn; xây dựng và triển khai các Dự án phát triển sản phẩm; tập huấn về nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D); xây dựng và triển khai các đề tài khoa học công nghệ; hợp đồng với các nhà khoa học; tham gia khóa đào tạo “CEO chân đất”; kết nối thị trường; kết nối với các nhà cung ứng đầu vào.

**Bảng 3: Các hoạt động hỗ trợ từ Chương trình OCOP**

TT	Các hoạt động triển khai	Các hoạt động hỗ trợ	Kết quả cần có
1	Hình thành mới hoặc tái cơ cấu tổ chức kinh tế	Tập huấn và tư vấn tại chỗ	Người dân có thể chủ động hình thành tổ chức mới hoặc tái cơ cấu tổ chức đã có theo tiêu chí OCOP
2	Huy động nguồn lực	Tập huấn và tư vấn tại chỗ	Người dân vượt qua các khó khăn nhờ các tư vấn, chỉ dẫn và kết nối sử dụng nguồn lực (kiến thức, kỹ năng, DN, thị trường,...). Người dân được chỉ dẫn, kết nối để tiếp cận các nguồn vốn (cách tiếp cận, các yêu cầu, mẫu biểu,...)
3	Xây dựng cơ bản, mua sắm và lắp đặt trang thiết bị	- Dự án ứng dụng KHCN (có hỗ trợ vốn từ NSNN) - Tư vấn tại chỗ	Người dân có thể chủ động xây dựng nhà xưởng, mua sắm và lắp đặt trang thiết bị phù hợp với quy mô sản xuất và theo luật định
4	Sản xuất sản phẩm	(1) Tư vấn tại chỗ; (2) Hợp đồng với các tổ chức/cá nhân	Người dân giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất
5	Hoàn thiện quy trình công nghệ	Đề tài nghiên cứu KHCN: Dự án sản xuất thử nghiệm	Người dân được chỉ dẫn, kết nối để xây dựng và phê duyệt các đề tài KHCN. Dự án sản xuất thử nghiệm

TT	Các hoạt động triển khai	Các hoạt động hỗ trợ	Kết quả cần có
			đề hoàn thiện công nghệ sản xuất
6	Xúc tiến thương mại	(1) Quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng; (2) Hội chợ, triển lãm,....	Sản phẩm sản xuất ra được nhiều người tiêu dùng biết đến; người dân dần chủ động về phân phối
7	Nâng cao chất lượng năng lực	(1) Tập huấn ngắn hạn; (2) Đào tạo “CEO chân đất”,....	Người dân có thể từng bước tự triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh sản phẩm của mình

Các hình thức tổ chức có sự tham gia vốn rộng rãi hơn của cộng đồng, gồm: HTX, Công ty cổ phần sẽ được ưu tiên hơn các hình thức khác.

Thời gian thực hiện: Liên tục từ khi kế hoạch kinh doanh được duyệt.

Cơ quan thực hiện: Ban Chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh, huyện (Thường trực Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện); Sở Khoa học và Công nghệ (các Đề tài KHCN); Sở Y tế (công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm); Sở Nông nghiệp và PTNT (phát triển sản xuất, khuyến nông); Sở Công Thương (xúc tiến thương mại, khuyến công); Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (đào tạo); Sở Kế hoạch và Đầu tư (hình thành tổ chức & vốn); Sở Tài chính (vốn); Sở Thông tin và Truyền thông (Truyền thông); Liên minh HTX tỉnh (hình thành các HTX); các Trường Cao đẳng, Trung cấp cấp tỉnh (đào tạo).

Tham gia: Các chủ thể kinh tế tham gia OCOP, các đối tác OCOP, đơn vị tư vấn,...

#### **(5) Đánh giá và phân hạng sản phẩm (Bộ tiêu chí do UBND tỉnh ban hành)**

Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP bắt buộc tham gia đánh giá/phân hạng tại 2 cấp (cấp huyện, cấp tỉnh), trong đó các sản phẩm đạt từ 3-5 sao ở cấp huyện sẽ tham gia đánh giá ở cấp tỉnh. Các sản phẩm được đánh giá và phân hạng tại các cấp sẽ do Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tương ứng (huyện, tỉnh) thực hiện. Các sản phẩm không được đánh giá cao (1-2 sao) và các sản phẩm đạt 3-4 sao kỳ trước có thể hoàn thiện và dự thi đánh giá và phân hạng vào năm tiếp theo. Các sản phẩm đạt 4-5 sao cấp tỉnh sẽ được đăng ký dự thi đánh giá, phân hạng ở cấp quốc gia theo kế hoạch năm của Chương trình OCOP Quốc gia.

Thời gian thực hiện: Đánh giá cấp huyện vào tháng 6 hằng năm, cấp tỉnh vào tháng 7 hằng năm.

Cơ quan thực hiện: Ban Chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh, huyện (Cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện).

#### **(6) Xúc tiến thương mại**

Các sản phẩm dự thi đạt 3 sao trở lên sẽ được hỗ trợ xúc tiến thương mại tại các cấp tương ứng nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm tại thị trường địa phương, tỉnh, quốc gia và quốc tế.

Thời gian thực hiện: Thực hiện liên tục trong năm.

Cơ quan thực hiện: Ban Chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh, huyện (Cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện); Các cơ quan báo chí, Đài phát thanh và Truyền hình các cấp...

## **2. Xác định và phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP**

### **2.1. Xác định sản phẩm, dịch vụ OCOP**

Tập trung vào 6 nhóm/ngành hàng:

(1) **Thực phẩm (Food):** Nông sản tươi sống (rau bò khai, bí xanh, rau sạch các loại, rau trái vụ,...), quả tươi (hồng không hạt, quýt, mận chín sớm, lê, dẻ,...); sản phẩm thô và sơ chế (dùng để chế biến các sản phẩm như: thịt hun khói, hồng sấy, chuối sấy,...; gạo (gạo nếp Khẩu nua lếch, bao thai,...); thịt tươi, thủy sản tươi; thực phẩm tiện lợi (đồ ăn nhanh: tương; tương ớt...); chế biến từ rau, củ, quả; chế biến từ thịt, cá (tép chua, lạp xưởng,...); chế biến từ gạo (cốm, bánh gạo, miến,...).

(2) **Đồ uống (Drink):** Gồm đồ uống có cồn (rượu ngâm ủ, rượu chưng cất, rượu vang,...); đồ uống không cồn (nước trái cây, trà thảo dược, bột quả, bột gừng, trà, sản phẩm lên men,...).

(3) **Thảo dược (Herbal):** Gồm các sản phẩm có thành phần từ thảo dược như thuốc YHCT, thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm từ thảo dược, chế phẩm xua đuổi/điệt trừ côn trùng,... (Các sản phẩm sơ chế/chế biến từ Giảo cổ lam, hoa Hôi, quế, các bài thuốc cổ truyền,...).

(4) **Vải và may mặc (Fabric):** Gồm các sản phẩm làm từ bông, sợi (Sản phẩm dệt, may người Tày, Nùng, Mông tại Ba Bể, Pác Nặm,...).

(5) **Lưu niệm - nội thất - trang trí (Decor):** Gồm các sản phẩm từ gỗ (vòng đeo tay,...), sợi, mây, cỏi, tre,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ dùng nhà bếp, đồ nội thất, trang trí các tòa nhà,...

(6) **Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng (Service):** Gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách tham quan, du lịch, giải trí, học tập, nghiên cứu,... (dịch vụ du lịch Hồ Ba Bể, du lịch văn hóa người Tày, du lịch trải nghiệm, thăm quan di tích lịch sử,...); bán hàng OCOP (trung tâm, điểm bán hàng OCOP).

### **2.2. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ OCOP**

Phát triển sản phẩm OCOP theo hướng đáp ứng về số lượng, gia tăng về giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn cao của Việt Nam và từng bước chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ xuất khẩu, gồm:

(1) Hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm đã có với các nội dung cụ thể như: Hoàn thiện công bố tiêu chuẩn chất lượng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, xây dựng câu chuyện sản phẩm, xúc tiến thương mại,... (Danh mục sản phẩm dự kiến lựa chọn hoàn thiện, nâng cấp - Phụ lục 2).

(2) Phát triển ý tưởng sản phẩm mới, đánh giá thị trường, nghiên cứu phát triển tạo sản phẩm mẫu, thiết kế bao bì nhãn mác, xây dựng câu chuyện sản phẩm, sản xuất thử nghiệm, xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm (nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm), công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đánh giá hoạt động phân phối của sản phẩm trên thị trường, hoàn thiện sản phẩm và sản xuất đại trà (Danh mục sản phẩm mới dự kiến tham gia Chương trình OCOP - Phụ lục 3).



Cộng đồng chủ động xây dựng thuyết minh Dự án phát triển sản xuất (sản phẩm đã có), Dự án phát triển sản phẩm mới (từ các ý tưởng đăng ký mới được phê duyệt). Trong quá trình xây dựng cộng đồng sẽ nhận được sự hướng dẫn của cán bộ OCOP, tư vấn hoặc có thể hợp đồng với đơn vị tư vấn trong việc xây dựng và hoàn thiện thuyết minh Dự án. Trình thuyết minh Dự án (hoặc kế hoạch kinh doanh) đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Cán bộ OCOP các cấp hỗ trợ cộng đồng trong toàn bộ quá trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt Dự án.

### **2.3. Xác định, nâng cấp sản phẩm/chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, huyện**

Xác định, lựa chọn 1-3 sản phẩm chủ lực tại mỗi huyện (Phụ lục 4, có thể điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện). 3-5 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (dự kiến nằm trong các chuỗi: Du lịch Ba Bể, miền dong, hồng không hạt, quýt, chè, mơ vàng, gạo, mận,...) để tập trung củng cố, nâng cấp chuỗi theo hướng gia tăng giá trị, chủ động phân phối, tiếp thị.

## **3. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm OCOP**

### **3.1. Bộ công cụ**

Vận dụng bộ công cụ quản lý chất lượng sản phẩm OCOP do cấp Trung ương xây dựng, ban hành gồm: Bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia Chương trình OCOP (cập nhật dữ liệu, khai thác sử dụng theo hướng dẫn), hệ thống báo cáo theo Bộ chỉ số quốc gia OCOP,... Khuyến khích sử dụng mã số mã vạch, mã QR-code (tem điện tử thông minh) trong truy xuất nguồn gốc, thông tin sản phẩm OCOP.

### **3.2. Kiểm tra, giám sát**

Định kỳ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai Chương trình OCOP tại các địa phương. Phối hợp với địa phương trong công tác triển khai, tư vấn, hỗ trợ cộng đồng trong quá trình sản xuất kinh doanh các sản phẩm OCOP.

## **4. Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP**

### **4.1. Tổ chức xúc tiến thương mại**

Các sản phẩm đạt 3-5 sao cấp tỉnh được hỗ trợ xúc tiến thương mại trên quy mô toàn tỉnh. Các sản phẩm đạt 3-5 sao cấp quốc gia được tham gia các chương trình hỗ trợ xúc tiến cấp quốc gia (trên toàn quốc và quốc tế), các hình thức chủ yếu gồm:

#### **(1) Quảng cáo, tiếp thị sản phẩm**

Triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng:

(i) Xây dựng video clip, tin bài quảng bá cho các sản phẩm có thứ hạng sao cao (từ 3-5 sao):

(ii) Phát sóng trên truyền hình hoặc đăng trên các trang báo, tạp chí của tỉnh; thời lượng và tần số phát tin bài, video clip căn cứ theo thứ hạng sao của sản phẩm. Các chủ thể OCOP sẽ được nhận video clip, tin bài về sản phẩm của mình để chủ động thực hiện các chương trình tiếp thị riêng của mình.

(iii) Xây dựng, xuất bản ấn phẩm, tạp chí chuyên đề OCOP quảng bá trên hệ thống tuyến du lịch.

Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại cấp tỉnh hoặc các doanh nghiệp mang sản phẩm OCOP tiêu biểu (tùy thị trường) đến giới thiệu tại các thị trường trong nước và quốc tế.

## **(2) Thương mại điện tử**

- Lựa chọn, tham gia phân phối sản phẩm OCOP trên các trang mạng giới thiệu và bán sản phẩm nông sản, sản phẩm đặc sản hiện có. Ví dụ: Các trang facebook (Đặc sản vùng miền, Chợ Đặc sản,...), các trang bán lẻ (Lazada.vn, Shopee.vn, Sendo.vn,...) hoặc tổ chức kinh tế tự xây dựng trang web của cơ sở để giới thiệu và bán hàng.

- Xây dựng sàn giao dịch, các trang website bán hàng, các trang facebook bán hàng, giới thiệu riêng về sản phẩm OCOP của tỉnh, của huyện.

- Tham gia hệ thống Sàn bán hàng điện tử OCOP theo hướng dẫn của Thường trực OCOP Trung ương. Quản lý số lượng, chất lượng sản phẩm OCOP của tỉnh trên Sàn bán hàng điện tử.

## **(3) Tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm**

Hội chợ OCOP được tổ chức thường niên tại cấp tỉnh (1 lần/năm 2018; 2 lần/năm 2019, 2020) tập trung vào các sự kiện văn hóa, du lịch lớn của tỉnh và tổ chức tại các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực như Thái Nguyên, Hà Nội,...

Các hội chợ, triển lãm khác: Lồng ghép các gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong các hội chợ, triển lãm (Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, huyện kết nối, các doanh nghiệp chủ động tham gia, có thể được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước tùy theo thực tế).

Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương.

Tham gia: Các cơ quan báo chí, thông tin, truyền thông, các doanh nghiệp OCOP trong và ngoài tỉnh (được mời).

### **4.2. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

Xây dựng các trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Kinh phí xây dựng bố trí từ ngân sách nhà nước trên cơ sở phù hợp với quy hoạch, chủ trương của tỉnh và yêu cầu chung của chương trình OCOP, chịu sự giám sát, kiểm tra của hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP.

Hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gồm: (1) Trung tâm OCOP (cấp huyện, cấp tỉnh); (2) Gian hàng OCOP tại các siêu thị, chợ truyền thống, khu dân cư lớn; (3) Điểm bán hàng OCOP tại các khách sạn, nhà hàng; (4) Quầy giới thiệu sản phẩm OCOP tại trung tâm hành chính (cấp huyện, tỉnh). Xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP Bắc Kạn tại các trung tâm kinh tế lớn trên cả nước (Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Ninh,... định hướng mở rộng đến các tỉnh trong cả nước....)

Cơ quan thực hiện: Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp (Giao cho các cơ quan chuyên môn thực hiện).

## **5. Đào tạo nhân lực**

### **5.1. Tập huấn xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh**

Tập huấn cộng đồng (đặc biệt là người có ý tưởng sản phẩm tham gia Chương trình được lựa chọn) về phương pháp xây dựng "Kế hoạch kinh doanh". Nội dung tập

huấn bao gồm: Khái niệm về kinh doanh, các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh, marketing cơ bản, sản phẩm, xây dựng kế hoạch tài chính và nội dung kế hoạch kinh doanh. Kết quả cần có là người dân có thể xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa trên ý tưởng sản phẩm đã được duyệt.

Tập huấn cộng đồng về phương pháp triển khai kế hoạch kinh doanh. Nội dung tập huấn bao gồm: Chu trình hình thành Doanh nghiệp/HTX; quản trị sản xuất, tiếp thị; nghiên cứu phát triển sản phẩm; tài chính doanh nghiệp nâng cao. Kết quả cần có là người dân có thể triển khai kế hoạch kinh doanh.

### **5.2. Tập huấn phát triển sản phẩm**

Tập huấn cộng đồng về phương pháp phát triển sản phẩm. Nội dung tập huấn gồm: Khái niệm chung về sản phẩm, các bước phát triển sản phẩm mới, bao bì thực phẩm, nhãn hiệu hàng hóa, an toàn vệ sinh bao bì thực phẩm, vòng đời sản phẩm, marketing trong phát triển sản phẩm mới,... Kết quả: Có phát triển sản phẩm dựa trên tình huống cụ thể tại cơ sở mình.

### **5.3. Tập huấn kỹ năng bán hàng (phân phối, xúc tiến thương mại,...)**

Nhân viên bán hàng của các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP, nhân viên làm việc tại các điểm, trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (và sản phẩm nông sản) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được đào tạo các kỹ năng cơ bản về tiếp thị, bán hàng, được cấp chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa học.

### **5.4. Tập huấn cho cán bộ tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP**

Triển khai các hoạt động tập huấn và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP. Thực hiện các khóa tập huấn ngắn hạn cấp chứng chỉ về: (i) Hình thành và tái cơ cấu các HTX/doanh nghiệp; (ii) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm; (iii) Tổ chức sản xuất; (iv) Xúc tiến thương mại; (v) Phương pháp luận và công cụ làm việc với cộng đồng, cho cán bộ trong hệ thống OCOP từ cấp tỉnh, đến cấp huyện.

Nội dung tập huấn này được thực hiện theo từng khóa, mỗi khóa một chủ đề (hoặc tổng hợp), được triển khai định kỳ 1 lần/năm, từ năm 2018- 2020. Các hoạt động này do OCOP tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giảng viên đến từ (i) tổ chức tư vấn và (ii) các giảng viên trường đại học, các nhà khoa học và cán bộ lãnh đạo của tỉnh.

### **5.5. Đào tạo CEO**

Đào tạo CEO của các doanh nghiệp, HTX, trường các tổ hợp tác và chủ hộ đăng ký kinh doanh tham gia OCOP: Mở môn học/chuyên đề mới tại các Trường Cao đẳng, Trung cấp nghề tại tỉnh Bắc Kạn hoặc các lớp đào tạo nghề tổ chức tại địa phương. Đào tạo và cấp chứng chỉ cho các CEO của HTX/công ty/tổ trường tổ hợp tác/chủ hộ đăng ký kinh doanh tham gia OCOP.

Cơ quan thực hiện: Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp (Giao cho các cơ quan chuyên môn thực hiện).

## **6. Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, Dự án thành phần**

Xây dựng và triển khai các Dự án thành phần về nâng cấp/phát triển sản phẩm, phát triển sản xuất, phân phối, tiếp thị, xây dựng trung tâm OCOP tại các khu vực trọng điểm, bao gồm:

### **6.1. Nhóm Dự án nâng cấp/phát triển sản phẩm thực hiện theo chu trình OCOP thường niên**

- Dự án nâng cấp/mở rộng/phát triển sản xuất các sản phẩm đã có.
- Dự án phát triển sản phẩm mới.

Các Dự án này do cá nhân/tổ chức kinh tế (SMEs, HTX, THT,...) đề xuất và làm chủ đầu tư. Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp huyện, thành phố quản lý đầu tư, chủ trì phối hợp với cơ quan tư vấn, các đối tác hỗ trợ trong quá trình triển khai Dự án. Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo cơ chế chính sách hiện hành.

### **6.2. Nhóm Dự án xây dựng Trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

#### **(1) Dự án Trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh**

Dự án được triển khai sẽ hình thành các Trung tâm OCOP quy mô lớn trên địa bàn tỉnh. Dự kiến triển khai mẫu tại thành phố Bắc Kạn và Ba Bể.

#### **(2) Dự án Trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cấp huyện**

Dự án được triển khai sẽ hình thành các Trung tâm OCOP quy mô vừa trên địa bàn tỉnh. Dự kiến triển khai mẫu tại huyện Chợ Mới, Ngân Sơn, Chợ Đồn.

#### **(3) Dự án xây dựng mới/nâng cấp điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

Dự án được triển khai sẽ hình thành các Điểm OCOP quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh. Dự kiến triển khai mẫu tại thành phố Bắc Kạn, các huyện: Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn, Pắc Nặm, Ba Bể.

#### **(4) Dự án phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP Bắc Kạn**

Dự án được triển khai với tổ hợp các hoạt động xúc tiến cụ thể nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP Bắc Kạn ngoài tỉnh. Trong đó, có hình thành hệ thống Trung tâm/điểm giới thiệu sản phẩm OCOP Bắc Kạn tại các vùng kinh tế trọng điểm lân cận (Hà Nội, Thái Nguyên, Quang Ninh,...) và mở rộng ra các tỉnh thành, nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm tại thị trường ngoài tỉnh.

**Bảng 4: Dự kiến số lượng Trung tâm/điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại Bắc Kạn**

TT	Huyện, thành phố	Điểm OCOP	Trung tâm OCOP	
			Cấp huyện	Cấp tỉnh
1	Bắc Kạn	2		1
2	Chợ Mới		1	
3	Na Rì	1		
4	Ngân Sơn		1	
5	Bạch Thông	1		
6	Chợ Đồn	1	1	
7	Pắc Nặm	1		
8	Ba Bể	1		1
	<b>Tổng</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>2</b>

Các Dự án này do Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh, huyện (Thường trực Chương trình OCOP tỉnh, huyện thực hiện).

### **6.3. Nhóm Dự án khai thác thế mạnh nông nghiệp - nông thôn của Bắc Kạn gắn với phát triển du lịch**

#### **6.3.1. Nhóm các Dự án cấp tỉnh**

(1) Dự án trực du lịch gắn với OCOP Chợ Mới - Bắc Kạn - Bạch Thông – Ba Bể - Ngân Sơn

Dựa trên không gian du lịch nối dài từ Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng, tại Bắc Kạn hình thành cụm, tuyến, điểm du lịch thu hút du khách dừng chân thăm quan và trải nghiệm đồng thời quảng bá, tiếp cận sản phẩm OCOP. Định hướng các điểm thăm quan, dừng chân (cơ sở sản xuất sản phẩm từ Chuối (rượu chuối, chuối sấy,...); vườn cam, quýt, lê,...; các cơ sở sản xuất sản phẩm khu vực hồ Ba bể (hồng, tép chua,...).

Trên cơ sở trực du lịch (Chợ Mới - Bắc Kạn - Bạch Thông – Ba Bể - Ngân Sơn) mở rộng nhánh du lịch Chợ Đồn - Ba Bể gắn với sản phẩm OCOP, hình thành không gian du lịch nối dài từ Chợ Đồn đi Ba Bể nhằm khai thác thế mạnh du lịch từ di tích lịch sử (ATK) và danh lam thắng cảnh (Ba Bể).

#### **Các tiêu Dự án:**

- Dự án phát triển kinh tế vườn - kinh tế trang trại, du lịch sinh thái mang đặc trưng của vùng miền núi phía bắc tại huyện Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn, huyện Bạch Thông, huyện Ba Bể, huyện Ngân Sơn gắn với các sản phẩm thế mạnh: Sản phẩm từ chuối, mía... điểm thăm quan di tích: Chùa Thạch Long, đền Thảm, hang Thảm Làng (huyện Chợ Mới); cây ăn quả: Mơ vàng (thành phố Bắc Kạn); cây ăn quả: hồng không hạt, điểm thăm quan: Hồ Ba Bể, thác Dầu Đăng, Ao Tiên, đảo Bà Góa, động Hua Mạ, thác Bạc Bản Vàng ( Xã Cao Trĩ), di tích: Đền An Mã, động Nà Phòong (huyện Ba Bể); cây ăn quả: Lê, dẻ; điểm thăm quan: Thác Nà Khoang, đèo Gió (huyện Ngân Sơn).

- Dự án du lịch sinh thái kết hợp trải nghiệm sản phẩm OCOP Bắc Kạn: Thiết kế trên trực du lịch, xác định điểm thăm quan, trưng bày, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, điểm 1 - huyện Bạch Thông (thị trấn Phủ Thông), điểm 2 - huyện Ba Bể (VQG Ba Bể), điểm 3 - huyện Ngân Sơn (Đèo Gió).

- Dự án Bảo tàng các dân tộc Bắc Kạn: Truyền thống, văn hóa của các dân tộc tại Bắc Kạn (nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng; phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội; các món ăn:... ) được phục dựng, bảo tồn, tạo ra các sản phẩm dịch vụ du lịch khám phá, sinh thái, trải nghiệm....

- Dự án củng cố/nâng cấp Khu du lịch An toàn khu Chợ Đồn (di tích lịch sử cách mạng)... tạo sản phẩm dịch vụ du lịch lịch sử cách mạng.

- Dự án phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng tại Chợ Đồn.

- Dự án phát triển Khu du lịch quốc gia Ba Bể.

- Dự án phát triển điểm du lịch thác Rọm (Bạch Thông), thác Nà Khoang (Ngân Sơn).

#### **2) Nhóm các Dự án nâng cấp, mở rộng chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh**

Các Dự án nâng cấp, mở rộng chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh được xây dựng (phương án liên kết chuỗi), phê duyệt, triển khai đồng bộ từ vùng nguyên liệu, sơ chế, chế biến đến phân phối, tiếp thị sản phẩm. Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, đặc

biệt là công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm chủ lực. Các nguồn lực (NTM, huy động cộng đồng,...) được ưu tiên, huy động thực hiện.

Dự kiến các chuỗi sản phẩm chủ lực gồm: Dong riềng, Hồng không hạt, Dẻ, Lê, Mơ, Chè, Chuối, cây dược liệu,...

Các Dự án này do Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh, huyện (Giao cho các cơ quan chuyên môn) thực hiện với sự tham gia của cơ quan tư vấn và các đối tác.

### **3) Dự án khởi nghiệp OCOP**

Gồm các Dự án khởi nghiệp với trọng tâm là sản phẩm OCOP và hình thành các chủ thể OCOP (thành lập mới hoặc nâng cấp), do các hội viên Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và đoàn viên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp thực hiện. Các Dự án cụ thể này được Chương trình hỗ trợ như đối với sản phẩm của OCOP khi tuân thủ các bước trong chu trình OCOP. Ưu tiên thực hiện lồng ghép các chương trình, Dự án khởi nghiệp triển khai trên địa bàn tỉnh, OCOP tập trung hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm và xúc tiến thương mại.

Các Dự án cấp tỉnh được triển khai khi có nguồn ngân sách thực hiện riêng.

#### **6.3.2. Nhóm các Dự án cấp huyện**

Mỗi huyện xây dựng từ 1 - 2 Dự án phát triển sản phẩm trọng điểm theo chuỗi giá trị và theo hướng khai thác thế mạnh sản phẩm của huyện, tạo ra ít nhất 1-3 sản phẩm OCOP chủ lực cấp huyện.

Hàng năm các huyện chủ động nghiên cứu, đề xuất, xây dựng Dự án nhằm phát triển sản phẩm trọng điểm tham gia hệ thống OCOP (dự kiến đề xuất chuỗi sản phẩm chủ lực cấp huyện tại Phụ lục 4). Các nội dung cần trọng tâm giải quyết như: Nâng cao năng lực tổ chức kinh tế; nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm; nâng cấp nhà xưởng, thiết bị; công nghệ; phát triển vùng nguyên liệu; liên kết chuỗi;... (tùy trường hợp cụ thể).

Hoạt động này do OCOP huyện, thành phố chủ trì thực hiện với sự tham gia của cơ quan tư vấn và các đối tác.

## **V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Tổng kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: **165.479.750.000.000** đồng. Trong đó:

- Kinh phí từ Ngân sách Nhà nước: **50.429.200.000** đồng (chiếm 30,47% tổng kinh phí triển khai Chương trình).

- Kinh phí Lồng ghép từ dự án ODA (Dự án CSSP): **25.000.000.000** đồng (chiếm 15,11% tổng kinh phí triển khai Chương trình).

- Kinh phí huy động: **90.050.550.000** đồng (chiếm 54,42% tổng kinh phí triển khai Chương trình).

### **2. Nguồn vốn**

- Nguồn vốn ngoài ngân sách, bao gồm: Vốn ODA, vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tự huy động, nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ Chương trình OCOP.

- Nguồn vốn ngân sách, bao gồm: Ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo giai đoạn 2017 - 2020, khoa học công nghệ, khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại và các nguồn vốn lồng ghép trung ương và địa phương khác, cụ thể:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo cho nội dung phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển ngành nghề nông thôn **20.979.500.000** đồng, trong đó: Tỉnh trực tiếp thực hiện **11.766.700.000** đồng, huyện thực hiện **9.212.800.000** đồng.

+ Nguồn vốn Khoa học công nghệ: **6.900.000.000** đồng (hàng năm UBND huyện tổng hợp, đăng ký nhiệm vụ Khoa học – Công nghệ của địa phương đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp đề xuất UBND tỉnh phê duyệt).

+ Nguồn ngân sách địa phương: **9.329.700.000**, trong đó: Chi hạng mục tư vấn **2.833.930.000** đồng, ngân sách tỉnh **6.495.770.000** (UBND tỉnh cân đối nguồn lực hàng năm phân bổ nguồn thực hiện các nội dung Chương trình).

+ Nguồn ODA: **25.000.000.000** (Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo tỉnh phối hợp với Dự án CSSP rà soát kế hoạch và kinh phí lồng ghép hàng năm)

+ Nguồn vốn lồng ghép khác (khuyến công, khuyến nông, xúc tiến thương mại, Văn hóa, thể thao và du lịch, ngân sách các huyện, thành phố...) **13.220.000.000** đồng.

+ Nguồn huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp địa phương: **90.050.550.000** đồng (Chi tiết tại Phụ lục 6).

### **3. Phân khai kế hoạch vốn ngân sách theo từng năm (ngân sách tỉnh, huyện)**

Vốn ngân sách phân bổ thực hiện **75.429.200.000** đồng (từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh và huyện), trong đó:

- Năm 2018: **21.914.100.000** đồng.

- Năm 2019: **29.253.100.000** đồng.

- Năm 2020: **24.262.000.000** đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 5).*

## **VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức**

Xác định đây là nhiệm vụ và giải pháp quan trọng trong triển khai thực hiện OCOP Bắc Kạn, hoạt động tuyên truyền cần được chú trọng, với các đối tượng:

#### **(1) Các cấp ủy, chính quyền các cấp**

Chương trình OCOP có trong kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền địa phương để triển khai thực hiện lâu dài và thường xuyên.

Việc truyền thông được thực hiện dưới dạng hội nghị, hội thảo chuyên đề tại thời điểm khởi động Chương trình OCOP.

Cơ quan thực hiện: Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp giao cho các cơ quan chuyên môn thực hiện.

#### **(2) Cộng đồng**

Thông tin, tuyên truyền nội dung Chương trình OCOP, chu trình OCOP, Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP, những thành tựu và kết quả thực hiện Chương trình; những gương điển hình tiên tiến và mô hình sản xuất tiêu biểu trong tổ chức sản xuất, phát triển thị trường, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Việc thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cấp xã, thôn; trang web của Chương trình OCOP, dưới dạng bản tin, chuyên đề, câu chuyện gắn với hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể.

Cơ quan thực hiện: Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp giao cho các cơ quan chuyên môn thực hiện.

## **2. Xây dựng hệ thống vận hành OCOP**

Thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện Chương trình OCOP từ cấp tỉnh đến cơ sở (theo 3 cấp: Tỉnh - huyện - xã), bao gồm:

### **(1) Cơ cấu nhân sự cấp tỉnh**

- Ban điều hành OCOP cấp tỉnh: Do Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia chỉ đạo thực hiện.

- Cơ quan thường trực thực hiện: Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là thường trực Chương trình OCOP cấp tỉnh), cơ cấu gồm:

+ Bộ phận nghiệp vụ Phát triển sản phẩm và Phát triển DN/HTX gồm: 1-2 cán bộ chuyên trách (Biên chế của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh); 05 cán bộ kiêm nhiệm (Sở Khoa học và Công nghệ: 1 người, Sở Y tế: 01 người, Sở Nông nghiệp & PTNT: 02 người thuộc Chi cục Phát triển nông thôn và Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm - thủy sản; Liên minh Hợp tác xã: 01 người).

+ Bộ phận nghiệp vụ Xúc tiến Thương mại và Truyền thông gồm: 1-2 cán bộ chuyên trách (Biên chế của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh), 03 cán bộ kiêm nhiệm (Sở Công Thương 1 người, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 người, Sở Thông tin và Truyền thông 01 người).

+ Bộ phận hành chính và tổng hợp thông tin: 01 cán bộ chuyên trách (Biên chế của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh).

### **(2) Cơ cấu nhân sự cấp huyện, thành phố**

- Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia chỉ đạo thực hiện. Cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (gọi tắt là thường trực Chương trình OCOP cấp huyện).

- Thành lập Tổ OCOP: Có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách (Biên chế thuộc phòng chuyên môn), 2-3 cán bộ kiêm nhiệm, thuộc Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo, Phòng Kinh tế - Hạ tầng... .

(3) Nhân sự cấp xã: Cán bộ phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - phát triển Nông thôn, thực hiện nhiệm vụ tham mưu, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM và GN, Chương trình OCOP. Do Phó chủ tịch UBND xã phụ trách Nông lâm nghiệp chỉ đạo triển khai Chương trình OCOP tại xã.



(4) Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở các cấp tỉnh, cấp huyện tại mỗi kỳ đánh giá. Hội đồng có chức năng đánh giá và phân hạng các sản phẩm OCOP theo bộ tiêu chí đã ban hành.

Phân công cụ thể cho thành viên trong bộ máy chỉ đạo, điều hành phụ trách theo từng địa bàn, một lĩnh vực công tác cụ thể và có lịch sinh hoạt cụ thể.

Chức năng của hệ thống này là chỉ đạo và điều hành toàn bộ các hoạt động của Chương trình OCOP tại cấp tương ứng của mình, có quy chế hoạt động cụ thể. Các nhân sự tại mỗi vị trí công tác đều phải có bản mô tả công việc và KPI.

### **3. Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP**

#### **3.1. Hệ thống tư vấn OCOP**

Tư vấn OCOP là các tổ chức/cá nhân (doanh nghiệp, viện, trường đại học) có kinh nghiệm và năng lực tư vấn toàn diện (hoặc lĩnh vực cụ thể) các hoạt động của Chương trình OCOP. Các huyện, thành phố có thể chọn một đến nhiều tư vấn hoặc tự tổ chức thực hiện.

Trách nhiệm của tư vấn: Xây dựng và triển khai một, một số hoặc toàn bộ các hạng mục cụ thể của Chương trình OCOP, bao gồm:

##### (1) Tư vấn Ban Điều hành OCOP các cấp:

- Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn triển khai Chương trình OCOP (chủ trình OCOP, các nội dung hỗ trợ,...), cơ chế hoạt động của Ban điều hành các cấp.
- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết năm.
- Xây dựng và triển khai các Dự án thành phần của Chương trình.
- Xây dựng mô hình điểm tại các xã, huyện từ đó làm cơ sở cho cộng đồng học tập cũng như tập huấn cán bộ OCOP huyện.
- Tư vấn nghiệp vụ trong công tác triển khai Chương trình.

##### (2) Tư vấn các tổ chức OCOP tại cộng đồng:

- Tư vấn phát triển SMEs, HTX: Tuyên truyền, vận động, hình thành hoặc tái cơ cấu các SMEs, HTX. xây dựng cơ cấu tổ chức, thiết kế mặt bằng, xây dựng các quy chế, phương án SX-KD, xây dựng phần cứng (cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị), phần mềm (hệ thống các quy trình, thao tác chuẩn, hồ sơ, đào tạo nhân lực....) để đạt các tiêu chuẩn nhà sản xuất theo luật định.
- Tư vấn tài chính: Xác định nhu cầu vốn, nguồn vốn, phương pháp tiếp cận, quản lý tài chính vi mô....
- Tư vấn phát triển sản phẩm: Xác định nhu cầu thị trường, thiết kế sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm đã có, xây dựng tiêu chuẩn, câu chuyện về sản phẩm....
- Tư vấn kỹ năng phân phối, xúc tiến thương mại: Xây dựng kênh phân phối; tư vấn, tập huấn, đăng ký và hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu sản phẩm.
- Tư vấn quản trị doanh nghiệp (SMEs, HTX): Quản trị sản xuất, nhân lực, R&D, chất lượng, marketing và bán hàng, các kỹ năng CEO....
- Tư vấn kỹ thuật/công nghệ: Lựa chọn các kỹ thuật/công nghệ phù hợp với điều kiện của các SMEs, HTX.

Cách thức hoạt động: Dưới dạng các hợp đồng tư vấn với Ban điều hành OCOP cấp tương ứng.

### **3.2. Hệ thống đối tác OCOP**

Hệ thống đối tác OCOP bao gồm các tổ chức/cá nhân có quan hệ với các chủ thể OCOP theo cách hợp tác cùng có lợi ích, bao gồm:

- Các doanh nghiệp trong chuỗi SX-KD sản phẩm OCOP, gồm: (i) Cung ứng dịch vụ/vật tư đầu vào, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, dịch vụ hỗ trợ (thiết kế bao bì, nhãn mác, đăng ký/công bố sản phẩm, tư vấn luật, quản lý sản xuất bằng hệ thống tem điện tử thông minh,...); (ii) chế biến nông lâm sản; (iii) các nhà bán lẻ; (iv) các nhà đầu tư hệ thống trung tâm OCOP. Các doanh nghiệp này liên kết với các SMEs, HTX OCOP theo hợp đồng nhằm cung ứng vật tư/dịch vụ đầu vào và kéo dài chuỗi giá trị các sản phẩm OCOP đến thị trường đích.

- Các Viện, Trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP ở các tổ chức Khoa học - Công nghệ trung ương, vùng và địa phương: Liên kết với các SMEs, HTX OCOP theo các hợp đồng nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai, nhằm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới hoặc nâng cấp sản phẩm đang có, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất,... theo hình thức hợp đồng trực tiếp với các SMEs, HTX OCOP hoặc thông qua các đề tài/Dự án Khoa học - Công nghệ.

- Các tổ chức/doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, đài phát thanh, truyền hình ở trung ương và địa phương: Tham gia quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP theo hợp đồng.

- Các ngân hàng, các quỹ đầu tư: Cho vay vốn hoặc đầu tư mạo hiểm theo thỏa thuận với các tổ chức OCOP.

- Các tổ chức quốc tế, tập trung vào tổ chức JICA (Nhật Bản), Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV), Tổ chức: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD),...: Tham gia vào các lĩnh vực quan tâm của mình dưới các dạng tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, nhân lực, kết nối thị trường, nguồn chuyên gia... cho/với các HTX, SMEs OCOP.

- Các nhà báo: Tuyên truyền về OCOP đến cộng đồng; đưa tin, chia sẻ các điển hình thành công, bài học kinh nghiệm thành công và thất bại để cộng đồng học hỏi.

Tổ chức Hội nghị đối tác OCOP, với sự tham gia của các tổ chức OCOP của tỉnh và các chủ thể chuỗi, các nhà hỗ trợ chuỗi. Các hoạt động bao gồm:

- Xây dựng "Mạng lưới Đối tác OCOP Bắc Kạn" với sự tham gia của các tổ chức OCOP, các đối tác (thu thập thông tin đối tác OCOP, phân tích, tổng hợp năng lực đối tác OCOP);

- Tổ chức Hội nghị kết nối (chia sẻ thông tin, gặp gỡ, đàm phán, ký kết thỏa thuận, hợp đồng....).

Cơ quan thực hiện: Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện.

#### **4. Phát triển tổ chức kinh tế**

##### **4.1. Phát triển tổ chức cho các đối tượng đã tham gia OCOP**

Hỗ trợ các đối tượng/tổ chức đã tham gia OCOP nâng cấp về tổ chức sản xuất và kinh doanh, bao gồm:

(1) Nâng cấp, tái cơ cấu các tổ chức kinh tế hiện có, bằng cách hoàn thiện hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh. Tổ chức sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu các tổ chức theo hướng có sự tham gia lớn hơn của cộng đồng, như thêm số thành viên/cổ đông, chuyển đổi loại hình (thành HTX, công ty cổ phần);

(2) Hình thành các hợp tác xã/doanh nghiệp vừa và nhỏ với các nhóm, hộ gia đình tham gia;

(3) Nâng cấp/hoàn thiện cơ sở sản xuất (nhà xưởng, thiết bị, nhân sự,...) đáp ứng các tiêu chuẩn nhà sản xuất theo luật định, như đủ điều kiện sản xuất thực phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm,....

(4) Mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh với một số HTX/DN có điều kiện và đủ năng lực tổ chức theo hình thức: Quy hoạch và triển khai vùng nuôi/trồng tập trung, mở rộng quy mô nhà xưởng, trang thiết bị, nghiên cứu phát triển và đưa vào sản xuất các sản phẩm mới trên cơ sở khai thác tối đa điều kiện đất đai, cơ sở vật chất (nhà xưởng, thiết bị), nhân lực,... theo nhu cầu thị trường;

(5) Kết nối các tổ chức OCOP với các nhà tư vấn phù hợp với ngành hàng và thúc đẩy các mối quan hệ đối tác này theo nguyên tắc cùng có lợi.

Toàn bộ các hoạt động này do hệ thống OCOP của tỉnh thực hiện, với sự tham gia của tổ chức tư vấn.

##### **4.2. Hỗ trợ các tổ chức OCOP nâng cao chất lượng quản trị, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm**

(1) Tư vấn tại chỗ về quản trị Sản xuất - Kinh doanh: Kế hoạch sản xuất và kinh doanh, quản trị đầu vào, quy trình và thao tác chuẩn, hồ sơ sản phẩm, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, xây dựng kênh phân phối, quảng bá sản phẩm,....

(2) Tập huấn, tư vấn tổ chức kinh tế áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến như ISO, HACCP,....

#### **5. Chính sách thực hiện**

- Vận dụng cơ chế chính sách hiện hành về hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển du lịch, khoa học công nghệ, khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại,...(Phụ lục 8). Biên tập và ban hành, phổ biến cảm nang các chính sách áp dụng cho Chương trình OCOP nhằm giúp cộng đồng tiếp cận và vận dụng dễ dàng các chính sách này.

- Xây dựng và ban hành các chính sách OCOP thuộc các lĩnh vực phát triển vùng nguyên liệu, cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất (gồm các khu vực sản xuất tập trung), công nghệ, vốn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm, phân phối, tiếp thị, liên kết chuỗi trên cơ sở rà soát các chính sách hiện có, từ đó bổ sung các chính sách mới cho Chương trình OCOP. Cần nhắc xây dựng chính sách đặc thù cho phát triển các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, huyện.

## **6. Huy động các nguồn lực thực hiện**

### **6.1. Nguồn lực từ cộng đồng**

Trong quá trình triển khai OCOP, các chủ thể OCOP là các hộ gia đình, nhóm, pháp nhân có chức năng sản xuất - kinh doanh đăng ký sản phẩm OCOP, dưới các dạng: (i) Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2014; (ii) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật HTX năm 2012; (iii) Các tổ hợp tác và các hộ sản xuất (có đăng ký kinh doanh) theo Luật dân sự 2015. Đây là các chủ thể trực tiếp triển khai OCOP tại cộng đồng, là đối tượng phục vụ của Chương trình OCOP. Các chủ thể này là người đăng ký triển khai sản phẩm OCOP, từ đó đầu tư, tổ chức sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đã đăng ký với sự hỗ trợ của Chương trình OCOP các cấp.

Các nguồn lực từ chủ thể OCOP bao gồm: Tiền, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ.... phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức OCOP, dưới dạng góp vốn; triển khai các hoạt động theo Chương trình OCOP. Đây là nguồn lực lớn nhất của Chương trình OCOP.

Phương pháp huy động các nguồn lực từ cộng đồng là một trong những nội dung tập huấn cho đội ngũ cán bộ tham gia Chương trình OCOP.

### **6.2. Nguồn kinh phí thực hiện**

#### **(1) Vốn tín dụng**

Nguồn từ tín dụng ngân hàng, tín dụng cộng đồng, huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ.

Địa phương chủ động vận dụng cơ chế chính sách hiện hành, hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn lực tài chính ưu đãi từ các tổ chức tín dụng.

#### **(2) Ngân sách nhà nước**

- Ngân sách chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo: Bố trí từ nguồn ngân sách Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ngân sách Khoa học - Công nghệ, Công thương (xúc tiến thương mại, khuyến công), Nông nghiệp và PTNT (Khuyến nông hỗ trợ phát triển sản phẩm nông nghiệp), Văn hóa, Thể thao và Du lịch (dịch vụ du lịch nông thôn) trong đó, ưu tiên sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

- Huy động các nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện và các nguồn khác cho chương trình OCOP.

## **7. Khoa học công nghệ**

- Ứng dụng triệt để các nội dung của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), đặc biệt thực hiện các ứng dụng công nghệ của Nông nghiệp 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP.

- Xây dựng và triển khai các đề tài, Dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP. Các đề tài/Dự án dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế OCOP (ưu tiên các Hợp tác xã và các Doanh nghiệp nhỏ và vừa, có địa chỉ ứng dụng cụ thể).

- Triển khai thực hiện, hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến, các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tham gia Chương trình.

- Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

### **8. Hợp tác trong nước và quốc tế về triển khai Chương trình OCOP**

Hợp tác trong nước và quốc tế để tăng cường hiệu quả trong quá trình triển khai chương trình OCOP, thúc đẩy xúc tiến sản phẩm OCOP xuất khẩu.

#### **8.1. Hợp tác với các tỉnh thành trong cả nước**

Định kỳ 01 năm/lần tổ chức từ 1-2 chuyến công tác đến các tỉnh thành thực hiện tốt Chương trình OCOP để học hỏi kinh nghiệm, nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành và triển khai tại tỉnh.

Kết nối, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh thành khác, đặc biệt là những trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật của cả nước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM trong công tác tổ chức và quản lý Chương trình OCOP, hỗ trợ cộng đồng phát triển sản phẩm, Khoa học - Công nghệ, đầu tư thương mại và kết nối thị trường.

#### **8.2. Hợp tác quốc tế**

Tổ chức từ 1-2 chuyến công tác sang các quốc gia có kinh nghiệm triển khai, như Thái Lan (học tập Chương trình OTOP của Chính phủ Thái Lan, ưu tiên thành phần tham gia là đội ngũ cán bộ nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP).

## **PHẦN 3:**

# **TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN**

### **I. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Thời gian thực hiện:** 36 tháng (từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2020).

**2. Địa bàn thực hiện:** Toàn bộ tỉnh Bắc Kạn.

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình**

*(Chi tiết tại Phụ lục 1)*

### **II. TRÁCH NHIỆM CÁC CẤP, CÁC NGÀNH**

#### **1. Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo tỉnh Bắc Kạn**

Trách nhiệm chính trong việc triển khai thực hiện Chương trình. Phối hợp với các sở, ngành điều phối hoạt động của chương trình, một số nội dung cụ thể:

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình OCOP Bắc Kạn theo giai đoạn và hàng năm.

- Chỉ đạo các huyện, thành phố xây dựng, triển khai Chương trình OCOP Bắc Kạn ở địa phương, thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình ở các huyện, thành phố.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan khác bố trí, phân bổ, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, huyện, xã rà soát các chủ thể sản xuất và sản phẩm tham Chương trình OCOP-BK.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng và triển khai các Dự án thành phần của Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình.

- Các nhiệm vụ liên quan khác.

#### **2. Sở Công Thương:**

Hướng dẫn, hỗ trợ cộng đồng tham gia Chương trình OCOP tiếp cận nguồn vốn khuyến công; lập kế hoạch và ngân sách hằng năm cho hoạt động khuyến công liên quan đến các tổ chức kinh tế hình thành bởi Chương trình; tổng hợp/báo cáo kết quả công tác khuyến công; Hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất xây dựng cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo quy định; Tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ các sản phẩm OCOP (hội chợ, triển lãm...); cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế liên quan đến sản phẩm OCOP; Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thương mại đối với hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm

OCOP trong và ngoài tỉnh. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **3. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế, cộng đồng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP; tiêu chuẩn hóa, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm. Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Hỗ trợ các địa phương đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm OCOP, tư vấn định hướng phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP, hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa, đăng ký mã số mã vạch...Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **4. Sở Y tế:**

Hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất xây dựng cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo quy định (Chi cục VSATTP, Sở Y tế), đăng ký công bố chất lượng sản phẩm; xây dựng và bảo đảm các chỉ tiêu thuốc Y học cổ truyền, vệ sinh an toàn thực phẩm; đánh giá các sản phẩm thiên nhiên, thực phẩm chức năng, thuốc Y học cổ truyền. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:**

Hỗ trợ tổ chức kinh tế, nhóm cộng đồng nghiên cứu phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của các vùng, miền; xây dựng câu chuyện cho sản phẩm OCOP phục vụ công tác phân phối, tiếp thị sản phẩm. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **6. Sở Tài chính:**

Cân đối tài chính cho các hoạt động của Chương trình; hỗ trợ các tổ chức kinh tế hình thành trong Chương trình về nghiệp vụ, chế độ quản lý tài chính.

### **7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Lồng ghép các nội dung của Chương trình vào quy hoạch tổng thể, kế hoạch hằng năm; phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách.

**8. Sở Nông nghiệp và PTNT:** Hỗ trợ các tổ chức kinh tế công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm, thủy sản. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **9. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động tuyên truyền về Chương trình OCOP. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

### **10. Sở Nội vụ:**

Phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới và Giám nghèo tỉnh, các sở, ngành liên quan thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở.

## **11. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:**

Quản lý đào tạo các ngành nghề liên quan (quản trị kinh doanh, tiếp thị,...) cho các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

**12. Các sở, ban ngành khác:** Lồng ghép các hoạt động của ngành phục vụ việc thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hoạt động có liên quan trong quá trình thực hiện Chương trình

**13. Các Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngân hàng Chính sách xã hội:**

Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn vay để tham gia thực hiện Chương trình OCOP.

## **14. Các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội**

**14.1. Liên minh Hợp tác xã:** Hỗ trợ các nhóm hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia OCOP hình thành và phát triển hợp tác xã; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP.

**14.2. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:** Chỉ đạo các tổ chức Đoàn từ tỉnh đến cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai vận động, hỗ trợ thanh niên ở vùng nông thôn khởi nghiệp OCOP; thanh niên, sinh viên ở các trường đại học/cao đẳng hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình tham gia OCOP về phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm OCOP, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại,... tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động của các trường.

**14.3. Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Bắc Kạn:** Gắn các hoạt động OCOP Bắc Kạn trong quá trình triển khai đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” của Chính phủ, tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế THT, HTX ... phụ nữ sản xuất tạo sản phẩm.

**14.4. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội khác (Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội nông dân, Hội Đông y,...):** Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

**14.5. Diễn đàn thanh niên khởi nghiệp Bắc Kạn:** Tổ chức các hoạt động, sự kiện, diễn đàn liên quan đến hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm, cơ hội đầu tư,...); tư vấn khởi nghiệp; phối hợp với cơ quan thường trực OCOP tỉnh xây dựng hệ thống đối tác hỗ trợ thực hiện Chương trình; giới thiệu và đánh giá các Dự án khởi nghiệp sáng tạo.

## **15. UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch, ban hành và tổ chức triển khai Chương trình OCOP tại cấp huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn..

- Huy động/phân bổ/điều chỉnh các nguồn lực thực hiện trong phạm vi của mình. Sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020, vốn khoa học công nghệ, khuyến công, khuyến nông, ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn khác để triển khai thực hiện Chương trình OCOP tại địa phương.



- Tham gia tuyên truyền về OCOP qua hệ thống của mình.
- Tổ chức cuộc thi đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp huyện để chọn sản phẩm thi đánh giá và phân hạng cấp tỉnh.
- Quản lý hoạt động và chi lương, phụ cấp cho các bộ phận/cá nhân thuộc hệ thống tổ chức OCOP.

#### **16. Các doanh nghiệp**

Sự tham gia của các doanh nghiệp (trong và ngoài tỉnh) sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai.

#### **17. Các Trường, Trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh**

Tham gia đào tạo các ngành nghề liên quan, quản trị kinh doanh, tiếp thị cho các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP có nhu cầu.

#### **18. Cơ quan tư vấn triển khai Chương trình**

Tư vấn một số nội dung công việc để triển khai Đề án như: Chu trình OCOP; hình thành và tái cấu trúc HTX/doanh nghiệp; tập huấn; phát triển, nâng cấp và tiếp thị sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; tư vấn quản trị doanh nghiệp; xây dựng và triển khai các tiểu Dự án,... Việc lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện theo quy định hiện hành.

## PHẦN IV:

# HIỆU QUẢ, Ý NGHĨA TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ, PHƯỜNG MỘT SẢN PHẨM TỈNH BẮC KẠN

### I. HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP BẮC KẠN

#### 1. Hiệu quả kinh tế

- Tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cấp cộng đồng, từ đó tạo nền tảng để phát triển, nâng cấp thành sản phẩm cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Tạo ra các tổ chức kinh tế OCOP, dưới dạng các HTX, SMEs, tổ hợp tác sản xuất, hộ gia đình đăng ký kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển HTX và quốc gia khởi nghiệp.

- Tạo ra luồng đầu tư của cộng đồng thông qua phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP.

#### 2. Hiệu quả về xã hội

- Tạo ra công ăn việc làm khu vực nông thôn: từ đó giảm dần luồng di cư từ nông thôn ra thành thị, giúp thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và đô thị.

- Thông qua việc góp vốn hình thành các HTX, SMEs, Chương trình OCOP làm cho một bộ phận lớn dân cư các cộng đồng ở vùng nông thôn trở thành chủ nhân của quá trình phát triển kinh tế, từ đó tạo ra lợi ích kép cho cộng đồng bằng việc được quyết định các quá trình trong sản xuất, phân phối lợi nhuận.

- Kết quả khảo sát, nghiên cứu thực trạng đề xuất chiến lược phát triển các sản phẩm thế mạnh của các địa phương sẽ góp phần định hướng, xây dựng hệ thống chính sách (ưu tiên thúc đẩy liên kết chuỗi), giải pháp hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP. Từ đó có những tác động, can thiệp mạnh tính hệ thống trên cả chuỗi (nâng cao mối quan hệ giữa các chủ thể chuỗi, tăng cường ứng dụng KHCN, chia sẻ thông tin liên quan đến thị trường tiêu thụ sản phẩm,...). Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP.

#### 3. Các kết quả cụ thể của Chương trình

Các kết quả cụ thể của Chương trình được trình bày ở Bảng 5.

**Bảng 5: Các kết quả cụ thể của Chương trình OCOP-BK**

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu cần đạt
1	Hệ thống tổ chức "Mỗi xã, phường một sản phẩm" ở Bắc Kạn	Hệ thống tổ chức Đề án "Mỗi xã, phường một sản phẩm" ở 3 cấp, từ cấp tỉnh đến huyện và xã theo hướng gọn nhẹ gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo của tỉnh. Hệ thống này hỗ trợ các cộng đồng trong tỉnh phát triển và thương mại hoá sản phẩm truyền thống, từ cấp tỉnh, huyện đến xã theo chu trình thường niên.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu cần đạt
2	Hệ thống văn bản của Chương trình	Chu trình OCOP tỉnh Bắc Kạn và các mẫu biểu kèm theo; các văn bản chính sách triển khai OCOP Bắc Kạn. Các văn bản này được UBND tỉnh phê duyệt.
3	Hệ thống các đối tác của OCOP Bắc Kạn	Bao gồm các nhà tham gia chuỗi (cung ứng đầu vào, tiêu thụ sản phẩm), các nhà hỗ trợ chuỗi (thiết kế bao bì, nhãn mác, công nghệ, tín dụng, quảng bá,...); có cơ sở dữ liệu cơ bản về các đối tác, các bản thỏa thuận hợp tác với các tổ chức kinh tế/nhóm/hộ phù hợp.
4	Có khoảng 20-30 tổ chức kinh tế/nhóm/hộ tham gia phát triển sản phẩm truyền thống	Các tổ chức kinh tế/nhóm/hộ được tập huấn tốt về phương pháp, kỹ năng có thể triển khai phát triển sản phẩm mới, nâng cấp sản phẩm truyền thống của mình và có sản phẩm dự thi đánh giá và phân hạng ở thời điểm kết thúc giai đoạn 1 của Chương trình.
5	Có khoảng 30-40 sản phẩm được phát triển/nâng cấp và thương mại hóa thành công	Các sản phẩm được dự thi đánh giá và phân hạng cấp tỉnh, công bố tiêu chuẩn chất lượng phù hợp.

## II. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA OCOP BẮC KẠN

- Góp phần lớn triển khai các chủ trương xây dựng “Chính phủ kiến tạo và hành động”, “Quốc gia khởi nghiệp” của Chính phủ.

- Góp phần quảng bá, nâng tầm hình ảnh của Bắc Kạn, người dân nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện giảm nghèo bền vững./.

## **PHỤ LỤC**

PHỤ LỤC 1: KHUNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC SẢN PHẨM HIỆN CÓ DỰ KIẾN LỰA CHỌN NÂNG CẤP, HOÀN THIỆN TRONG CHƯƠNG TRÌNH OCOP

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC SẢN PHẨM MỚI DỰ KIẾN LỰA CHỌN THAM GIA TRONG CHƯƠNG TRÌNH OCOP

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC SẢN PHẨM DỰ KIẾN ƯU TIÊN LỰA CHỌN TẬP TRUNG HOÀN THIỆN/NÂNG CẤP TRONG NĂM 2018, 2019

PHỤ LỤC 5: LỘ TRÌNH PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN TRONG CÁC NĂM

PHỤ LỤC 6: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP GIAI ĐOẠN 2018-2020

PHỤ LỤC 7: DỰ KIẾN PHÂN NGUỒN VỐN THEO NĂM

PHỤ LỤC 8: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

**PHỤ LỤC 01: KHUNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

TT	Hoạt động chính	Năm thực hiện			Ngân sách nhà nước								
		2018	2019	2020	Tại cấp tỉnh (theo Sở, ngành)								
					VP NTM&GN HD Tư vấn	VP NTM&GN	Sở NN&PTNT	Khuyến nông	Sở C.thương	Khuyến công	Sở KH & CN	VII-TT - Du lịch	Cấp huyện (NTM, 30a...)
I	<b>Khởi động Đề án</b>	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.	Xây dựng, hoàn thiện văn kiện Đề án và phê duyệt Đề án OCOP - BK	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2.	Hội thảo về OCOP-BK (Tổng hợp ý kiến của cả sở ban ngành, các nhà khoa học, giới thiệu một số ngành hàng tiềm năng thực hiện)	x	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-
1.3.	Hội nghị triển khai Chương trình OCOP-BK toàn tỉnh (có trực tuyến toàn tỉnh)	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-
II	<b>Đánh giá thực trạng sản phẩm truyền thống tỉnh Bắc Kạn</b>	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.	Tổng hợp và phân tích các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến phát triển thị trường các sản phẩm truyền thống - chia theo 6 nhóm ngành hàng	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2.	Khảo sát (phỏng vấn bán cấu trúc một số cộng đồng/ cơ sở), phân tích và xây dựng báo cáo đánh giá hiện trạng, ưu thế, khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm cộng đồng - tính theo 30 sản phẩm	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
III	<b>Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết (2018)</b>	x	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-
3.1.	Tổ chức hội thảo tham vấn lãnh đạo và chuyên gia (3 ngày)	x	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-
3.2.	Hỗ trợ lập kế hoạch thực hiện Đề án (Kế hoạch 6 tháng)	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	<b>Xây dựng hệ thống quản lý,</b>	x	x	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-

	điều hành Chương trình OCOP - BK												
4.1	Xây dựng hệ thống tổ chức và vận hành cho hệ thống OCOP từ tỉnh-huyện nhằm hỗ trợ các cộng đồng trong tỉnh phát triển và thương mại hóa sản phẩm truyền thống	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai chương trình OCOP Bắc Kạn	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
4.3	Triển khai tập huấn cho các cán bộ được lựa chọn vào hệ thống tổ chức OCOP (Tổ chức 2 khóa x 2 ngày/khóa)	x	x	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Xây dựng cơ chế, chính sách cho Chương trình OCOP	x	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-
4.4.1	Thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp	x			x								
4.4.2	Xây dựng, hoàn thiện chính sách	x			x								
4.4.3	Hội nghị lấy ý kiến góp ý	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-
V	Triển khai thực hiện OCOP thường niên	x	x	x	x	x	-	-	x	-	-	-	x
5.1	Hội nghị Ban Điều hành chương trình OCOP - BK (1 lần/năm)	x	x	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết (2019-2020)	x	x	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-
5.2.1	Hội nghị tham vấn kế hoạch triển khai hàng năm	x	x	x		x							
5.2.2	Lập kế hoạch chi tiết năm (phê duyệt)	-											
5.3	Triển khai theo chu trình	x	x	x	x	x	-	-	x	-	-	-	x
5.3.1	Hỗ trợ hệ thống tổ chức OCOP-BK (các cấp tỉnh-huyện) thực hiện áp dụng chu trình chuẩn của OCOP, triển khai giám sát thực hiện trong 2 năm	x	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3.2	Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, quản trị và hoạt động	x	x	x	x	x	-	-	-	-	-	-	-



	chức cuộc thi sản phẩm cấp huyện, tỉnh)												
5.3.8.1	Cấp huyện (1 đợt/năm x 3 năm: 2018, 2019, 2020)	x	x	x	x	x	-	-	-	-	-	-	x
5.3.8.2	Cấp tỉnh (1 đợt/năm x 3 năm)	x	x	x	x	x	-	-	-	-	-	-	-
5.3.9	Rà soát, điều chỉnh chu kỳ (tuần) thực hiện, OCOP tỉnh, huyện hỗ trợ	x	x	x	x	x	-	-	-	-	-	-	-
5.3.10	Xây dựng hệ thống hỗ trợ xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP-BK	x	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3.10.1	Khảo sát thực trạng	x	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3.10.2	Đề xuất hệ thống xúc tiến thương mại	-	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3.10.3	Xúc tiến thương mại	x	x	x	-	x	-	x	-	-	-	-	-
<b>VI</b>	<b>Phát triển sản phẩm</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>-</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>
6.1	Nâng cấp, phát triển sản phẩm	x	x	x	-	x	-	x	x	x	x	x	x
6.2	Xây dựng và triển khai các dự án thể mạnh của nông nghiệp và nông thôn cấp tỉnh (bao gồm du lịch, dịch vụ)	x	x	x	-	x	x	-	x	-	x	x	x
6.2.1	Phát triển trực du lịch gắn với OCOP Chợ Mới - Ba Bể - Ngân Sơn	x	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	x
6.3.3	Dự án nâng cấp, mở rộng chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: (03 Dự án), dự kiến: Quýt, Miến dong, Hông không hạt, Bí xanh thơm, Cây dược liệu...	x	x	x		x	x		x		x		
6.4	Các Dự án Thanh viên khởi nghiệp OCOP	x	x	x		x			x		x		x
<b>VII</b>	<b>Phát triển tổ chức kinh tế</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>-</b>	<b>x</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
7.1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tham gia Đề án OCOP	x	x	x		x							
7.2	Chỉ đạo điểm về tổ chức sản xuất sản phẩm OCOP (cán bộ	x	x	x	-	x	-	-	-	-	-	-	-





**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC SẢN PHẨM HIỆN CÓ DỰ KIẾN LỰA CHỌN NÂNG CẤP, HOÀN THIỆN  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

T T	Huyện	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất (ghi đại diện nếu nhiều hộ cùng làm)	Loại hình tổ chức	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Liên hệ			
						Họ và tên	Số điện thoại	Email	
1	<b>Thực phẩm</b>								
1	Chợ Mới	Bún khô	Nguyễn Thị Hiệp	CS tư nhân	Thôn Sáu Hai Nồng Hạ				
2	Chợ Mới	Mía vàng	Chu Thị Yém	CS tư nhân	Thôn Nà Bia Nồng Hạ		01646722588		
3	Chợ Mới	Cam	Nguyễn Thanh trí	CS tư nhân	Thanh Mai		0978478368		
				HTX	Xã Lương Hạ, huyện Chợ Mới	Đình Duy Lý			
4	Chợ Mới	Quýt	Nguyễn Thanh trí	CS tư nhân	Thanh Mai		0978478369		
				HTX	Xã Lương Hạ, huyện Chợ Mới	Đình Duy Lý			
5	Chợ Mới	Bưởi		HTX	Xã Lương Hạ, huyện Chợ Mới		Đình Duy Lý		
6	Chợ Mới	Chuối khô	HTX Hợp Thành Thanh Vân	HTX	Xã Thanh Vân, Chợ Mới		Hà Đức Đàm	01255994876	
7	Chợ Đồn	Hồng không hạt	HTX Tân Phong	HTX	Thôn Ban Lạc, xã Quang Bạch, huyện Chợ Đồn		Nông Thủy Ngân	0984093540 hixtanphongqb@gmail.com	
8	Chợ Đồn	Măng khô Mấy Puốc	HTX Cao Phong	HTX	Thôn Ban Eng, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn		Đổng Phúc Ngu	0915600172	
9	Chợ Đồn	Cam Rã Ban	HTX Toán Thắng	HTX	Thôn Khuổi Già, xã Rã Ban, huyện Chợ Đồn		Hoàng Văn Nhiếp	0976708800	
10	Chợ Đồn	Quýt Rã Bàn							
11	Chợ Đồn	Gạo Bao thai Chợ Đồn	HTX Hoàn Thành	HTX	Thôn Nà Lang, xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn		Hoàng Văn Thành	0986143760	
12	Bạch Thông	Rau sạch	HTX Nà Tu	HTX	Thôn Nà Tu xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông				
			Triệu Thị Hương	CS tư nhân	Thôn Nà Rào xã Nguyễn Phúc, huyện Bạch Thông				
			HTX Bình Sơn	HTX	Thôn 1B Khau Cờm xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông				
13	Bạch Thông	Phở khô Phú Thông	HTX Hợp Lực	HTX	Phố Đầu Cầu - TT Phú Thông, huyện Bạch Thông				
14	Bạch Thông	Cam quýt Đại Hà	HTX Đại Hà	HTX	Nà Kha - Xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông				
15	Bạch Thông	Bánh nướng Quang Diễm	Đình Quang Diễm	CS tư nhân	Thôn Nà Phá, xã Hà Vi, huyện Bạch Thông				
16	Bạch Thông	Chuối sấy khô	HTX Thiên An	HTX	Thôn Nà Ít, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông				
17	Ba Bể	Hồng ngâm, hồng sấy	HTX Đồng Lợi	HTX	Thôn Nà Chom, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể			01678866659	
18	Ba Bể	Tép Chua (Ba Bể)	Tổ hợp tác sản xuất và chế biến đặc sản khu vực hồ Ba Bể	THT	Bản Vài, Khang Ninh, Ba Bể		Hoàng Thị Hương	01645301287	
19	Ba Bể	Miến dong	Cơ sở Triệu Thị Tá	CS tư nhân	Thôn Nà Viên - xã Yên Dương - Ba		Triệu Thị Tá		

20	Ba Bể	Bí Xanh Thơm	Tổ hợp tác	THT	Xã Địa Linh - Ba Bể			
21	Ba Bể	Rau bó khai	Tổ hợp tác	THT	Thôn Thạch Ngõa 1-xã Mỹ Phương - Ba Bể			
			Hợp tác xã Sang Hà	HTX	Thôn Bàn Ngủ 1 - xã Cao Trí - Ba Bể			
22	Ba Bể	Miến Đông	Cơ sở Nhất Thiện	CS tư nhân	Thôn Nà Nỏ - xã Mỹ Phương - Ba Bể			
23	Ngân Sơn	Gạo nếp (Khẩu nua lếch)	HTX Khẩu Nua Lếch	HTX	Thôn Cò Luồng, Thượng Quan, Ngân Sơn	Nông Công Chức	0984259794	
24	Ngân Sơn	Măng ớt	Cơ sở chế biến măng ớt Phong Phìn	CS tư nhân	Đèo Giỏ, xã Văn Tùng, Ngân Sơn	Bán Hữu Phong	01699599555	
25	TP Bắc Kạn	Thịt lợn xông khói	Hợp tác xã rượu chuối Tân Dân	HTX	Phường Đức Xuân	Nguyễn Thị Hương	0972045115	Tand19S1@gmail.com
26	TP Bắc Kạn	Chuối sấy dẻo	Hợp tác xã rượu chuối Tân Dân	HTX	Phường Đức Xuân	Nguyễn Thị Hương	0972045115	Tand19S1@gmail.com
27	TP Bắc Kạn	Nấm sò,						
28	TP Bắc Kạn	Mộc nhĩ,	HTX Minh Anh	HTX	Tổ Bàn Pát, phường Xuất Hóa, tp Bắc Kạn	Nông Thị Việt	0976494451	
29	TP Bắc Kạn	Nấm linh chi						
30	TP Bắc Kạn	Cơm Quang Thuận	HTX Đại Thành	HTX	Thị trấn Bắc Kạn	Quách Đăng Hiền	0912055697	
		Quýt Quang Thuận						
31	TP Bắc Kạn	Dầm chuối						
		Chuối sấy						
		Thịt lợn, khói						
		Lạp xưởng						
32	Pắc Nặm	Lạp xưởng	HTX Nhạn Môn	HTX		Ông Luật	01682154666	
33	Pắc Nặm	Mận chín sớm	Cộng đồng	CS tư nhân	Thôn Thâm Méo, Xuân La, Pắc Nặm		0976944122	
34	Pắc Nặm	Bún khô	Nông Văn Huân	CS tư nhân		Nông Văn Huân	01652961813	
35	Pắc Nặm	Rau sạch	Nhóm thanh niên KN	Nhóm				
36	Na Rì	Rau Bó khai An Tĩnh			Xã An Tĩnh			
37	Na Rì	Bột dong riềng			Xã Côn Minh			
					Xã Hào Nghĩa			
					Xã Dương Sơn			
					Xã Hữu Thác			
38	Na Rì	Mật ong			Xã Kim Lư			
39	Na Rì	Cơm, Quýt			Xã Liêm Thủy			
40	Na Rì	Cơm, Quýt			Xã Văn Học			
41	Na Rì	Cơm, Quýt			Xã Quang Phong			
42	Na Rì	Gà ta Quang Phong			Xã Vũ Loan			
43	Na Rì	Gà ta Vũ Loan			Xã Xuân Dương			
44	Na Rì	Gà thả đồi			Xã Văn Minh			
45	Na Rì	Cá Ván Minh			Thị trấn Yên Lạc			
46	Na Rì	Bánh quẩy (Su Héc)						

II	Đồ uống							
1	Chợ Mới	Mơ ngâm	HTX Đoàn Kết	HTX	Xã Cao Kỳ, Chợ Mới	Hoàng Bảo Dũng	01676483425	
2	Chợ Mới	Chè khô	Đặng Phúc Quân	CS tư nhân	Thôn Bàn Cháo	Đặng Phúc Quân	01689231611	
			Đặng Nguyễn Phương	CS tư nhân	Thôn Thái Lao	Đặng Nguyễn Phương	01642248736	
3	Chợ Mới	Rượu Khôi Chú	Đặng Khắc Tiến	CS tư nhân	Thôn Khuôi Chú	Đặng Khắc Tiến		
4	Chợ Mới	Rượu chuối	HTX Hợp Thành Thanh Vân	HTX	Xã Thanh Vân, Chợ Mới	Hà Đức Đàm	01255994876	
5	Chợ Mới	Rượu men lá	THT sản xuất men lá Lương Thành	THT	Thôn Bàn Chan, xã Lương Thành, huyện Chợ Mới	Lý Thị Duyên	0945907795	
6	Chợ Đồn	Rượu men lá Bông Phúc	HTX rượu men lá Bông Phúc	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bông Phúc, huyện Chợ Đồn	Hoàng Thị Hoa	1633997959	
			HTX Rượu men lá Thanh Tâm	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bông Phúc, huyện Chợ Đồn	Nông Thị Tâm	01636901257	
			Công ty TNHH	TNHH				
7	Chợ Đồn	Chè Shan tuyết	HTX chè Bông Phúc	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bông Phúc, huyện Chợ Đồn	Mạch Quang Trung	0963204662	
			HTX Chè Sơn Tuyết Nà Bay	HTX	Bán Nà Bay, Bông Phúc, Chợ Đồn	Hoàng Thị Xuyên	01674678049	
8	Chợ Đồn	Nước lọc Pô Nà	Công ty TNHH	TNHH	Tổ 1, Thị trấn Bông Lũng, huyện Chợ Đồn	Trần Đức Sơn	0983804413	
9	Ba Bè	Chè (Mỹ Phương)	HTX chè Mỹ Phương	HTX	Thôn Púng Châm, Mỹ Phương, Ba Bè	Lê Thị Hà	0942990948	
10	Bạch Thông	Rượu men lá Bình Tiến	Hà Sĩ Toàn	CS tư nhân	Thôn Nà Nghiu xã Lục Bình, huyện Bạch Thông			
11	Bạch Thông	Rượu men lá	Trịnh Xuân Tiến	CS tư nhân	Thôn Khuôi Lửa, xã phường Linh, huyện Bạch Thông			
12	TP. Bắc Kạn	Rượu chuối	Hợp tác xã rượu chuối Tân Dân	HTX	Phường Đức Xuân	Nguyễn Thị Hương	972045115	Tand1981@gmail.com
<b>III Thảo dược</b>								
1	Chợ Mới	Hôi	Các hộ gia đình trồng Hôi	CS tư nhân	Xã Bình Văn, huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	Nguyễn Thị Thu		
2	Chợ Đồn	Giáo cổ lam thiên nhiên	Tổ hợp tác dược liệu thiên nhiên Nam Xuân Lạc		Thôn Bàn Tùn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Nông Văn Hương	01256286230	
3	Na Ri	Kim Ngân Hoa			Xã Lạng Sơn			
		Bà Kịch Tim						
4	Na Ri	Giáo cổ lam						
4	Na Ri	Nguyên liệu làm men lá (nấu rượu)			Xã Lương Thành			
5	Bạch Thông	Đông nam dược (thuốc xoa bóp xương khớp)	HTX Đông nam dược thuốc đông y gia truyền	HTX	Thôn Khuôi Thiêu, xã Hà Vị, huyện Bạch Thông	Nguyễn Văn Cư	01684945139	
6	TP Bắc Kạn	Tinh bột nghệ Curcumin nghệ	HTX nông nghiệp Tân Thành	HTX	Tân Thành, Nông Phương, tp Bắc Kạn	Nguyễn Thị Hồng Minh	0917482777 - 0868148889	
IV	Vải và may mặc							

V	Lưu niệm - nội thất - trang trí						
1	Chợ Đồn	Đồ gỗ nội thất	HTX Dũng Phúc	HTX	Thôn Nà Đôn, xã Yên Thịnh, huyện Chợ Đồn	Đào Ngọc Thịnh	0918609974
2	Bạch Thông	Đồ gỗ nội thất	Đào Văn Đức	CS tư nhân	Thôn Dấu Cẩu xã Cầm Giàng huyện Bạch Thông		
			Trương Văn Thủy	CS tư nhân	Thôn Côi Mỏ xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông		
4	Bạch Thông	Đồ gỗ gia dụng	Nguyễn Văn Hải	CS tư nhân	Thôn Bản Đán xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông		
5	Bạch Thông		Hoàng Minh Cường	CS tư nhân	Thôn Bản Đán xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông		
6	Bạch Thông		Cao Trường Giang	CS tư nhân	Thôn Nà Đôn xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông		
7	TP. Bắc Kạn	Hạt gỗ	Tổ hợp tác chế biến lâm sản	HTX	Xã Dương Quang	Bùi Thị Chuyền	0969403678
8	TP Bắc Kạn	Hạt cườm gỗ	HTX Dương Quang	HTX	TP Bắc Kạn	Chu Kế Kiêm	0973634618
VI	Dịch vụ du lịch nông thôn						
1	TP Bắc Kạn	Danh lam thắng cảnh	Động Ang Tòong	DTQG	Phường Xuân Hòa, tp Bắc Kạn		
2	TP Bắc Kạn	Danh lam, thắng cảnh	Thác Nà Nọc	cấp tỉnh	Phường Xuân Hòa, tp Bắc Kạn		
3	TP Bắc Kạn	Di tích lịch sử	Hội trường Tám Má	cấp tỉnh	Thôn Tông Neng, xã Huyền Tung		
4	TP Bắc Kạn	Di tích lịch sử	Khuổi Cuông	cấp tỉnh	Thôn Khuổi Cuông, xã Nông Thượng		
5	TP Bắc Kạn	Di tích lịch sử	Nhà Công Sứ Pháp	cấp tỉnh	Tổ 5, phường Chi Kiến		
6	TP Bắc Kạn	Di tích lịch sử	Nhà Hội Đồng Pháp	cấp tỉnh	Tổ 10, phường Đức Xuân		
7	Chợ Đồn	Di tích lịch sử	Hệ thống cấp tời Quảng	cấp tỉnh	Núi Phja Khao, xã Bản Thi		
8	Chợ Đồn	Lịch sử - Văn hóa	Đền Tiên Sơn	cấp tỉnh	Thôn Hợp Tiến, xã Bản Thi		
9	Chợ Đồn	Di tích lịch sử	Phja Tấc	cấp tỉnh	Thôn Bản Nương, xã Bản Thi		
10	Chợ Đồn	Di tích lịch sử	Túm Tó	cấp tỉnh	Bản Tùm Tì, xã Bằng Lăng		
11	Chợ Đồn	Di tích lịch sử	Bản Cài	cấp tỉnh	Bản Cài, xã Phương Liên		
12	Chợ Đồn	Lịch sử - Văn hóa	Đền Phja Khao	cấp tỉnh	Thôn Phja Khao, xã Bản Thi		
13	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Pay	cấp tỉnh	Thôn Nà Kiến, xã Nghĩa Tá		
14	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Kiến	cấp tỉnh	Thôn Nà Kiến, xã Nghĩa Tá		
15	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Đồi Khuổi Đám	cấp tỉnh	Thôn Nà Khán, xã Nghĩa Tá		
16	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Khuổi Linh	DTQG	Thôn Nà Đeng, xã Nghĩa Tá		
17	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Quăn	DTQG	Thôn Nà Kham, xã Bình Trung		
18	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Bản Ca	DTQG	Thôn Bản Ca, xã Bình Trung		
19	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Khau Mạ	DTQG	Thôn Bản Yên, xã Lương Bằng		
20	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Pẩu	DTQG	Thôn Bản Thít, xã Lương Bằng		
21	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Đồi Pù Cọ	DTQG	Thôn Bản Bằng, xã Nghĩa Tá		
22	Chợ Mới	Di tích lịch sử	Viện nghiên cứu kỹ thuật quân giới - Bộ Quốc phòng	cấp tỉnh	Thôn Nà Lăng, xã Quảng Chu		
23	Chợ Mới	Di tích lịch sử	Chùa Thạch Long	cấp tỉnh	Thôn Con Tum, xã Cao Kỳ		
24	Chợ Mới	Di tích lịch sử	Đền Thám	cấp tỉnh	Tổ 6, thị trấn Chợ Mới		

25	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Hồ Ba Bể	DTQG	Xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể		
26	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Tổng Luyến	cấp tỉnh	Thôn Tổng Luyến, thị trấn Chợ Rã		
27	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Bán Chán	cấp tỉnh	Thôn Bán Chán, xã Đông Phúc		
28	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Động Hua Mạ	cấp tỉnh	bán Phố xã Quảng Khê, Ba Bể		
29	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Động Puông	cấp tỉnh	Thôn Bán Vải, xã Khang Ninh		
30	Ba Bể	Danh lam thắng cảnh	Thác Tát Mạ	cấp tỉnh	Thôn Nà Lượn, xã Hoàng Trí		
31	Ba Bể	Lịch sử - Văn hóa	Động Thẩm Thịnh	cấp tỉnh	Thôn Chợ Lẻng, xã Quảng Khê		
32	Ba Bể	Lịch sử - Văn hóa	Chùa Phố Cù	cấp tỉnh	Tiểu khu 7, thị trấn Chợ Rã		
33	Ba Bể	Di tích lịch sử	Lũng Chàng	cấp tỉnh	Thôn Lũng Chàng, xã Hà Hiệu		
34	Ba Bể	Di tích lịch sử	Đon Pán	cấp tỉnh	Thôn Khuổi Tàu, xã Cao Thượng		
35	Ba Bể	Di tích lịch sử	Pù Cút	cấp tỉnh	Thôn Nà Hai, xã Quảng Khê		
36	Ba Bể	Di tích lịch sử	Khuổi Mán	cấp tỉnh	Thôn Khuổi Mán, xã Hà Hiệu		
37	Ba Bể	Di tích lịch sử	Phiêng Chi	cấp tỉnh	Thôn Phiêng Chi, xã Thượng Giáo		
38	Ba Bể	Di tích lịch sử	Cốc Lùng	cấp tỉnh	Thôn Bán Hòn, xã Bán Trạch		
39	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Nà Tu	DTQG	Thôn Nà Tu xã Cẩm Giàng		
40	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Đoàn Phú Thông	DTQG	Phố Chính, tt Phù Thông		
41	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Khau Cướm	cấp tỉnh	Thôn Khau Cướm, xã Sỹ Bình		
42	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Mồ ĐC Bản Văn Hoan	cấp tỉnh	Thôn Nà Lư, xã Quang Thuận		
43	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Khuổi Lừa	cấp tỉnh	Thôn Khuổi Lừa, xã Phương Linh		
44	Bạch Thông	Di tích lịch sử	Nà Mạn	cấp tỉnh	Thôn Địa Cát, xã Vi Hương		
45	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Chiến Thắng Đèo Giàng	DTQG	Khuê Cua Bó Nậm, xã Lăng Ngần		
46	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Địa điểm lưu niệm nơi Bác Hồ dừng chân trên đường từ Pác Bó về Tân Trào tháng 5/1945	DTQG	Thôn Hoàng Phái, xã Cốc Đán		
47	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Bốt Khau Pán	cấp tỉnh	Khau Pán, xã Đức Vân		
48	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Đền Phìa Thán	cấp tỉnh	Bản Nà Cha, xã Cốc Đán		
49	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Công Tát	cấp tỉnh	Thôn Bán Duóm, xã Thượng An		
50	Ngân Sơn	Danh lam thắng cảnh	Thác Nà Khoang	cấp tỉnh	Thôn Nà Khoang, tt Nà Phặc		
51	Nà Rì	Danh lam thắng cảnh	Động Nàng Tiên	DTQG	Thôn Khuổi Hai, xã Lương Hạ		
52	Nà Rì	Di tích lịch sử	Pò Kép	cấp tỉnh	Thôn Pò Kép, xã Văn Học		
53	Pắc Nặm	Di tích lịch sử	Púp Nhung	cấp tỉnh	Thôn Nặm Đám, xã Cao Tân		

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC SẢN PHẨM MỚI DỰ KIẾN LỰA CHỌN THAM GIA  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

T T	Huyện	Tên sản phẩm	Chủ thể dự kiến tổ chức sản xuất		Địa chỉ dự kiến quy hoạch sản xuất	Thị trường tiêu thụ dự kiến	Ghi chú
			Tên	Địa chỉ			
<b>I</b>	<b>Thực phẩm</b>						
1	Ngân Sơn	Hạt Dẻ Đức Vân	HTX	Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	Tại tỉnh, các điểm dừng chân, các đại lý trong và ngoài tỉnh	
2	Ngân Sơn	Quýt Thượng Ân	HTX	Xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	Xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	Tại tỉnh, các điểm dừng chân, các đại lý trong và ngoài tỉnh	
3	Chợ Mới	Chuối khô		Xã Thanh Vân	Thôn Pá Lai, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới	Các tỉnh, các đại lý ngoài tỉnh	
4	Bạch Thông	Quả mơ vàng	Hộ tư nhân	Thôn Bán Đán, xã Đôn Phong	Xã Đôn Phong	Bắc Kạn và các tỉnh trong nước	Nguyễn Văn Lưu
5	Bạch Thông	Chè Búp	Hộ tư nhân	Thôn Thôm Mỏ, xã Quán Bình	Xã Quán Bình	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	Hứa Thị Bé
6	Bạch Thông	Mật ong	Hộ tư nhân	Thôn Lũng Kén, xã Hà Vị	Xã Hà Vị	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	Phùng Văn Quang
7	Bạch Thông		Hộ tư nhân	Thôn Khuổi Cù, xã Phương Linh	Xã Phương Linh	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	Hoàng Văn Danh
8	Bạch Thông		Câu lạc bộ nuôi ong nội	Thôn Nà Cù, Khuổi Chanh, Bó Bả xã Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	
9	Bạch Thông	Nấm trồng	HTX Hợp Giang	Thôn Nà Nghịu, xã Lục Bình	Xã Lục Bình	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	
<b>II</b>		<b>Đồ uống</b>					
1	Chợ Mới	Rượu chuối		Xã Thanh Vân	Thôn Pá Lai, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới	Trong tỉnh và các đại lý ngoài tỉnh	
<b>III</b>		<b>Thảo dược</b>					
1	Chợ Mới	Hoa hồi (dạng sơ chế đóng gói, sơ chế tinh dầu)			Bản Mới, Bình Văn	Trong và ngoài tỉnh	
<b>IV</b>		<b>Vải và may mặc</b>					
1	Bạch Thông	Quần áo dân tộc Dao	Triệu Thị Tá	Thôn Địa Cát, xã Vi Hương	Xã Vi Hương	Trong tỉnh và ngoài tỉnh	

**PHỤ LỤC 4: DANH MỤC SẢN PHẨM DỰ KIẾN ƯU TIÊN LỰA CHỌN TẬP TRUNG HOÀN  
THIỆN/NÂNG CẤP TRONG NĂM 2018, 2019**

T T	Huyện	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất	Loại hình tổ chức	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Liên hệ		
						Họ và tên	Số điện thoại	Email
<b>1</b>	<b>Thực phẩm</b>							
1	Chợ Mới	Bún khô	Nguyễn Thị Hiệp	CS tư nhân	Thôn Sáu Hai Nông Hạ			
2	Chợ Mới	Chuối sấy	HTX Hợp Thành Thanh Vân	HTX	Xã Thanh Vân, Chợ Mới	Hà Đức Đảm	01255994876	
3	Chợ Đồn	Hồng không hạt	HTX Tân Phong	HTX	Thôn Bàn Lác, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn	Nông Thủy Ngân	0984093540	htxtanphongqb@gmail.com
4	Chợ Đồn	Măng khô Máy Puộc	HTX Cao Phong	HTX	Thôn Bàn Eng, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Đổng Phúc Ngụ	0915600172	
5	Chợ Đồn	Gạo Bao thai Chợ Đồn	HTX Hoàn Thành	HTX	Thôn Nà Lãng, xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Hoàng Văn Thành	0986143760	
6	Bạch Thông	Phở khô Phù Thông	HTX Hợp Lực	HTX	Phố Đầu Cầu - TT Phù Thông, huyện Bạch Thông			
7	Bạch Thông	Bánh nướng Quang Diễm	Đình Quang Diễm	CS tư nhân	Thôn Nà Phá, xã Hà Vi, huyện Bạch Thông			
8	Bạch Thông	Chuối sấy khô	HTX Thiên An	HTX	Thôn Nà Ít, xã Hà Hương, huyện Bạch Thông			
9	Ba Bể	Hồng ngâm, hồng sấy	HTX Đồng Lợi	HTX	Thôn Nà Chôm, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể		01678866659	
10	Ba Bể	Tép Chua (Ba Bể)	Tổ hợp tác sản xuất và chế biến đặc sản khu vực hồ Ba Bể	THT	Bản Vài, Khang Ninh, Ba Bể	Hoàng Thị Hương	01645301287	
11	Ba Bể	Miến dong	Cơ sở Triệu Thị Tá	CS tư nhân	Thôn Nà Viên - xã Yên Dương - Ba Bể	Triệu Thị Tá		
			Cơ sở Nhất Thiện	CS tư nhân	Thôn Nà Ngò - xã Mỹ Phương - Ba Bể			
12	Ngân Sơn	Gạo nếp (Khẩu nua lếch)	HTX Khẩu Nua Lếch	HTX	Thôn Cò Luông, Thượng Quan, Ngân Sơn	Nông Công Chức	0984259794	
13	Ngân Sơn	Măng ớt	Cơ sở chế biến măng ớt Phong Phú	CS tư nhân	Đèo gió, xã Vân Tùng, Ngân Sơn	Bàn Hữu Phong	01699599555	
14	TP. Bắc Kạn	Thịt lợn xông khói	Hợp tác xã rượu chuối Tân	HTX	Phường Đức Xuân	Hà Sĩ Hiệp	0967837459	Tand1981@gmail.com



15		Chuối sấy dẻo	Dà					
16		Dầm chuối						
17	TP Bắc Kạn	Cơm Quang Thuận	HTX Đại Thành	HTX	Thành phố Bắc Kạn	Quách Đăng Hiến	0912055697	
		Quýt Quang Thuận						
18	Pắc Nặm	Mận chín sớm	Cộng đồng	CS tư nhân	Thôn Thâm Mẻo, Xuân Lã, Pắc Nặm		0976944122	
19	Pắc Nặm	Bún khô	Nông Văn Huân	CS tư nhân		Nông Văn Huân	01652961813	
20	Na Rì	Miến dong	HTX chế biến Dong riêng Cón Minh	HTX	Thôn Lũng Vạng, xã Cón Minh			
21	Na Rì	Mật ong			Xã Dương Sơn			
					Xã Hữu Thác			
	Na Rì	Gà ta Quang Phong			Xã Quang Phong			
22	Na Rì	Gà ta Vũ Loan			Xã Vũ Loan			
					Xã Xuân Dương			
	Na Rì	Gà thả đồi			Xã Xuân Dương			
23	Na Rì	Bánh quẩy (Su Héc)			Thị trấn Yên Lạc			
<b>II Đồ uống</b>								
1	Chợ Mới	Mơ ngâm	HTX Đoàn Kết	HTX	Xã Cao Kỳ, Chợ Mới	Hoàng Bảo Dũng	01676483425	
2	Chợ Mới	Rượu chuối	HTX Hợp Thành Thanh Vân	HTX	Xã Thanh Vân, Chợ Mới	Hà Đức Đàm	01255994876	
	TP Bắc Kạn		Hợp tác xã rượu chuối Tân Dân		Phường Đức Xuân	Hà Sĩ Hiệp	0967837459	Tand1981@gmail.com
3	Chợ Đồn	Rượu men lá Bằng Phúc	HTX rượu men lá Bằng Phúc	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	Hoàng Thị Hoa	01633997959	
			HTX Rượu men lá Thanh Tâm	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	Nông Thị Tâm	01636901257	
			Công ty TNHH	TNHH				
4	Chợ Đồn	Chè Shan tuyết	HTX chè Bằng Phúc	HTX	Thôn Nà Pài, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	Mạch Quang Trung	0963204662	
			HTX Chè Shan Tuyết Nà Bay	HTX	Bán Nà Bay, Bằng Phúc, Chợ Đồn	Hoàng Thị Xuyên	01674678049	
5	Chợ Đồn	Nước lọc Pò Nà	Công ty TNHH	TNHH	Tổ 1, Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	Trần Đức Sơn	0983804413	
6	Ba Bè	Chè (Mỹ Phương)	HTX chè Mỹ Phương	HTX	Thôn Púng Châm, Mỹ Phương, Ba Bè	Lê Thị Hà	0942990948	
7	Bạch Thông	Rượu men lá Bình Tiên	Hà Sĩ Toàn	CS tư nhân	Thôn Nà Nghiêu xã Lạc Bình, huyện Bạch Thông			
<b>III Thảo dược</b>								
1	Chợ Mới	Hôi	Các hộ gia đình trồng Hôi	CS tư nhân	Xã Bình Vân, huyện Chợ Mới, Bắc	Nguyễn Thị Thu		

					Kạn			
2	Chợ Đồn	Giáo cổ lam thiên nhiên	Tổ hợp tác dược liệu thiên nhiên Nam Xuân Lạc		Thôn Ban Tùn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Nông Văn Hương	01256286230	
3	Na Ri	Kim Ngân Hoa Giáo cổ lam			Xã Lạng Sơn			
6	TP Bắc Kạn	Tinh bột nghệ Curcumin nghệ	HTX nông nghiệp Tân Thành	HTX	Tân Thành, Nông Phương, tp Bắc Kạn	Nguyễn Thị Hồng Minh	0917482777 - 0868148889	
IV	<b>Vải và may mặc</b>							
V	<b>Lưu niệm - nội thất - trang trí</b>							
1	TP. Bắc Kạn	Hạt cườm gỗ	Tổ hợp tác chế biến lâm sản	HTX	Xã Dương Quang	Bùi Thị Chuyên	0969403678	
			HTX Dương Quang	HTX	TP Bắc Kạn	Chu Kế Kiêm	0973634618	
VI	<b>Dịch vụ du lịch nông thôn</b>							
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Khuổi Linh	DTQG	Thôn Nà Deng, xã Nghĩa Tá			
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Quán	DTQG	Thôn Nà Kham, xã Bình Trung			
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Bán Ca	DTQG	Thôn Bán Ca, xã Bình Trung			
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Khau Mả	DTQG	Thôn Bán Vèn, xã Lương Bằng			
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Nà Pẩu	DTQG	Thôn Bán Thút, xã Lương Bằng			
	Chợ Đồn	Di tích lịch sử ATK	Đồi Pù Cọ	DTQG	Thôn Bán Bằng, xã Nghĩa Tá			
	Chợ Mới	Di tích lịch sử	Chùa Thạch Long	cấp tỉnh	Thôn Con Tùn, xã Cao Kỳ			
	Chợ Mới	Di tích lịch sử	Đền Thảm	cấp tỉnh	Tổ 6, thị trấn Chợ Mới			
	Bách Thông	Di tích lịch sử	Nà Tu	DTQG	Thôn Nà Tu xã Cẩm Giàng			
	Bách Thông	Di tích lịch sử	Đồn Phú Thống	DTQG	Phố Chính, tt Phú Thống			
	Ngân Sơn	Di tích lịch sử	Chiến Thắng Đèo Giàng	DTQG	Khuê Cua Bó Nặm, xã Lăng Ngán			
2	TP Bắc Kạn	Danh lam thắng cảnh	Động Áng Tòng	DTQG	Phường Xuất Hóa, tp Bắc Kạn			
	Ba Bè	Danh lam thắng cảnh	Hồ Ba Bè	DTQG	Xã Nam Mẫu, huyện Ba Bè			
	Na Ri	Danh lam thắng cảnh	Động Nàng Tiên	DTQG	Thôn Khuổi Hai, xã Lương He			
3	Ba Bè	Văn hóa truyền thống	Thôn Pác Ngòi		Thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu			







	lâm việc cấp huyện)								
	Tiền ngủ (2 chuyên * 2 đêm/chuyên * (8 huyện/tp + tỉnh) * 3 người/chuyên)								
	+ Chuyên gia mức 1								
	+ Chuyên gia mức 3								
	+ Chuyên gia mức 4:								
b	Phê duyệt, ban hành quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành								
4.2	Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai chương trình OCOP Bắc Kạn	55800000			55800000				
	Chi phí tư vấn (thu thập phân tích tài liệu thứ cấp; xây dựng chủ trình chuẩn)	55800000			55800000				
	Tiền xe đi lại								
	Thù lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1								
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người)								
	Tiền ngủ								
4.3	Triển khai tập huấn cho các cán bộ được lựa chọn vào hệ thống tổ chức OCOP (Tổ chức 2 khóa x 2 ngày/khóa)	72200000	20700000		41400000	51500000			
a	Tổ chức tập huấn	51500000				51500000			
	Thuế hội Trường								
	Thuế máy chiếu								
	Nước uống								
	Khánh tiết (4m*3m)								
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)								
	Tiền ngủ								
	Di lại từ địa phương - tp Bắc Kạn								
b	Chi phí chuyên gia/giảng viên	20700000	20700000		41400000				
	Tiền xe đi lại								
	Thù lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1 (1 người)								
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người)								
	+ Chuyên gia Mức 4 (1 người)								
	Tiền ngủ (2 chuyên * 2 đêm/chuyên * 5 người/chuyên)								
4.4	Xây dựng cơ chế, chính sách cho Chương trình OCOP	94650000			61450000	33100000			
4.4.1	Thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp	16550000			16550000				
	Chỉ nhiệm nhiệm vụ								
	Thành viên thực hiện chính								



























**PHỤ LỤC 06: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP GIAI ĐOẠN 2018-2020**

TT	Hoạt động chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trách nhiệm thực hiện	Năm thực hiện		
							2018	2019	2020
<b>1</b>	<b>Khởi động Đề án</b>				<b>184.700.000</b>		<b>184.700.000</b>		
<b>1.1.</b>	<b>Xây dựng, hoàn thiện văn kiện Đề án và phê duyệt Đề án OCOP - BK</b>				<b>99.000.000</b>	Tư vấn	<b>99.000.000</b>		
	<i>Chi phí tư vấn</i>				<i>99.000.000</i>				
	<i>Thuê xe đi lại</i>	<i>Ngày</i>	<i>15</i>	<i>1.500.000</i>	<i>22.500.000</i>				
	<i>Thu lao chuyên gia</i>								
	<i>+ Chuyên gia mức 1</i>	<i>Ngày</i>	<i>15</i>	<i>1.500.000</i>	<i>22.500.000</i>				
	<i>+ Chuyên gia mức 3</i>	<i>Ngày</i>	<i>30</i>	<i>800.000</i>	<i>24.000.000</i>				
	<i>+ Chuyên gia mức 4</i>	<i>Ngày</i>	<i>30</i>	<i>500.000</i>	<i>15.000.000</i>				
	<i>Tiền ngủ</i>	<i>Ngày</i>	<i>50</i>	<i>300.000</i>	<i>15.000.000</i>				
<b>1.2.</b>	<b>Hội thảo về OCOP-BK (Tổng hợp ý kiến của cả sở ban ngành, các nhà khoa học, giót thiệu một số ngành hàng tiềm năng thực hiện)</b>				<b>50.200.000</b>	VP NTM & GN, Tư vấn	<b>50.200.000</b>		
<b>a</b>	<b>Tổ chức</b>				<b>35.500.000</b>		<b>35.500.000</b>		
	<i>Thuê hội trường</i>	<i>Hội nghị</i>	<i>1</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>				
	<i>Thuê máy chiếu</i>	<i>Hội nghị</i>	<i>1</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>				
	<i>Nước uống</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>100</i>	<i>40.000</i>	<i>4.000.000</i>				
	<i>Makets + hoa tươi tương Bạc</i>	<i>Hội nghị</i>	<i>1</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>				
	<i>Vấn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)</i>	<i>Bộ</i>	<i>100</i>	<i>50.000</i>	<i>5.000.000</i>				
	<i>Bài tham luận/báo cáo</i>	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>500.000</i>	<i>1.500.000</i>				
	<i>Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương NSNN</i>								
	<i>+ Tiền ăn</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>50</i>	<i>150.000</i>	<i>7.500.000</i>				
	<i>+ Phòng nghỉ</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>50</i>	<i>150.000</i>	<i>7.500.000</i>				
	<i>+ Đi lại (địa phương - TP Bắc Kan)</i>	<i>Lượt</i>	<i>50</i>	<i>100.000</i>	<i>5.000.000</i>				
<b>b</b>	<b>Chi phí chuyên gia:</b>				<b>14.700.000</b>		<b>14.700.000</b>		
	<i>Tiền xe đi lại</i>	<i>Ngày</i>	<i>3</i>	<i>1.500.000</i>	<i>4.500.000</i>				
	<i>Thu lao chuyên gia:</i>								
	<i>+ Chuyên gia Mức 1</i>	<i>Ngày</i>	<i>3</i>	<i>1.500.000</i>	<i>4.500.000</i>				
	<i>+ Chuyên gia Mức 3</i>	<i>Ngày</i>	<i>3</i>	<i>800.000</i>	<i>2.400.000</i>				
	<i>+ Chuyên gia Mức 4</i>	<i>Ngày</i>	<i>3</i>	<i>500.000</i>	<i>1.500.000</i>				
	<i>Tiền ngủ</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>6</i>	<i>300.000</i>	<i>1.800.000</i>				

1.3.	Hội nghị triển khai Chương trình OCOP-BK toàn tỉnh (có trực tuyến toàn tỉnh)				35.500.000	VP NTM & GN	35.500.000	-	-
a	Tổ chức				35.500.000		35.500.000	-	-
	Thuê hội Trường	Hội nghị	1	3.000.000	3.000.000				
	Thuê máy chiếu	Hội nghị	1	1.000.000	1.000.000				
	Nước uống	Người ngày	100	40.000	4.000.000				
	Makets + hoa tươi trưng Bức	Hội nghị	1	1.000.000	1.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	100	50.000	5.000.000				
	Bãi tham luận/báo cáo	Bộ	3	500.000	1.500.000				
	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương NSNN								
	+ Tiễn ăn	Người ngày	50	150.000	7.500.000				
	+ Phòng nghỉ	Người/đêm	50	150.000	7.500.000				
	+ Đi lại (địa phương - TP Bắc Kạn)	Lượt	50	100.000	5.000.000				
II	Đánh giá thực trạng sản phẩm truyền thống tỉnh Bắc Kạn				554.900.000		554.900.000	-	-
2.1.	Tổng hợp và phân tích các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến phát triển thị trường các sản phẩm truyền thống - chia theo 6 nhóm ngành hàng				49.500.000	Tư vấn	49.500.000	-	-
	Chi phí tư vấn thực hiện				49.500.000		49.500.000		
	Tiền xe Hà Nội - Bắc Kạn	Ngày	3	1.500.000	4.500.000				
	Thù lao chuyên gia:								
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Chuyên gia Mức 3 (3 người)	Ngày	27	800.000	21.600.000				
	Chuyên gia Mức 4	Ngày	9	500.000	4.500.000				
	Tiền ngủ	Ngày/đêm	18	300.000	5.400.000				
2.2.	Khảo sát (phòng vấn bán cầu trúc một số cộng đồng/ cơ sở), phân tích và xây dựng báo cáo đánh giá hiện trạng, ưu thế, khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm cộng đồng - tính theo 30 sản phẩm				505.400.000	Tư vấn	505.400.000	-	-
2.2.1	Chi phí tư vấn khảo sát				505.400.000		505.400.000		
	Xây dựng bảng kiểm phỏng vấn (1 mẫu bảng kiểm * 6 ngành hàng)	Bảng kiểm	6	500.000	3.000.000				
	Chi phí đi lại điều tra viên và giám sát (thuế ô tô, xe ôm)	Ngày	90	1.500.000	135.000.000				
	Thù lao chuyên gia								
	Chuyên gia Mức 4	Ngày	540	500.000	270.000.000				
	Tiền ngủ cán bộ điều tra (30 sản phẩm * 6 người * 2 đêm)	Ngày người							
	+ Tại các huyện (6 người x 2 đêm x 26 sản phẩm)		312	250.000	78.000.000				
	+ Tại thành phố (6 người x 2 đêm x 4 sản phẩm)		48	300.000	14.400.000				

	Văn phòng phẩm + pho tô tài liệu cho khảo sát				5.000.000				
III	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết (2018)				74.800.000				
3.1.	Tổ chức hội thảo tham vấn lãnh đạo và chuyên gia (3 ngày)				43.600.000	VP NTM & GN, Tư vấn	74.800.000	-	-
a	Tổ chức				28.000.000		43.600.000	-	-
	Thuê hội Trường	Hội nghị	3	3.000.000	9.000.000		28.000.000		
	Thuê máy chiếu	Hội nghị	3	1.000.000	3.000.000				
	Nước uống	Người/ngày	150	40.000	6.000.000				
	Makets + hoa tươi trưng Bức	Hội nghị	1	1.000.000	1.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	150	50.000	7.500.000				
	Bài tham luận/báo cáo	Bộ	3	500.000	1.500.000				
b	Chi phí tư vấn				15.600.000				
	Tiền xe đi lại	Ngày	3	1.500.000	4.500.000		15.600.000		
	Thủ lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1	Ngày	3	1.500.000	4.500.000				
	+ Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	6	800.000	4.800.000				
	Tiền ngủ	Người/ngày	6	300.000	1.800.000				
3.2.	Hỗ trợ lập kế hoạch thực hiện Đề án (Kế hoạch 6 tháng)				31.200.000	Tư vấn	31.200.000		
	Chi phí tư vấn				31.200.000				
	Tiền xe đi lại		6	1.500.000	9.000.000				
	Thủ lao chuyên gia								
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	6	1.500.000	9.000.000				
	Chuyên gia Mức 3	Ngày	12	800.000	9.600.000				
	Tiền ngủ	Đêm	12	300.000	3.600.000				
IV	Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP - BK				497.950.000		477.250.000	20.700.000	
4.1	Xây dựng hệ thống tổ chức và vận hành cho hệ thống OCOP từ tỉnh-huyện nhằm hỗ trợ các cộng đồng trong tỉnh phát triển và thương mại hóa sản phẩm truyền thống				254.600.000	Tư vấn	254.600.000		
a	Chi phí tư vấn (Xây dựng tổ chức nhân sự, cơ chế hoạt động cấp tỉnh, huyện, xã)				254.600.000		254.600.000		
	Tiền xe đi lại	Ngày	54	1.500.000	81.000.000				
	Thủ lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1 (làm việc cấp tỉnh và 3 huyện điểm)	Ngày	24	1.500.000	36.000.000				
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người, làm việc cấp tỉnh và huyện)	Ngày	81	800.000	64.800.000				
	+ Chuyên gia Mức 4 (2 người làm việc cấp huyện)	Ngày	48	500.000	24.000.000				
	Tiền ngủ (2 chuyên * 2 đêm/chuyên * (8 huyện/tp +	Người							

	(tính) * 3 người/chuyến)	ngày							
	+ Chuyên gia mức 1					4.200.000			
	+ Chuyên gia mức 3					28.200.000			
	+ Chuyên gia mức 4:					16.400.000			
6	Phê duyệt, ban hành quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành								
4.2	Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai chương trình OCOP Bắc Kạn					55.800.000	VP NTM & GN, Tư vấn,	55.800.000	-
	Chi phí tư vấn (thu thập phân tích tài liệu thứ cấp; xây dựng chu trình chuẩn)					55.800.000		55.800.000	
	Tiền xe đi lại	Ngày	9	1.500.000		13.500.000			
	Thủ lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1	Ngày	9	1.500.000		13.500.000			
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người)	Ngày	27	800.000		21.600.000			
	Tiền ngủ	Người/ ngày	24	300.000		7.200.000			
4.3	Triển khai tập huấn cho các cán bộ được lựa chọn vào hệ thống tổ chức OCOP (Tổ chức 2 khóa x 2 ngày/khóa)					92.900.000	VP NTM & GN, Tư vấn,	72.200.000	20.700.000
a	Tổ chức tập huấn					51.500.000		51.500.000	
	Thuê hội Trường	H.trường	4	3.000.000		12.000.000			
	Thuê máy chiếu	H.trường	4	1.000.000		4.000.000			
	Nước uống	Người/ngà y	150	40.000		6.000.000			
	Khánh tiết (4m*3m)	Đợt	2	1.000.000		2.000.000			
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	50	50.000		2.500.000			
	Tiền ngủ	Người/ ngày	50	300.000		15.000.000			
	Đi lại từ địa phương - tp Bắc Kạn	Người/2 lượt	50	200.000		10.000.000			
b	Chi phí chuyên gia/giảng viên					41.400.000		20.700.000	20.700.000
	Tiền xe đi lại	Ngày	6	1.500.000		9.000.000			
	Thủ lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1 (1 người)	Ngày	6	1.500.000		9.000.000			
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người)	Ngày	18	800.000		14.400.000			
	+ Chuyên gia Mức 4 (1 người)	Ngày	6	500.000		3.000.000			
	Tiền ngủ (2 chuyên * 2 đêm/chuyên * 5 người/chuyên)	Người/ ngày	20	300.000		6.000.000			
4.4	Xây dựng cơ chế, chính sách cho Chương trình OCOP					94.650.000	VP NTM & GN, Tư vấn,	94.650.000	-
4.4.1	Thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp					16.550.000		16.550.000	
	Chỉ nhiệm nhiệm vụ	Công	5	950.000		4.750.000			
	Thành viên thực hiện chính	Công	20	590.000		11.800.000			

4.4.2	Xây dựng, hoàn thiện chính sách				44.900.000			44.900.000	
	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	10	950.000	9.500.000				
	Thành viên thực hiện chính	Công	60	590.000	35.400.000				
4.4.3	Hội nghị lấy ý kiến góp ý		2		33.200.000			33.200.000	
	Tổ chức				33.200.000			33.200.000	
	Thuê hội trường	Hội nghị	2	3.000.000	6.000.000				
	Thuê máy chiếu	Hội nghị	2	1.000.000	2.000.000				
	Nước uống	Người	80	40.000	3.200.000				
	Markets + hoa tươi, tượng Bác	Hội nghị	2	1.000.000	2.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	80	50.000	4.000.000				
	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương NSNN								
	+ Tiễn ăn	Người, ngày	40	150.000	6.000.000				
	+ Phòng nghỉ	Người/đêm	40	150.000	6.000.000				
	+ Di lại (địa phương - TP Bắc Kạn)	Lượt	40	100.000	4.000.000				
V	Triển khai thực hiện OCOP thường niên				12.101.000.000			3.188.500.000	5.234.300.000
5.1	Hội nghị Ban Điều hành chương trình OCOP - BK (1 lần/năm)		3		27.000.000	VP NTM & GN	9.000.000	9.000.000	9.000.000
	Tổ chức Hội nghị				27.000.000		9.000.000	9.000.000	9.000.000
	Thuê hội Trường	Hội nghị	3	3.000.000	9.000.000				
	Thuê máy chiếu	Hội nghị	3	1.000.000	3.000.000				
	Nước uống	Người/ngày	150	40.000	6.000.000				
	Markets + hoa tươi tượng Bác	Hội nghị	3						
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	150	50.000	7.500.000				
	Bài tham luận/báo cáo	Bài	3	500.000	1.500.000				
5.2	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết (2019-2020)				38.100.000	VP NTM & GN	12.700.000	12.700.000	12.700.000
5.2.1	Hội nghị tham vấn kế hoạch triển khai hằng năm				38.100.000		12.700.000	12.700.000	12.700.000
	Hội Trường	Hội nghị	3	3.000.000	9.000.000				
	Máy chiếu	Hội nghị	3	1.000.000	3.000.000				
	Nước uống	Người ngày	90	40.000	3.600.000				
	Markets + hoa tươi tượng Bác	Hội nghị	3	500.000	1.500.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	90	50.000	4.500.000				
	Bài tham luận/báo cáo	Bài	6	500.000	3.000.000				
	Đại biểu	Người	90	150.000	13.500.000				
5.2.2	Lập kế hoạch chi tiết năm (phê duyệt)								
5.3	Triển khai theo chu trình				12.035.900.000		3.166.800.000	5.212.600.000	3.656.500.000
5.3.1	Hỗ trợ hệ thống tổ chức OCOP-BK (các cấp tỉnh-huyện) thực hiện áp dụng chu trình chuẩn của OCOP, triển khai giám sát thực hiện trong 2 năm				341.600.000	Tư vấn	170.800.000	170.800.000	-

	Chi phí tư vấn				341.600.000		170.800.000	170.800.000	
	Tiền xe đi lại	Ngày	54	1.500.000	81.000.000				
	Thủ lao chuyên gia:				-				
	+ Chuyên gia Mức 1 (làm việc cấp tỉnh và 3 huyện điểm)		24	1.500.000	36.000.000				
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người, làm việc cấp tỉnh và huyện)	Ngày	162	800.000	129.600.000				
	+ Chuyên gia Mức 4 (2 người, làm việc cấp huyện)	Ngày	96	500.000	48.000.000				
	Tiền ngủ	Đêm	188	250.000	47.000.000				
5.3.2	Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh				514.200.000	VP NTM & GN, Tư vấn	171.400.000	171.400.000	171.400.000
5.3.2.1	Tập huấn cho cộng đồng về xây dựng ý tưởng kinh doanh				194.400.000		64.800.000	64.800.000	64.800.000
a	Tổ chức				153.900.000		51.300.000	51.300.000	51.300.000
	Thuê hội Trường	H. trường	6	3.000.000	18.000.000				
	Thuê máy chiếu	H. trường	6	1.000.000	6.000.000				
	Nước uống	Người/ngà y	300	40.000	12.000.000				
	Khánh tiết (4m*3m)	khóa học	3	1.000.000	3.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	150	50.000	7.500.000				
	Hỗ trợ cho học viên không hưởng lương NSNN								
	+ Tiền đi lại	Lượt	150	100.000	15.000.000				
	+ Tiền ăn	Người ngày	300	150.000	45.000.000				
	+ Thuê phòng nghỉ	Người ngày	150	300.000	45.000.000				
	+ Bãi đường BTC lớp	Người ngày	12	200.000	2.400.000				
b	Chi phí chuyên gia				40.500.000		13.500.000	13.500.000	13.500.000
	Tiền xe đi lại (2 khóa * 3 ngày)	Ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Thủ lao chuyên gia:				-				
	Chuyên gia Mức 1 (2 khóa x 2 ngày x 2 buổi/ngày)	Ngày	12	1.500.000	18.000.000				
	Tiền ngủ (5 người * 2 đêm * 2 khóa)	Người ngày	30	300.000	9.000.000				
5.3.2.2	Tập huấn phát triển kinh tế cộng đồng (phương pháp phát triển/cải tiến sản phẩm; hình thành và quản lý tổ chức kinh tế HTX, doanh nghiệp, tổ nhóm; kỹ năng tiếp thị sản phẩm) dành cho lãnh đạo các tổ chức kinh tế có ý tưởng kinh doanh				319.800.000		106.600.000	106.600.000	106.600.000
a	Công tác tổ chức				-		84.100.000,00	84.100.000	84.100.000
	Thuê hội trường	Ngày	12	3.000.000	36.000.000				
	Thuê máy chiếu, màn chiếu	Ngày	12	1.000.000	12.000.000				
	Khánh tiết	Đợt	3	1.000.000	3.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	150	50.000	7.500.000				
	Nước uống học viên	Người ngày	600	40.000	24.000.000				





	Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	80	800.000	64.000.000				
	Tiền ngủ (8 huyện * 4 đêm/huyện * 2 người)	Đêm							
	Ngủ tại 7 huyện		56	250.000	14.000.000				
	Ngủ tại thành phố		8	300.000	2.400.000				
<b>5.3.4</b>	<b>Tuyên truyền</b>				<b>430.000.000</b>	<b>VP NTM &amp; GN</b>	<b>170.000.000</b>	<b>130.000.000</b>	<b>130.000.000</b>
<b>a</b>	Truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng				130.000.000		70.000.000	30.000.000	30.000.000
	<i>Trên các phương tiện truyền thông đại chúng</i>	<i>Năm</i>	<i>3</i>						
	<i>Xây dựng Website OCOP</i>	<i>Trang</i>	<i>1</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>		<i>20.000.000</i>		
	<i>Duy trì, cập nhật nội dung thông tin trên Website Chương trình</i>	<i>Năm</i>	<i>3</i>	<i>30.000.000</i>	<i>90.000.000</i>		<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
	<i>Thiết kế, bảo hộ nhãn hiệu OCOP-BK</i>	<i>VB</i>	<i>1</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>		<i>20.000.000</i>		
<b>b</b>	Tài liệu, ấn phẩm,...				300.000.000		100.000.000	100.000.000	100.000.000
	<i>Xây dựng, in ấn, phát hành bản tin OCOP hàng Quý</i>	<i>Năm</i>	<i>3</i>	<i>50.000.000</i>	<i>150.000.000</i>				
	<i>In ấn sản phẩm nhận dạng OCOP: huy hiệu, tờ rơi, tranh cổ động...</i>	<i>Năm</i>	<i>3</i>	<i>50.000.000</i>	<i>150.000.000</i>				
<b>5.3.5</b>	<b>Tổ chức đăng ký và tiếp nhận ý tưởng sản phẩm</b>				<b>111.900.000</b>	<b>VP NTM &amp; GN, Tư vấn</b>	<b>37.300.000</b>	<b>37.300.000</b>	<b>37.300.000</b>
<b>a</b>	Tiếp nhận, hướng dẫn, đánh giá sơ bộ, tổng hợp,...	Người			-				
<b>b</b>	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận và xét chọn ý tưởng sản phẩm OCOP (OCOP tỉnh)				63.000.000		21.000.000	21.000.000	21.000.000
	<i>Tiền thuê xe</i>	<i>Ngày</i>	<i>21</i>	<i>1.500.000</i>	<i>31.500.000</i>				
	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>Người ngày</i>	<i>63</i>	<i>200.000</i>	<i>12.600.000</i>				
	<i>Thuế phòng nghỉ</i>	<i>Người ngày</i>	<i>63</i>	<i>300.000</i>	<i>18.900.000</i>				
<b>c</b>	Chi phí chuyển gia				48.900.000		16.300.000	16.300.000	16.300.000
	Tiền xe đi lại (8 chuyên * 2 ngày/chuyên)		16	1.500.000	24.000.000				
	Thù lao chuyên gia:				-				
	+ Chuyên gia Mức 3		16	800.000	12.800.000				
	+ Chuyên gia Mức 4		16	500.000	8.000.000				
	Tiền ngủ (8 chuyên * 1 đêm/chuyên * 2 người)				-				
	+ Ngủ tại huyện		14	250.000	3.500.000				
	+ Ngủ tại thành phố		2	300.000	600.000				
<b>5.3.6</b>	<b>Tổ chức lựa chọn kế hoạch kinh doanh (Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận và xét chọn kế hoạch kinh doanh)</b>				<b>262.500.000</b>	<b>VP NTM &amp; GN, Tư vấn, OCOP huyện</b>	<b>87.500.000</b>	<b>87.500.000</b>	<b>87.500.000</b>
<b>a</b>	Tiếp nhận, hướng dẫn, đánh giá sơ bộ, tổng hợp,...	Người			-				
<b>b</b>	Hợp đánh giá, xét chọn				177.600.000		59.200.000	59.200.000	59.200.000
	<i>Chủ tịch Hội đồng</i>	<i>Người ngày</i>	<i>48</i>	<i>1.000.000</i>	<i>48.000.000</i>				
	<i>Thư ký</i>	<i>Người ngày</i>	<i>48</i>	<i>700.000</i>	<i>33.600.000</i>				
	<i>Thành viên Hội đồng</i>	<i>Người ngày</i>	<i>240</i>	<i>200.000</i>	<i>48.000.000</i>				
	<i>Nước uống</i>	<i>Người ngày</i>	<i>480</i>	<i>20.000</i>	<i>9.600.000</i>				
	<i>Tài liệu</i>	<i>Người ngày</i>	<i>480</i>	<i>50.000</i>	<i>24.000.000</i>				

	Dại biểu không hưởng lương ngân sách	Người ngày	96	150.000	14.400.000				
c	OCOP tỉnh kiểm tra (tại huyện)				35.700.000				
	Tiền thuê xe	Ngày	15	1.500.000	22.500.000		11.900.000	11.900.000	11.900.000
	Phụ cấp lưu trú	Người ngày	30	200.000	6.000.000				
	Thuế phòng nghỉ	Người ngày	24	300.000	7.200.000				
d	Công chuyên gia				49.200.000		16.400.000	16.400.000	16.400.000
	Tiền xe đi lại (3 chuyên * 5 ngày/chuyên)	ngày	15	1.500.000	22.500.000				
	Chuyên gia mức 2	Ngày	15	800.000	12.000.000				
	Chuyên gia mức 3	Ngày	15	500.000	7.500.000				
	Tiền ngủ	Người ngày	24	300.000	7.200.000				
5.3.7	Triển khai kế hoạch kinh doanh (cộng đồng chủ động triển khai; OCOP tỉnh, huyện. Tư vấn, hỗ trợ)				100.200.000	Tư vấn	33.400.000	33.400.000	33.400.000
	Chi phí tư vấn				100.200.000		33.400.000	33.400.000	33.400.000
	Tiền xe đi lại (3 chuyên * 10 ngày/chuyên)	ngày	30	1.500.000	45.000.000				
	Chuyên gia mức 2	Ngày	30	800.000	24.000.000				
	Chuyên gia mức 3	Ngày	30	500.000	15.000.000				
	Tiền ngủ	Người ngày	54	300.000	16.200.000				
5.3.8	Tổ chức đánh giá sản phẩm (tổ chức cuộc thi sản phẩm cấp huyện, tỉnh)				1.021.400.000	VP NTM & GN, Tư vấn, OCOP huyện	382.700.000	382.700.000	256.000.000
5.3.8.1	Cấp huyện (1 đợt/năm x 3 năm: 2018, 2019, 2020)				-		190.600.000	190.600.000	99.400.000
a	Hướng dẫn làm hồ sơ dự thi				7.200.000		2.400.000	2.400.000	2.400.000
	Tiền nước uống	Người ngày	120	20.000	2.400.000				
	Phó tài liệu	Bộ	240	20.000	4.800.000				
b	Thi cấp huyện				216.000.000		72.000.000	72.000.000	72.000.000
b1	Hội đồng cấp huyện				168.000.000		56.000.000	56.000.000	56.000.000
	Chủ tịch Hội đồng đánh giá sản phẩm - Trưởng ban OCOP huyện	Người	24	1.000.000	24.000.000				
	Thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm - Thành viên ban OCOP huyện, các phòng ban	Người	192	700.000	134.400.000				
	Thành viên tổ thư ký (1 ngày thi + 1 ngày tiếp nhận, chuẩn bị) - cán bộ chuyên môn	Người	48	200.000	9.600.000				
b2	Người dự thi				48.000.000		16.000.000	16.000.000	16.000.000
	Chuẩn bị hồ sơ dự thi	Người ngày	72	-	-				
	Hỗ trợ đi lại, lưu trú	Người ngày	240	200.000	48.000.000				
c	Chuyên kết quả lên tỉnh	Lượt	24	500.000	12.000.000		4.000.000	4.000.000	4.000.000
d	Dự và chỉ đạo các địa phương tổ chức chấm thi các sản phẩm OCOP				63.000.000		21.000.000	21.000.000	21.000.000
	Tiền thuê xe	Ngày	21	1.500.000	31.500.000				
	Phụ cấp lưu trú	Người ngày	63	200.000	12.600.000				
	Thuế phòng nghỉ	Người ngày	63	300.000	18.900.000				
c	Chi phí tư vấn				182.400.000		91.200.000	91.200.000	
	Tiền xe đi lại (1 chuyên * 3 ngày/chuyên * 4 huyện * 2 kỳ * 1.500.000đ/ngày)	ngày	48	1.500.000	72.000.000				

	Thủ lao chuyên gia								
	Chuyên gia mức 1	Ngày	48	800.000	38.400.000				
	Chuyên gia mức 3 (2 người)	Ngày	96	500.000	48.000.000				
	Tiền ngày	người ngày	96	250.000	24.000.000				
5.3.8.2	Cấp tỉnh (1 đợt/năm x 3 năm:)				540.800.000	VP NTM & CN, tư vấn	192.100.000	192.100.000	156.600.000
a	Tổ chức cuộc thi				235.650.000		78.550.000	78.550.000	78.550.000
a1	Hội ban tổ chức Hội thi (1 ngày)				4.050.000		1.350.000	1.350.000	1.350.000
	Tiền nước uống	Người ngày	45	40.000	1.800.000				
	Phó tế tài liệu	Bộ	45	50.000	2.250.000				
a2	Hội đồng đánh giá (1 ngày)				2.700.000		900.000	900.000	900.000
	Tiền nước uống	Người ngày	30	40.000	1.200.000				
	Phó tế tài liệu	Bộ	30	50.000	1.500.000				
a3	Tiếp nhận sản phẩm (2 ngày)				65.100.000		21.700.000	21.700.000	21.700.000
	Thuế giá đựng sản phẩm	Cái ngày	90	350.000	31.500.000				
	Thuế tử bảo ôn	Cái ngày	60	500.000	30.000.000				
	Mua phích đun nước	Cái ngày	6	350.000	2.100.000				
	Dao, kéo, đĩa, ...	Cái ngày	3	500.000	1.500.000				
a4	Tổ chức chấm thi (6 ngày)				16.200.000		5.400.000	5.400.000	5.400.000
	Phiếu chấm điểm của Hội đồng và tổ thư ký	Bộ * sản phẩm	1.800	5.000	9.000.000				
	Tiền nước uống	Người ngày	180	40.000	7.200.000				
a5	Bồi dưỡng chấm thi sản phẩm				147.600.000		49.200.000	49.200.000	49.200.000
	Chủ tịch Hội đồng đánh giá sản phẩm	Người ngày	18	1.000.000	18.000.000				
	Thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm	Người ngày	144	700.000	100.800.000				
	Thành viên tổ thư ký (6 ngày chấm thi + 2 ngày tiếp nhận sản phẩm)	Người ngày	96	200.000	19.200.000				
	Các thành viên tổ thư ký hành chính, tổ giúp việc	Người ngày	48	200.000	9.600.000				
b	Chi tư vấn (hội Ban tổ chức hội thi, hội đồng đánh giá và đánh giá sản phẩm)				71.000.000		35.500.000	35.500.000	
	Tiền xe đi lại	ngày	20	1.500.000	30.000.000				
	Thủ lao chuyên gia								
	+ Chuyên gia mức 1	Ngày	10	1.500.000	15.000.000				
	+ Chuyên gia mức 3	Ngày	10	800.000	8.000.000				
	+ Chuyên gia mức 4 (2 người)	ngày	20	500.000	10.000.000				
	Thuế phòng nghỉ (4 người * 4 đêm * 2 kỳ)	Người đêm	32	250.000	8.000.000				
c	Kiểm định test sản phẩm OCOP				204.900.000		68.300.000	68.300.000	68.300.000
	Kính phí thăm định	Sản phẩm	45	4.500.000	202.500.000				
	Kính phí đi lại, vận chuyển	Chuyến	24	100.000	2.400.000				
d	Công bố kết quả cuộc thi				29.250.000		9.750.000	9.750.000	9.750.000
	In giấy chứng nhận	Bản	45	20.000	900.000				
	Khung giấy chứng nhận	Cái	45	30.000	1.350.000				
	Bồi dưỡng dân chương trình	Người	6	1.500.000	9.000.000				
	Chi khác (Hoa tặng, ...)	Năm	3	6.000.000	18.000.000				

5.3.9	Rà soát, điều chỉnh chu kỳ (tư vấn thực hiện, OCOP tỉnh, huyện hỗ trợ)				77.700.000	VP NTM & GN, Tư vấn	30.100.000	30.100.000	17.500.000
a	<b>OCOP tỉnh kiểm tra (tại huyện)</b>				52.500.000		17.500.000	17.500.000	17.500.000
	Tiền thuê xe	Ngày	21	1.500.000	31.500.000				
	Phụ cấp lưu trú	Người ngày	42	200.000	8.400.000				
	Thuế phòng nghỉ	Người ngày	42	300.000	12.600.000				
b	<b>Chi phí tư vấn</b>				25.200.000		12.600.000	12.600.000	
	Tiền xe đi lại	Ngày	6	1.500.000	9.000.000				
	Thù lao chuyên gia:				-				
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	6	1.500.000	9.000.000				
	Chuyên gia Mức 3	Ngày	6	800.000	4.800.000				
	Tiền ngủ	Người ngày	8	300.000	2.400.000				
5.3.10	Xây dựng hệ thống hỗ trợ xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP-BK				258.400.000	Tư vấn	223.000.000	35.400.000	-
5.3.10.1	<b>Khảo sát thực trạng</b>				223.000.000		223.000.000	-	-
	<b>Chi phí chuyên gia</b>				223.000.000		223.000.000		
	Tiền xe đi lại	Ngày	64	1.500.000	96.000.000				
	Thù lao chuyên gia:				-				
	+ Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	128	800.000	102.400.000				
	Tiền ngủ (2 người * 2 chuyên * 2 đêm * 8 huyện)				-				
	+ Ngủ tại huyện	Ngày	84	250.000	21.000.000				
	+ Ngủ tại thành phố	Người ngày	12	300.000	3.600.000				
5.3.10.2	<b>Đề xuất hệ thống xúc tiến thương mại</b>				35.400.000		-	35.400.000	-
	<b>Chi phí chuyên gia</b>				35.400.000			35.400.000	
	Tiền xe đi lại	Ngày	6	1.500.000	9.000.000				
	Thù lao chuyên gia:				-				
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	6	1.500.000	9.000.000				
	Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	12	800.000	9.600.000				
	Chuyên gia Mức 4	Ngày	6	500.000	3.000.000				
	Tiền ngủ (4 người * 2 chuyên * 2 đêm)	Người ngày	16	300.000	4.800.000				
5.3.10.3	<b>Xúc tiến thương mại</b>				8.286.800.000		1.580.000.000	3.853.400.000	2.853.400.000
a	Hội chợ, triển lãm				4.000.000.000	Sở Công thương	800.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
	Tổ chức hội chợ OCOP thường niên tại tỉnh	Đợt	5	800.000.000	4.000.000.000	Sở Công thương			
	Triển lãm	Đợt	9	-	-	Sở Công thương			
b	Đoàn xúc tiến trong nước, quốc tế	Đợt	6	40.000.000	240.000.000	Sở Công thương	80.000.000	80.000.000	80.000.000
c	Hỗ trợ quảng bá trên truyền thông đại chúng		1		946.800.000	VP NTM & GN, OCOP		473.400.000	473.400.000

					huyện				
	Xây dựng phòng sự (sản phẩm 3-5 sao)	Sản phẩm	45	10.000.000	450.000.000				
	Phát sóng trên Truyền hình tỉnh	Phút	270	690.000	186.300.000				
	Quảng bá trên sóng phát thanh	phút	450	345.000	155.250.000				
	Quảng bá trên báo	tin, bài	450	345.000	155.250.000				
d	Cơ sở hạ tầng: Hỗ trợ xây dựng/nâng cấp TT/điểm bán hàng OCOP		1		3.100.000.000	VP NTM & GN, OCOP huyện	700.000.000	1.700.000.000	700.000.000
	TT OCOP cấp tỉnh	TT	1	1.000.000.000	1.000.000.000	VP NTM & GN, OCOP huyện		1.000.000.000	
	TT OCOP cấp huyện	TT	3	500.000.000	1.500.000.000	VP NTM & GN, OCOP huyện	500.000.000	500.000.000	500.000.000
	Điểm bán hàng OCOP	Điểm	6	100.000.000	600.000.000	VP NTM & GN, OCOP huyện	200.000.000	200.000.000	200.000.000
VI	Phát triển sản phẩm				57.855.000.000		14.435.000.000	22.710.000.000	20.710.000.000
6.1	Nâng cấp, phát triển sản phẩm				31.855.000.000	VP NTM&GN, Khuyến nông, Sở C.thương, Khuyến công, Sở KHCN, VH-TT-Du lịch	8.435.000.000	11.710.000.000	11.710.000.000
	Tiêu chuẩn hóa chất lượng	Sản phẩm	80	10.000.000	800.000.000	Sở KHCN	200.000.000	300.000.000	300.000.000
	Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	Sản phẩm	50	10.000.000	500.000.000	Sở KHCN	100.000.000	200.000.000	200.000.000
	Câu chuyện sản phẩm	Sản phẩm	80	6.000.000	480.000.000	Sở VH-TT-DL	120.000.000	180.000.000	180.000.000
	Ứng dụng tem điện tử thông minh cho sản phẩm OCOP	Sản phẩm	50	1.500.000	75.000.000	Sở KHCN	15.000.000	30.000.000	30.000.000
	Hỗ trợ phát năng cấp/mở rộng/triển khai sản xuất (sản phẩm đã có)	Sản phẩm	30	200.000.000	6.000.000.000	VP NTM & GN, Sở KHCN, Khuyến Công, Khuyến Nông, UBND huyện	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	Hỗ trợ phát triển sản phẩm mới	Sản phẩm	80	300.000.000	24.000.000.000	VP NTM & GN, Sở KHCN, Khuyến Công, Khuyến Nông, UBND huyện	6.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
6.2	Xây dựng và triển khai các dự án thể mạnh của nông nghiệp và nông thôn cấp tỉnh (bao gồm du lịch, dịch vụ)				21.000.000.000	VP NTM&GN, Sở NN&PTNT, Sở C.thương, Sở KHCN, VH-TT-Du lịch	5.000.000.000	9.000.000.000	7.000.000.000
6.2.1	Phát triển trực du lịch gắn với OCOP Chợ Mới - Ba Bể - Ngân Sơn				6.000.000.000	VH-TT-Du lịch, OCOP huyện	2.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000
	Dự án phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng tại Chợ Mới	Dự án	1	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	
	Dự án phát triển khu du lịch quốc gia Ba Bể	Dự án	1	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000		
	Dự án phát triển điểm du lịch thác Rọm (Bách Thông), Thác Nà Khoang (Ngân Sơn)	Dự án	2	1.000.000.000	2.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000

6.3	Dự án nâng cấp, mở rộng chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: (05 Dự án), dự kiến: Quýt, Miến dong, Hồng không hạt, Bì xanh thơm, Cây dược liệu....	Dự án	5	3.000.000.000	15.000.000.000	VP NTM & GN, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, Sở C.thương, OCOP huyện	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
6.4	Các Dự án Thanh viên khởi nghiệp OCOP	Dự án	10	500.000.000	5.000.000.000	VP NTM&GN, Sở C.thương, Sở KH&CN	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
VII	Phát triển tổ chức kinh tế				208.200.000		49.400.000	94.400.000	64.400.000
7.1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tham gia Đề án OCOP	HTX	10	15.000.000	150.000.000	VP NTM&GN	30.000.000	75.000.000	45.000.000
7.2	Chỉ đạo điểm về tổ chức sản xuất sản phẩm OCOP (cán bộ quản lý OCOP tỉnh)				58.200.000	VP NTM&GN	19.400.000	19.400.000	19.400.000
	Tiền thuê xe	Chuyến	24	1.500.000	36.000.000				
	Công tác phí	Người ngày	48	200.000	9.600.000				
	Thuê phòng nghỉ	Người ngày	42	300.000	12.600.000				
VIII	Học hỏi kinh nghiệm triển khai chương trình OCOP				950.000.000		150.000.000	650.000.000	150.000.000
8.1	Trong nước (tại các tỉnh tiêu biểu trong công tác triển khai Chương trình OCOP)	Chuyến	3	150.000.000	450.000.000	VP NTM&GN	150.000.000	150.000.000	150.000.000
8.2	Quốc tế (OTOP Thái Lan)	Chuyến	1	500.000.000	500.000.000	VP NTM&GN		500.000.000	
IX	Tổng kết Đề án OCOP Bắc Kan				737.700.000		225.900.000	225.900.000	285.900.000
9.1	Giám sát, đánh giá, sơ kết bài học kinh nghiệm				109.800.000	VP NTM&GN, Tư vấn	36.600.000	36.600.000	36.600.000
9.1.1	Cán bộ quản lý OCOP tỉnh				63.000.000	VP NTM&GN	21.000.000	21.000.000	21.000.000
a	Cán bộ OCOP tỉnh kiểm tra				63.000.000		21.000.000	21.000.000	21.000.000
	Tiền thuê xe	Ngày	21	1.500.000	31.500.000				
	Công tác phí	Người ngày	63	200.000	12.600.000				
	Thuê phòng nghỉ	Người ngày	63	300.000	18.900.000				
b	Chi chuyển gia tư vấn (năm 2018 - 2019-2020)	-	-	-	46.800.000		15.600.000	15.600.000	15.600.000
	Tiền xe đi lại	ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Thủ lao chuyên gia:	Ngày			-				
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	18	800.000	14.400.000				
	Tiền ngủ	người ngày	18	300.000	5.400.000				
9.2	Xây dựng tài liệu tập huấn phát triển OCOP (hình thành và quản lý tổ chức kinh tế làng xã, phát triển sản phẩm, phát triển kinh doanh...)				60.000.000	Tư vấn			60.000.000
	Biên soạn tài liệu	Trang	200	50.000	10.000.000				
	Tổ chức in ấn				50.000.000				
9.3	Hội nghị các đối tác OCOP- BK (tăng cường hợp tác, đầu tư và liên kết giữa các bên trong chuỗi phát triển sản phẩm)				373.800.000	VP NTM & GN, Tư vấn	124.600.000	124.600.000	124.600.000
a	Tổ chức				327.000.000		109.000.000	109.000.000	109.000.000
	Thuê hội Trường (sân khấu, bàn ghế)	Hội nghị	3	20.000.000	60.000.000				

	Thuế máy chiếu	Hội nghị	3	5.000.000	15.000.000				
	Nước uống	Người ngày	300	40.000	12.000.000				
	Makets + hoa tươi	Hội nghị	3	10.000.000	30.000.000				
	Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	300	50.000	15.000.000				
	Bài tham luận/báo cáo	Bộ	15	500.000	7.500.000				
	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương NSNN								
	+ Tiễn ăn	Người ngày	150	150.000	22.500.000				
	+ Phòng nghỉ	Người/dêm	450	300.000	135.000.000				
	+ Đi lại (địa phương - TP Bắc Kạn)	Luợt	150	200.000	30.000.000				
b	Chi phí chuyên gia				46.800.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	
	Tiền xe đi lại (3 chuyên * 3 ngày)	Ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Thủ lao chuyên gia:								
	Chuyên gia Mức 1	Ngày	9	1.500.000	13.500.000				
	Chuyên gia Mức 3 (2 người)	Ngày	18	800.000	14.400.000				
	Tiền ngủ	Người ngày	18	300.000	5.400.000				
9.2	Hội nghị tổng kết về OCOP Bắc Kạn (tại tỉnh)				194.100.000	VP NTM & GN, Tư vấn	64.700.000	64.700.000	64.700.000
a	Tổ chức Hội nghị				169.500.000		56.500.000	56.500.000	56.500.000
	+ Thuế hội Trường	Hội nghị	3	3.000.000	9.000.000				
	+ Thuế máy chiếu	Hội nghị	3	1.000.000	3.000.000				
	+ Nước uống	Người ngày	300	40.000	12.000.000				
	+ Makets + hoa tươi tương Bắc	Hội nghị	3	1.000.000	3.000.000				
	+ Văn phòng phẩm (tài liệu + giấy, bút)	Bộ	300	50.000	15.000.000				
	Bài tham luận/báo cáo	bài	15	500.000	7.500.000				
	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương NSNN								
	+ Tiễn ăn	Người ngày	300	150.000	45.000.000				
	+ Phòng nghỉ	Phòng	150	300.000	45.000.000				
	+ Đi lại (địa phương - TP Bắc Kạn)	Luợt	150	200.000	30.000.000				
b	Chi phí chuyên gia				24.600.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	
	Tiền xe đi lại	Ngày	3	1.500.000	4.500.000				
	Thủ lao chuyên gia:								
	+ Chuyên gia Mức 1	Ngày	3	1.500.000	4.500.000				
	+ Chuyên gia Mức 3 (3 người)	Ngày	9	800.000	7.200.000				
	+ Chuyên gia Mức 4 (2 người)	Ngày	6	500.000	3.000.000				
	Tiền ngủ (6 người * 1 chuyên * 2 dêm)	người ngày	18	300.000	5.400.000				
X	Chi phí quản lý chung				291.000.000		97.000.000	97.000.000	97.000.000
10.1	Thủ lao điều hành	Năm	3	12.000.000	36.000.000	VP NTM & GN	12.000.000	12.000.000	12.000.000
10.2	Chi mua vật tư văn phòng phẩm	Năm	3	30.000.000	90.000.000	VP NTM & GN	30.000.000	30.000.000	30.000.000
10.3	Quản lý chung ĐỀ án	Năm	3	15.000.000	45.000.000	VP NTM & GN	15.000.000	15.000.000	15.000.000
10.4	Chi khác (chi đón tiếp các đoàn tham quan; chi hoạt	Năm	3	40.000.000	120.000.000	VP NTM & GN	40.000.000	40.000.000	40.000.000

	động đột xuất của tỉnh; tham dự hội nghị tại huyện, tỉnh, trung ương (công tác phí, phụ cấp, đi đường,...);...)							
XI	Dự phòng			1.644.750.000	VP NTM & GN	548.250.000	548.250.000	548.250.000
	Tổng			75.100.000.000 0		19.836.500.000 0	29.580.550.000 0	25.533.750.000



**PHỤ LỤC 07: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN  
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

STT	Chính sách	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Thời gian hiệu lực
<b>I. CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG</b>				
1	Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông	Thủ tướng CP	08/01/2010	1/3/2010
2	Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình NTM	Thủ tướng CP	16/8/2016	2016-2020
3	Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình 135	Thủ tướng CP	02/09/2016	2016-2020
4	Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ	Chính phủ	17/10/2014	Còn hiệu lực
5	Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 về ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các Chương trình, dự án, khuyến nông, khuyến ngư	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28/10/2009	Còn hiệu lực
6	Quyết định số 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014 về việc ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	09/01/2014	Còn hiệu lực
7	Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ký ngày 1/3/2017 hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01/03/2017	2016-2020
8	Thông tư số 43/2017/TT-BTC ký ngày 12/5/2017 quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Bộ tài chính	12/5/2017	2016-2020
9	Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	09/10/2017	27/11/2017
10	Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020	HĐND tỉnh	11/4/2017	2017-2020
11	Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ký ngày 22/4/2015 về việc hướng dẫn	Bộ tài chính - Bộ Khoa học & Công	22/4/2015	Còn hiệu lực

	định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	nghệ		
<b>II. CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH BẮC KẠN</b>				
1	Nghị Quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ mô hình phát triển chăn nuôi đàn lợn ta địa phương huyện Chợ Đồn năm 2014-2018	HĐND tỉnh	10/7/2014	2014-2018
2	Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020	HĐND tỉnh	03/04/2015	2015-2020
3	Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn Ban về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020	HĐND tỉnh	11/4/2017	2017-2020
4	Quyết định số 1182/QĐ-UBND tỉnh ký ngày 13/8/2015 về việc phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020	UBND tỉnh	13/8/2015	2016-2020
5	Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/09/2015 về việc ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn	UBND tỉnh	3/9/2015	Còn hiệu lực
6	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 về việc ban hành quy định tạm thời một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;	UBND tỉnh	19/9/2017	2020
7	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc ban hành định mức kỹ thuật tạm thời một số cây trồng không có trong Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	05/10/2017	
8	Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức thu hồi một phần kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;	UBND tỉnh	09/10/2017	Còn hiệu lực

9	Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND tỉnh Bắc Kạn ký ngày 29/08/2017 về việc ban hành quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	UBND tỉnh	29/08/2017	Còn hiệu lực
10	Quyết định số 1245/QĐ-UBND tỉnh Bắc Kạn ký ngày 25/8/2017 về việc ban hành kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2020	UBND tỉnh	25/8/2017	2018-2020
11	Kế hoạch số 288/KH-UBND tỉnh ký ngày 5/9/2016 về việc triển khai thực hiện "Đề án xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020"	UBND tỉnh	05/09/2016	2016-2020
12	Chương trình hành động số 210/CTr-UBND tỉnh ký ngày 15/6/2017 thực hiện Kế hoạch số 40-KH-TU của Tỉnh ủy triển khai Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư (Khóa XII) về đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	UBND tỉnh	15/6/2017	Còn hiệu lực
<b>III. CHÍNH SÁCH CỦA HUYỆN</b>				
1	Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 20/4/2016 của Huyện ủy Chợ Đồn về việc phát triển chăn nuôi theo quy mô gia trại, trang trại tại huyện Chợ Đồn, giai đoạn 2016-2020	Huyện ủy Chợ Đồn	20/4/2016	2016-2020